**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà La Ni Kinh**



**Hán dịch: Ðường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Ðạt Ma**

**Thiển giảng: Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa.**

**1**[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)[**5**](http://www.dharmasite.net/daibidalani5.htm)

**"Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà La Ni Kinh"** là tên gọi đầy đủ của bộ kinh này, mà gọi tắt là "Thiên Thủ Thiên Nhãn Ðại Bi Tâm Ðà La Ni Kinh." Trong đó, "Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà La Ni" là tên riêng (biệt danh), và "Kinh" là tên chung (thông danh). Vì sao gọi là tên riêng? Bởi vì chỉ riêng bộ kinh này được gọi bằng tên ấy mà thôi, các kinh điển khác đều không được mang trùng tên. Ngoài ra, vì các sách ghi chép lời thuyết giảng của Ðức Phật đều được gọi là kinh, cho nên chữ "Kinh" được xem là tên chung.

Bộ kinh này lấy gì để lập danh? Lấy đầy đủ cả "Nhân, Pháp, Dụ" để lập danh. "Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát" là Nhân (người); "Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại" và "Ðại Bi Tâm" là Dụ (tỷ dụ); "Ðà La Ni" là Pháp. "Ðà La Ni" là tiếng Phạm; Trung ngữ dịch là "Tổng Trì." Do đó, "Tổng Trì" là Pháp—loại pháp Tổng Trì. Vậy, tên đề của bộ kinh này có đủ Nhân, Pháp, Dụ.

Trước hết xin giảng về từ ngữ "Thiên Thủ Thiên Nhãn" (ngàn tay ngàn mắt). Làm sao lại có ngàn tay, ngàn mắt? Ðó là hiện tướng oai đức thần thông, được lưu xuất từ chỗ chứng đắc của sự trì niệm Chú Ðại Bi. Chúng ta không nên xem việc tu niệm Chú Ðại Bi là quá dễ dàng, đơn giản! Chú Ðại Bi này cần phải có thiện căn sâu dày từ nhiều đời trước mới có thể gặp được. Nếu không có thiện căn thuộc loại thâm hậu từ đời trước thì chưa nói đến tụng niệm Chú Ðại Bi, mà chỉ muốn nghe thấy ba chữ "Chú Ðại Bi" cũng khó có cơ hội; cho đến tên gọi cũng khó được nghe tới, huống hồ là thấy! Bây giờ, chúng ta không những được thấy mà còn có thể trì tụng nữa, đó là việc hết sức hy hữu; có thể nói là "trăm ngàn vạn kiếp khó tìm gặp" —dù trải qua trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp cũng khó mà gặp được vậy. Hiện chúng ta nhờ có thiện căn chín muồi ở đời trước nên mới được nghe đến ba chữ "Chú Ðại Bi," mới được tham học, trì tụng chương cú thần diệu của Chú Ðại Bi, và mới có thể thuộc được Chú Ðại Bi. Ðó là do có thiện căn, có chủng tử khó nghĩ bàn từ đời trước nên nay mới được như thế.

Vì vậy, hôm nay chúng ta, những người đến nghe Chú Ðại Bi, đều là những người có thiện căn. Quý vị thử nghĩ xem: Trên thế giới này có bao nhiêu người chưa từng được nghe đến tên Chú Ðại Bi? Trọn cả thành phố Cựu Kim Sơn này có thể có trên năm trăm người được nghe tới tên Chú Ðại Bi chăng? Tôi tin là không! Thành phố Cựu Kim Sơn có được bao nhiêu cư dân? Quý vị cứ theo đó mà tính thì có thể suy ra số người có thiện căn trên thế giới là bao nhiêu ngay. Cho nên, nay chúng ta được nghe đến danh hiệu của Chú Ðại Bi thì mỗi người phải sanh tâm hoan hỷ, vui mừng, phải trân quí và phải biết đó là điều khó tìm khó gặp! Không dễ gì mà gặp được Chú Ðại Bi, nay gặp được rồi thì phải thật sự khắc cốt ghi tâm, chớ nên xem nhẹ mà thờ ơ bỏ qua!

Lần này, quý vị được nghe giảng bộ Kinh Ðại Bi Ðà La Ni, âu cũng là một cơ duyên bất khả tư nghì. Số là mấy tháng trước, lúc bộ Kinh Kim Cang sắp được giảng xong, thì các vị hộ pháp của Phật Giáo Giảng Ðường là Quả Ðịa, Quả Ninh và Quả Tiền ngỏ ý muốn được nghe giảng bộ Kinh Ðại Bi Ðà La Ni. Vì sao họ muốn tìm hiểu bộ Kinh này? Bắt đầu từ năm ngoái, ở Phật Giáo Giảng Ðường này mỗi tuần đều có dạy pháp môn bí mật Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn. Pháp môn này không chỉ là bí mật mà vốn từ trước đến nay tôi chưa hề truyền dạy cho ai cả. Song, sang đến Mỹ quốc, tôi nghĩ là cần đem pháp môn bí mật bất truyền này truyền dạy cho quý vị, những người Mỹ có thiện căn. Vì vậy, kể từ năm ngoái, tôi bắt đầu dạy Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn, một pháp môn vi diệu bất khả tư nghì. Tuy nhiên, tôi chẳng hề đến bất cứ nơi nào rêu rao: "Này, tôi có mật pháp nhưng chẳng truyền cho ông đâu!" Mặc dù là pháp bí mật, song tôi vẫn đem truyền bá. Truyền cho những ai? Tất nhiên tôi phải "chọn mặt gởi vàng," chỉ truyền cho những người có đại thiện căn, có quy y Tam Bảo và thâm tín Phật Pháp.

Sau khi tôi truyền xong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn thì có mấy vị sanh lòng khát ngưỡng đối với bộ Kinh Ðại Bi Ðà La Ni, muốn hiểu rõ kinh nghĩa của Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn này. Cho nên, do cư sĩ Quả Ðịa khởi xướng, mọi người mời tôi giảng bộ Kinh Ðại Bi Ðà La Ni. Lúc ấy, tôi thấy khó mà từ khước trước lòng thành của nhóm Phật tử này, nên đã bằng lòng nhận giảng Kinh Ðà La Ni. Nhưng giảng xong Kinh Kim Cang thì lại tiếp tục giảng Tâm Kinh. Tâm Kinh tuy là hai trăm mấy chục chữ nhưng giảng xong cũng mất hết hai, ba tháng. Thật ra trong hai, ba tháng ấy tôi chỉ giảng vào ngày Chủ nhật mà thôi, chứ không phải là ngày nào cũng giảng. Nếu ngày nào cũng giảng thì khoảng một hoặc nửa tháng là xong. Hiện tại Tâm Kinh đã giảng xong, bây giờ bắt đầu giảng bộ Ðại Bi Ðà La Ni Kinh.

Ðây là một bộ Kinh có thể nói là hầu hết quý vị chưa từng được nghe qua; và chẳng riêng gì quý vị mà ngay cả người Trung Hoa cũng vậy, số người được nghe đến bộ Kinh này cũng rất ít. Người Trung Hoa mà đã được nghe, rồi có thể giảng giải nghĩa lý của Kinh một cách tường tận cũng là không dễ, cũng là hy hữu vậy!

Vì vậy, bây giờ tôi đem bộ Kinh Ðại Bi Ðà La Ni này giảng cho quý vị nghe thì mỗi người, trước hết, phải quét sạch tất cả những "rác rưởi" trong đầu óc của mình. Ðừng khởi nhiều vọng tưởng, đừng quá nặng lòng tham, chớ sanh tâm sân hận và cũng chớ quá si mê. Phải quét sạch những rác rưởi tham sân si trước; đó cũng chính là quét dọn sạch sẽ tất cả những đồ "xú uế " trong mỗi người. Phải thu dọn và quét sạch mọi thứ bất tịnh trong chính mình ra ngoài, để sau đó có thể chứa đựng nước cam lồ pháp vị. Bấy giờ quý vị mới có thể thanh tịnh mà chứng đắc pháp lực của pháp môn này. Ðây là điều tối trọng yếu, quý vị cần lưu tâm!

Bây giờ giảng về từ ngữ "Thiên Thủ Thiên Nhãn (ngàn tay, ngàn mắt)."

Có người nói rằng: "Phải tu pháp Ðại Bi Ðà La Ni thì mới đạt được ngàn tay ngàn mắt; thế nhưng ‘ngàn tay ngàn mắt’ này dùng để làm gì?" Và còn cho rằng: "Chúng ta mỗi người có được hai tay, hai mắt là đã tốt quá rồi. Hai tay có thể giúp ta cầm nắm đồ vật, hai mắt cho ta nhìn thấy mọi điều; thế thì còn muốn có nhiều mắt, nhiều tay như vậy để làm gì? Xét ra, hiện chúng ta đang ở vào thời đại khoa học, nhiều tay nhiều mắt đến thế cũng chẳng ích lợi gì!" Vậy, nếu quý vị chê nhiều thì khỏi cần tu pháp Ðại Bi!

Bây giờ tôi giải thích từ ngữ "Thiên Nhãn (ngàn mắt)" trước. Quý vị đều có hai con mắt, và quý vị phải mở mắt ra nhìn thì mới thấy được sự vật, nếu nhắm hai con mắt này lại thì không còn trông thấy gì nữa. Tuy nhiên, nếu quý vị có một ngàn con mắt thì có thể khiến chúng thay phiên nhau làm việc—cho con mắt này nhắm lại để nghỉ ngơi, mở con mắt kia ra để nhìn ngó; quý vị thấy có vi diệu không nào?

"Ngàn mắt" này được gọi là "thiên nhãn chiếu kiến" (ngàn mắt chiếu soi). Con mắt phàm của chúng ta chỉ có thể nhìn thấy trong phạm vi mười hoặc hai mươi dặm; nếu quý vị dùng kính viễn vọng thì có thể thấy xa tới khoảng một trăm dặm, còn xa hơn nữa thì e rằng không đủ khả năng. Nếu quý vị có được một ngàn con mắt thì thế nào? Trăm dặm, ngàn dặm, vạn dặm, tận hư không, khắp Pháp Giới—vô số vô biên hành tinh và hệ ngân hà—quý vị đều có thể thấy rõ. Bấy giờ, không cần xem vô tuyến truyền hình mà quý vị vẫn có thể biết được: "Ồ! Hai phi hành gia đang đi trên mặt trăng!" Quý vị thấy có vi diệu hay không? Hiện tại quý vị phải nhờ vào ti-vi mới có thể thấy được con người đặt chân lên nguyệt cầu; nhưng nếu quý vị có ngàn mắt thì khỏi phải dùng ti-vi mà vẫn thấy được rõ ràng. Chẳng những khỏi cần ti-vi mà quý vị còn khỏi cần trang bị ăng-ten hay hệ thống ra-đa, và cũng chẳng phải trả tiền nữa—bớt được bao nhiêu là rắc rối! Quý vị bảo rằng có một ngàn con mắt là không tốt ư? Bây giờ quý vị biết đó là điều tốt rồi chứ?

Chẳng những thế, với ngàn con mắt này, quý vị có thể từ phía trước thấy được phía sau, từ đằng sau trông rõ đằng trước. Hư Vân Lão Hòa Thượng có câu thơ rằng:

Não hậu kiến tai kình diều tử,

Ðỉnh môn cụ nhãn tróc phi hùng.

*(Sau đầu thấy má: chụp diều hâu,*

*Cửa đỉnh đủ mắt: tóm gấu bay.)*

Chúng ta vốn không thể nào thấy được mặt mũi của chính mình; tuy nhiên, nếu quý vị có ngàn mắt thì ở phía sau có thể nhìn thấy phía trước, ở phía trước cũng có thể nhìn thấy phía sau—có thể thấy được bản lai diện mục của chính mình. Bấy giờ, quý vị cũng có thể thấy được những gì ở trong bụng mình, biết được trong đó có bao nhiêu con trùng chết, trùng lười biếng... Từ bên ngoài quý vị có thể thấy rõ bên trong và từ phía trong quý vị có thể thấy rõ phía ngoài, giống như nhìn xuyên qua bức tường bằng pha-lê hay thủy tinh vậy. Bụng quý vị lúc ấy tựa như pha-lê—lóng lánh, trong suốt, không còn có sự ngăn cách giữa trong và ngoài. Nhờ đó, quý vị có thể thấy được tim mình hình thù như thế nào, bụng mình muốn nói điều gì, và cũng biết được mọi ý tưởng cũng như mọi hoạt động của các *machines*—các cơ quan—trong cơ thể mình. Thế nào, bây giờ quý vị có muốn có ngàn mắt không? Quý vị có còn cho rằng có hai con mắt là đủ rồi nữa không? Tôi e rằng bây giờ quý vị cũng nhận thấy như thế là chưa đủ. Ngàn mắt có nhiều diệu dụng như vậy đấy!

Còn "Thiên Thủ (ngàn tay)" thì sao? Tay dùng để cầm nắm đồ vật. Không cần nói đâu xa, bây giờ chúng ta hãy lấy việc cầm tiền làm thí dụ. Quý vị có hai tay, mỗi tay có thể cầm được mười ngàn đồng chẳng hạn; vậy nếu tôi có một ngàn tay thì tôi có thể cầm được mười triệu đồng. Quý vị không thể nào một lúc mà cầm được nhiều tiền như tôi, quý vị thấy có kỳ diệu không chứ? Hoặc lấy một thí dụ khác, như chia táo chẳng hạn. Quý vị cứ tha hồ, lấy được bao nhiêu táo thì lấy. Tất nhiên, nếu quý vị có một ngàn tay thì lấy được một ngàn trái táo, có hai tay thì chỉ lấy được hai trái. Quý vị xem, như vậy có hữu dụng không chứ? Tuy nhiên, ngàn tay này chẳng phải để dùng vào chuyện vặt vãnh, tầm thường, cũng chẳng phải dùng để tranh ăn như trò chơi của trẻ con.

Công năng của ngàn tay là cứu người. Thí dụ có một ngàn người bị té xuống biển, quý vị có hai tay thì tay này kéo một người, tay kia lôi một người, tức là chỉ có thể cứu được hai người mà thôi. Nếu quý vị có được một ngàn tay thì chỉ việc thò luôn một ngàn cánh tay xuống biển là vớt được cả một ngàn người suýt bị chết đuối ấy lên bờ. Quý vị thắc mắc là một ngàn cánh tay này dùng để làm gì ư? Ðể cứu người đấy! Cho nên nói:

"Thiên Nhãn chiếu kiến, Thiên Nhĩ diêu văn, Thiên Thủ hộ trì."

*(Ngàn mắt chiếu soi, Ngàn tai lắng nghe, Ngàn tay cứu giúp.)*

Ngàn tay là để hộ trì tất cả chúng sanh—nếu như có một chúng sanh có khổ nạn gì thì quý vị chỉ cần duỗi một cánh tay ra là cứu được chúng sanh ấy thoát vòng khổ ải. Nếu chỉ có hai tay thì quý vị không thể cứu độ được nhiều người. Cho nên Ðức Quán Thế Âm Bồ Tát có ngàn tay ngàn mắt là để cứu hộ tất cả chúng sanh, chứ không phải để đi ăn trộm. Quý vị cần phải hiểu rõ điểm này! Không được khoác lác rằng mình có một ngàn cánh tay để hái trộm một ngàn trái táo!

Ngàn tay và ngàn mắt này rốt ráo là từ đâu đến? Vừa rồi tôi chẳng bảo đó là từ Chú Ðại Bi sanh xuất ra hay sao? Quý vị chỉ cần tụng Chú Ðại Bi, và tu Ðại Bi Pháp của Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn là được. Thủ Nhãn cuối cùng trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn có tên là Tổng Nhiếp Thiên Tý Thủ. Hễ quý vị tụng câu chú của Thủ Nhãn này một biến, thì quý vị sẽ có thêm bốn mươi hai cánh tay. Tụng một biến thì có được bốn mươi hai cánh tay; tụng mười biến thì được 420 tay; tụng một trăm biến thì được 4.200 tay. Nếu quý vị tụng một ngàn biến thì sẽ có được 42.000 cánh tay, và cũng có luôn cả 42.000 con mắt. Vấn đề là quý vị có chịu khó tu tập hay không mà thôi! Bởi, Thiên Thủ Thiên Nhãn không phải chỉ trong một sớm một chiều mà thành tựu được. Quý vị tu pháp môn này, nếu ngày ngày đều miệt mài dụng công không hề gián đoạn, ngày ngày đều y Pháp tu hành, thì sẽ thành tựu được thứ diệu dụng bất khả tư nghì. Tuy nhiên, nếu quý vị hôm nay tu, ngày mai nghỉ, thì sẽ chẳng có tác dụng gì cả! Muốn lấy được bằng cấp tiến sĩ của thế gian, thì từ lúc khởi sự học hành cho đến khi thành đạt cũng phải mất khoảng mười bốn, mười lăm năm công phu đèn sách; huống hồ là tu học Phật Pháp? Học Phật Pháp, nếu quý vị không thật sự dụng công hành trì thì chẳng thể nào có sự thành tựu được!

Quán Thế Âm Bồ Tát là vị Bồ Tát tinh tấn nhất, siêng năng nhất, và không hề muốn nghỉ ngơi. Ngài sẵn lòng suốt ngày cứu độ chúng sanh, chẳng nề hà công việc nhiều vất vả, cũng chẳng quản ngại chúng sanh lắm khổ nạn; cho nên có thể nói rằng Ngài là vị Bồ Tát bận rộn nhất. Ngài không phải là một vị Bồ Tát lười biếng, thích nghỉ ngơi nhàn nhã, mà là một vị Bồ Tát chăm chỉ, cần mẫn nhất. Bởi một cánh tay thì cứu được quá ít người, hai cánh tay thì số người cứu được cũng còn giới hạn; do đó, Ngài muốn có ngàn tay ngàn mắt—một ngàn cánh tay để cứu vớt và một ngàn con mắt để chiếu cố tất cả chúng sanh trong Tam Thiên Ðại Thiên thế giới. Các chúng sanh mà Ngài chiếu cố đều là những chúng sanh gánh chịu nhiều đau khổ, và các chúng sanh mà Ngài cứu độ là những chúng sanh gặp phải tai ương, hoạn nạn.

Chữ "Quán" trong "Quán Thế Âm Bồ Tát" có nghĩa là quán sát, theo dõi. Quán sát cái gì? Quán sát thế giới này. Quán sát cái gì ở thế giới này? Quán sát âm thanh của thế giới này. "Quán" chính là trí huệ năng quán, tức là chủ thể trí huệ quán sát. "Thế" là cảnh giới sở quán—đối tượng, cảnh giới được quán sát—và đó chính là tất cả chúng sanh trong thế giới này.

Chúng sanh lúc khốn khổ gian nan thì thường nghĩ đến ai? Nghĩ đến người cha đại từ bi, nghĩ đến người mẹ đại từ bi. Người cha đại từ bi ấy là ai? Ðó là Bồ Tát Quán Thế Âm. Người mẹ đại từ bi ấy là ai? Cũng chính là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhớ nghĩ đến Ngài rồi thì sao? Họ liền niệm "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Ðại Từ Ðại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát..." Họ vừa niệm "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát," thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền dùng ngàn mắt trí huệ để nhìn, dùng tai trí huệ để lắng nghe, rồi dùng tay trí huệ để cứu vớt họ.

Chúng sanh có tai nạn khổ ách không phải lúc nào cũng lẻ tẻ, lần lượt từng người một. Nếu trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời lâm nạn, tức là sẽ có trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời cầu cứu, xưng niệm "Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát"; thì Ðức Quán Thế Âm sẽ đồng thời cứu vớt và tất cả đều sẽ đồng thời được giải thoát, đồng thời được an vui. Vì thế, Bồ Tát Quán Thế Âm được gọi là "Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát."

Bồ Tát luôn cứu giúp con người. Nếu quý vị cứu giúp con người, quý vị chính là Bồ tát; nếu tôi cứu giúp con người, tôi cũng là Bồ tát. Nếu quý vị không cứu giúp con người thì quý vị chính là la-sát; và nếu tôi không cứu giúp con người, tôi cũng là la-sát. Quỷ la-sát và Bồ Tát Quán Thế Âm mới nhìn dung mạo bề ngoài tưởng chừng như không khác nhau là bao, nhưng sự thật lại hoàn toàn tương phản! La-sát quỷ nữ rất xinh đẹp, song cũng rất ích kỷ, chỉ biết mưu lợi cho mình mà thôi. Ðiểm khác biệt chính là một bên thì chỉ biết lợi mình mà không biết lợi người; còn một bên thì chỉ biết lợi người mà không màng đến lợi mình. Cho nên, tướng mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát rất viên mãn, dung mạo của la-sát nữ cũng chẳng kém ai, nhưng do tâm địa bất đồng, một niệm sai biệt, mà thành ra khác nhau vậy!

Thế nên, nếu quý vị muốn học Quán Thế Âm Bồ Tát thì quý vị phải đi cứu người giúp đời, lợi ích quần sanh. Có người nói: "Tôi không có khả năng gì cả—thứ nhất, tôi không có tiền; thứ hai, tôi không biết thuyết giảng Phật pháp, không khéo ăn nói. Vậy thì tôi làm sao mang lại lợi ích cho nhân loại được?"

Tôi bảo cho quý vị biết: Quý vị có "miệng từ bi, lưỡi phương tiện." "Miệng từ bi" tức là có lòng nhân từ, không chưởi mắng người khác. "Lưỡi phương tiện" tức là dùng căn lưỡi của mình làm phương tiện, chứ không phải để nói chuyện thị phi. Ví như có xảy ra sự xích mích gì đó, mà quý vị, bằng phương tiện quyền xảo giảng nói, làm cho đôi bên được hòa giải, hoặc bằng lời lẽ khéo léo mà hóa giải được các tranh chấp trên thế gian, dập tắt được hiểm họa chiến tranh thế giới—đó là quý vị dùng "lưỡi phương tiện" vậy. Có câu:

*"Miệng từ bi, lưỡi phương tiện,*

*Có tiền, không tiền đều tạo đức được."*

Có tiền hay không có tiền đều có thể tạo được công đức như nhau. Ðương nhiên có tiền thì cũng có tốt hơn đôi chút, nhưng nếu quý vị không có tiền thì bất tất phải lo buồn, cũng chẳng nên nghĩ: "Tôi nghèo quá, làm sao làm việc phước đức được?" Làm việc công đức cốt là để cho quý vị nuôi dưỡng lòng hảo tâm, biết làm việc từ thiện, và làm một con người tốt.

"**Bồ Tát**" là Phạn ngữ, nói đầy đủ là "Bồ Ðề Tát Ðỏa." "Bồ Ðề" dịch nghĩa là "giác"; còn "Tát Ðỏa" là "hữu tình." Vậy, Bồ Tát có nghĩa là một người đã giác ngộ giữa đám hữu tình, và cũng có nghĩa là một người đi giác ngộ tất cả chúng hữu tình. Thế nào gọi là loài "hữu tình"? Tất cả các loài có khí huyết đều được gọi là loài hữu tình. Loài không có khí huyết thì cũng là chúng sanh, song chúng là vô tình—không có tình cảm, không có cảm giác.

Người ta thường nói: "Nhân phi thảo mộc, thục năng vô tình? (Con người nào phải cỏ cây, sao nỡ vô tình?)" Câu này ý nói cỏ cây là vô tri vô giác, không có tình cảm; nhưng thật ra, cỏ cây cũng có tình cảm vậy, chẳng qua là thứ tình cảm mê muội, không sáng suốt. Vì sao không sáng suốt? Vì chúng toàn làm những việc ngu si cho nên mới bị biến thành cỏ cây gỗ đá. Chúng là một trong mười hai loại chúng sanh.

Cảnh giới của Quán Thế Âm Bồ Tát vốn bất khả tư nghì. Chính vì cảnh giới bất khả tư nghì này rất bất khả tư nghì, cho nên tôi không thể nào diễn tả được! Bây giờ tôi kể cho quý vị nghe một công án.

Thuở trước, có một người nọ trì tụng Chú Ðại Bi đã được khoảng mười hai năm. Trong suốt mười hai năm ấy, ông chẳng gặp chuyện gì gọi là kỳ diệu nhiệm mầu cả—Chú Ðại Bi chẳng biến ra cơm cho ông ăn, cũng chẳng làm ra áo quần cho ông mặc—thế nhưng, ông vẫn tin tưởng và chăm chỉ, đều đặn trì tụng Chú Ðại Bi. Mỗi ngày ông tụng tối thiểu là 108 biến, mà thông thường là nhiều hơn thế.

Một lần nọ, ông đi chơi xa và phải ngủ qua đêm ở nhà trọ. Tại Trung Hoa, ở một vài địa phương có loại quán trọ gọi là "hắc điếm." Hắc điếm là gì? Ðó là một thứ nhà trọ trá hình của bọn cướp. Bọn cướp này cũng tương tự như thổ phỉ vậy; có điều, thổ phỉ thì ra chận đường người ta mà cướp bóc, giết hại, còn chúng thì ở trong nhà chờ đợi. Khi có khách tới quán của chúng tá túc, thấy khách mang theo tiền của, hoặc đeo nhiều vàng bạc châu báu, ra vẻ khách buôn giàu có, thì chúng liền đưa khách đến một căn phòng nhỏ khá tươm tất và có cửa riêng để chúng có thể ra vào dễ dàng. Sau đó, chúng lén bỏ thuốc mê trong rượu cho khách uống và đến khuya, thừa cơ khách ngủ mê mệt, chúng lẻn vào đoạt hết tiền bạc, đôi khi còn giết người luôn nữa.

Người trì tụng Chú Ðại Bi này ở trọ trong hắc điếm cũng được mời uống thứ rượu có bỏ thuốc mê, nhưng vì thâm tín Phật Pháp nên ông không uống rượu; do đó không bị trúng thuốc mê. Ðến nửa đêm, đang ngủ ông chợt nghe có tiếng chân người tiến vào phòng mình. Ông hé mắt nhìn ra, nhác thấy bóng một lưỡi dao sáng loáng, ông sợ đến cứng cả người, tự nhủ: "Người này cầm dao đến hẳn là để giết mình đây!"

Ngay lúc đó, bên ngoài bỗng có tiếng đập cửa. Chủ quán—kẻ âm mưu giết người—giật mình giấu vội con dao, lẻn ra khỏi phòng, rồi hỏi vọng ra: "Ai đó? Ai gọi cửa đó? Who are you? Who?"

Người ngoài cửa đáp: "Tôi đây! Tôi họ Ðậu, tên Du Bằng. Tôi có một người bạn ở trọ trong quán ông. Ông ấy tên là ... Nhờ ông nhắn lại là tôi mời ông ấy sáng mai đến nhà tôi ăn điểm tâm nhé!"

Chủ quán mở hé cửa nhìn ra thì thấy một người đàn ông trang phục giống như cảnh sát, liền nghĩ: "Thì ra viên cảnh sát này có quen biết với người mà mình định giết. Ông ta là bạn của cảnh sát! Cảnh sát đến mời ông ấy sáng mai đi ăn điểm tâm!" Vì thế, đêm ấy gã chủ quán không dám ra tay giết người.

Sáng hôm sau, chủ quán nói với ông khách trọ chuyên trì Chú Ðại Bi: "Ông có người bạn tên Ðậu Du Bằng đến tìm tối qua. Lúc đó đã khuya lắm rồi, mà ông cũng đã đi ngủ nên ông ấy không muốn đánh thức ông dậy. Ông ấy muốn mời ông hôm nay đến nhà ông ấy ăn sáng."

Ông này vừa nghe đến mấy tiếng "Ðậu Du Bằng" thì cảm thấy rất quen thuộc. Sực nhớ ba chữ ấy vốn ở trong bài Chú Ðại Bi, ông chợt hiểu ra ngay, bèn nói: "Ðúng rồi, ông ấy là bạn tôi đấy. Chúng tôi có hẹn gặp nhau sáng nay, chốc nữa tôi đến nhà ông ấy ăn sáng."

Người này lọt vào sào huyệt của bọn cướp mà không bị chúng giết hại là nhờ có trì tụng Chú Ðại Bi. Do đó, quý vị đừng cho rằng trì tụng Chú Ðại Bi là chẳng có ích lợi. Ðến lúc quý vị gặp nguy hiểm, sanh mạng của quý vị bị đe dọa, bấy giờ quý vị mới nghiệm ra được diệu dụng mầu nhiệm của Chú . Tuy nhiên, hiện tại quý vị chưa gặp chuyện bất trắc, nguy hiểm tới tánh mạng, thì cũng chưa cần đến sức gia hộ của Chú Ðại Bi. Vậy, quý vị chỉ nên thành tâm chuyên cần trì tụng là đủ, và chớ bận tâm về việc Chú Ðại Bi có trợ giúp gì trong vấn đề cơm ăn áo mặc của mình hay không!

Tôi đã giảng về ý nghĩa của "Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát"; bây giờ nói về từ ngữ "**Quảng Ðại**."

"Quảng" là rộng lớn (chỉ bề ngang). "Ðại" là cao to (chỉ bề dọc). Bộ Kinh này có thể nói là "hoành biến thập phương, thụ cùng Tam Giới"—bề ngang thì trùm khắp hết mười phương, dựng đứng lên thì cao đến tột cùng của Tam Giới. "Tam Giới" là ba cõi—Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. "Thập phương," như quý vị đều biết, là mười phương—Ðông, Tây, Nam, Bắc, Ðông Nam, Tây Nam, Ðông Bắc, Tây Bắc, Trên và Dưới.

Hai câu chú trong Chú Lăng Nghiêm là "A Na Lệ. Tỳ Xá Ðề," cũng hàm nghĩa "quảng đại"—một câu ngụ ý "hoành biến thập phương," và một câu là "thụ cùng Tam Giới." Tác dụng của hai câu chú này là mỗi khi niệm lên thì yêu ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo, một bước cũng không đi được, không còn đường để tẩu thoát nữa, đành phải chịu quy đầu phục thiện. Ở đây, ý nghĩa của từ ngữ "quảng đại" trong tên đề của Kinh Ðà-La-Ni thì cũng vẫn vậy, có điều là công năng không lợi hại bằng hai câu chú kia.

"**Viên Mãn**" có nghĩa là tròn đầy, không còn chút khiếm khuyết nào nữa.

"**Vô Ngại**" có nghĩa là không có gì chướng ngại, ngăn trở được cả.

Cái gì quảng đại, viên mãn và vô ngại? Ðó là "**Ðại Bi Tâm**." Ðại Bi Tâm thì vừa quảng đại, vừa viên mãn, lại vừa vô ngại nữa. Ðại Bi Tâm có công năng dứt trừ khổ nạn, cứu vớt chúng sanh thoát khỏi mọi gian nan khốn khổ; cho nên nói: "Bi năng bạt khổ"—lòng bi mẫn, thương yêu, có thể dứt sạch tất cả khổ lụy cho chúng sanh.

Cái gì có được công năng dứt trừ mọi nỗi khổ của chúng sanh? Ðó chính là pháp Ðà-La-Ni.

"**Ðà-La-Ni**" là Phạn ngữ; Hoa ngữ dịch là "Tổng Trì." "Tổng" tức là bao hàm tất cả các pháp, tất cả các pháp đều ở trong đó. "Tổng" cũng là thủ lãnh, là "cái đầu" của tất cả các pháp, có công năng khơi nguồn tất cả các pháp. "Trì" là chấp trì, nắm giữ. "Trì" cái gì? "Trì vô lượng nghĩa"—vô lượng đạo lý đều nằm trong sự chấp trì, nắm giữ của quý vị. Chỉ cần quý vị trì tụng Ða-La-Ni thì sẽ có được công năng này.

Vậy, trong tên đề của bộ kinh này, chữ "Kinh" là tên chung (thông danh), và "Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni" là tên riêng (biệt danh). Kinh này lấy Nhân (người) và Pháp để lập thành đề mục hay tựa kinh (tittle)—"Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát" là Nhân; còn "Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni" là Pháp. Lại cũng có thể nói rằng đề mục của bộ kinh này thuộc loại Nhân, Pháp, Dụ lập đề; trong đó, "Tâm" là Dụ. "Ðại Bi Chú" ví như cái tâm Ðại Từ Bi tiềm tàng trong mỗi con người, cho nên gọi là "Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni."

"**Kinh**" có nghĩa là "kinh thường bất biến"—mãi mãi như thế, không bao giờ thay đổi.

Bộ Kinh này lấy gì làm Thể? Lấy *Thật-tướng* làm Thể. Thật-tướng chính là Vô-tướng, mà Vô-tướng cũng chính là Thật-tướng.

Có Thể rồi thì cần phải có Tông—Tông-chỉ. Vậy, Kinh này lấy gì làm Tông-chỉ? Lấy *"hàng phục chư ma, chế phục ngoại đạo"* làm Tông-chỉ.

Lấy gì làm Dụng? Lấy sự*diệt ác sanh thiện, bớt khổ thêm vui*, làm chỗ Dụng. "Hàng phục chư ma, chế phục ngoại đạo" có nghĩa là trừ diệt điều ác, sanh khởi điều thiện, dứt khổ thêm vui; do đó, "sanh thiện, diệt ác" chính là lực dụng của bộ Kinh này vậy.

Kinh này có công năng sanh thiện, diệt ác, cứu khổ, ban vui; và lấy *đề-hồ* làm giáo tướng—diệu vị đề-hồ và vô thượng cam-lồ đều được lưu xuất từ bộ Kinh này.

Trên đây là dùng Ngũ Trùng Huyền Nghĩa—Danh, Thể, Tông, Dụng, Giáo—và bảy loại lập đề để giải thích sơ lược về đề mục bộ Kinh.

**ÐƯỜNG TÂY THIÊN-TRÚC SA-MÔN GIÀ-PHẠM-ÐẠT-MA DỊCH.**

Chúng ta đã tìm hiểu phần đề mục, bây giờ nói về dịch giả. Bộ Kinh này vốn do ai phiên dịch? Ðường Tây Thiên-Trúc Sa-môn, tức là dưới triều đại nhà Ðường có một vị Sa-môn người xứ Tây Thiên-Trúc. Tây Thiên Trúc là thuộc Ấn Ðộ. Thời ấy, nước Ấn Ðộ gồm có năm vùng: Nam Ấn, Bắc Ấn, Ðông Ấn, Tây Ấn và Trung Ấn; và vị Sa môn này ở vùng Tây Ấn.

"**Sa-môn**" nghĩa là gì? Sa-môn là tiếng Phạn; Hán ngữ dịch là "cần tức" —cần tu Giới Ðịnh Huệ, tức diệt tham sân si (siêng tu Giới Ðịnh Huệ, dứt sạch tham sân si).

Oai nghi của một vị Sa-môn [siêng tu Giới luật] là như thế nào? Tỳ-kheo Mã Thắng [luôn nghiêm trì oai nghi, giới luật] là một trong năm vị đệ tử xuất gia đầu tiên của Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni, và cũng là người có oai nghi tốt đẹp nhất. Lúc chưa gặp Phật, Tôn-giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên tình cờ thấy Tỳ-kheo Mã Thắng đắp y, ôm bình bát đi khất thực. Ngài vừa đi vừa nhiếp trì chánh niệm—mắt quán mũi, mũi quán miệng, miệng hỏi lòng, mắt không nhìn dáo dác, tai không chực nghe ngóng—tuy chân bước đều mà dáng vẻ so với nhập Ðịnh chẳng có gì khác biệt. Bấy giờ, hai Tôn-giả đều kinh ngạc: "Ồ! Sao người này lại có được tướng mạo tốt đẹp thế kia?" Và liền đến thỉnh giáo thầy Tỳ-kheo: "Chẳng hay Ngài học pháp ở đâu mà có được oai nghi tuyệt diệu như thế?"

Mã Thắng Tỳ-kheo đáp: "Tôi học oai nghi với Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni." Rồi Ngài đọc bài kệ:

"Chư pháp tùng duyên sanh,

Chư pháp tùng duyên diệt.

Ngã Phật Ðại Sa-môn,

Thường tác như thị thuyết."

Nghĩa là:

*"Các pháp từ duyên sanh,*

*Các pháp theo duyên diệt.*

*Phật ta Ðại Sa-môn,*

*Thường dạy như vậy đó!"*

Vị Sa-môn người xứ Tây Thiên-Trúc này chỉ để vỏn vẹn "**Ðường Tây Thiên-Trúc** Sa-môn," chứ không dùng hai chữ "Tam Tạng" trong danh xưng của mình, có lẽ vì Ngài chỉ thông đạt một hoặc hai tạng trong số ba tạng Kinh, Luật và Luận.

**Già Phạm Ðạt Ma dịch**. "Già Phạm Ðạt Ma" là tên của vị Sa-môn người xứ Tây Thiên-Trúc, và có nghĩa là "Kính Pháp" hoặc "Tôn Pháp." Ngài là một vị Sa-môn rất mực tôn kính giáo pháp của Ðức Phật, và chính ngài đã dịch bộ Kinh Ðà-La-Ni này từ tiếng Ấn Ðộ sang tiếng Trung Hoa.

**Kinh Văn:**

***Âm:***NHƯ THỊ NGÃ VĂN: NHẤT THỜI, THÍCH CA MÂU NI PHẬT TẠI PHỔ ÐÀ LẠC GIÀ SƠN. QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT CUNG ÐIỆN, BẢO TRANG NGHIÊM ÐẠO TRÀNG TRUNG, TỌA BẢO SƯ TỬ TÒA. KỲ TÒA THUẦN DĨ VÔ LƯỢNG TẠP MA NI, BẢO NHI DỤNG TRANG NGHIÊM, BÁCH BẢO TRÀNG PHAN CHÂU TRÁP HUYỀN.

***Nghĩa:*Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ, Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên bảo tòa Sư tử trong đạo tràng Bảo Trang Nghiêm, là cung điện của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện ở núi Phổ Ðà Lạc Già. Chỗ ấy toàn dùng vô số ngọc báu ma ni để trang nghiêm, treo xung quanh là tràng phan làm bằng trăm thứ quý báu khác.**

**Lược Giảng:**

**"Như thị ngã văn":**

‘Như thị’ là tín thành tựu

‘Ngã văn’ là văn thành tựu

"Như thị" có nghĩa: Ðúng là như vậy, hoàn toàn đáng tin cậy. ‘Như’ có nghĩa là bất biến, không thể nào khác được. ‘Thị’ là như vậy, hoàn toàn là chính xác. ‘Như thị’ nghĩa là hoàn toàn như thật, hoàn toàn đích xác, không gì thay đổi được. Mọi Kinh Phật đều mở đầu bằng bốn chữ "Như thị ngã văn". Vì sao có nguồn gốc bốn chữ này? Bốn chữ này là do A Nan tiếp chỉ từ Ðức Thích Ca Mâu Ni Phật lúc sắp nhập Niết bàn đã Di giáo lại.

Lúc Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, tuy A Nan đã chứng đến nhị quả nhưng vẫn còn sự cảm động lưu luyến không dứt. Biết vậy, A Nan cầu thỉnh Phật phải trụ thế, chưa có thể viên tịch, nhưng vẫn không được. Cầu thỉnh không được thì làm sao? Ông ta khóc, khóc oà lên đầm đìa nước mắt, mọi cái đều quên hết. Vì sao vậy? Vì ông ta rất ái mộ Phật.

Quý vị xem trong ‘Kinh Lăng Nghiêm’, A Nan vì sao xuất gia? Là vì thấy Phật ‘tướng hảo quang minh, có đủ ba mươi hai tướng tốt, và tám mươi vẻ đẹp’ Ông ta liền sanh ái kiến và tự nhủ lòng: ‘Ồ, tướng hảo Ðức Phật tốt như thế, tôi nguyện ở mọi lúc mọi nơi theo làm thị giả hầu cận Ðức Phật, dẫu có khó nhọc bao nhiêu tôi cũng nguyện theo’. Sơ tâm xuất gia vì lòng ái mộ như thế, nên lúc Ðức Thích Ca sắp nhập Niết bàn, ông ta vẫn còn mang ái kiến, không muốn thấy có điều đó, nên liền khóc than cầu khẩn.

Như quý vị biết A Na Luật Tôn giả là một vị đệ tử bị mù, tuy bị mù nhưng trong tâm rất sáng tỏ. Lúc đó, A Na Luật vẫn biết Ðức Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, mà cứ thấy A Nan mãi khóc lóc không ngớt như thế, nên ông ta đến bên cạnh A Nan nói rằng:

Này A Nan! Ông khóc gì vậy?

A Nan nói: Ðức Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, làm sao thầy bảo tôi không khóc! Không có cách nào mà không khóc cả?

A Na Luật nói: Ồ! Bây giờ thầy đang có nhiều việc trọng yếu phải làm mà! Thầy khóc có ích lợi gì cơ?

A Na Luật nói vậy, A Nan cũng tỉnh ra một chút và ngớt khóc.

A Nan nói: À, có việc quan trọng, việc quan trọng gì?

A Na Luật liền nói: Ðức Phật sắp nhập diệt, chúng ta phải thỉnh vấn, là sau này kết tập Kinh Tạng, thì tất cả những điều Ðức Phật tuyên thuyết sau này, sẽ kết tập thành Kinh điển thì phải mở đầu Kinh điển như thế nào?

A Nan đáp: Việc này quan trọng đấy, đó là việc phải làm, còn việc gì nữa không?

Tôn Giả A Na Luật nói: Lúc Ðức Phật còn tại thế chúng ta được theo Phật mà an trú, sau này Ðức Phật nhập Niết bàn rồi chúng ta phải ở trú xứ nào?

A Nan ngừng một lát rồi bảo: Ồ! Giờ tôi như lẩn thẩn, nếu thầy không bảo tôi có lẻ tôi không nghĩ ra. Việc này cũng khá trọng yếu đấy! Còn việc gì nữa không?

A Na Luật lại bảo rằng: Lúc Phật còn tại thế, Phật là Ðấng Ðạo Sư của chúng ta, sau khi Phật nhập Niết bàn, chúng ta nên tôn ai làm thầy? Chúng ta nên tiến cử ai làm lãnh tụ Tăng đoàn, một người đại biểu của Tăng già mà mọi người phải tuân thủ?

A Nan đáp rằng: Ồ! Thầy nói điều này cũng rất quan trọng, đó là điều thứ ba, còn có điều gì nữa không?

A Na Luật Tôn giả bảo: Ðiều thứ tư là lúc Ðức Phật còn tại thế, có một số Tỳ kheo tha hóa, phạm giới gọi là ‘ác tính Tỳ kheo’ thì Ðức Phật có thể chế phục và giáo huấn được. Sau này Ðức Phật đã nhập diệt thì các ‘ác tính Tỳ Kheo’ này làm sao có biện pháp nghiêm trị?

A Nan đáp: À! Ðiều này cũng rất quan trọng, còn có vấn đề gì nữa không?

A Na Luật nói: Không còn nữa! Những vấn đề tôi muốn đề cập tôi đã nói hết. Còn chính thầy còn thắc mắc vấn đề gì nữa không? Tự thầy nghĩ lại xem!

A Nan đáp: Chính tôi cũng không còn vấn đề gì, bốn điều này đã đủ rồi!

Vì thế Tôn giả A Nan vội vàng đến chỗ Ðức Phật mà thỉnh vấn:

Bạch Ðức Thế Tôn! Ngài đã sắp nhập Niết bàn, bây giờ chúng con có mấy vấn đề thắc mắc, kính xin Ðức Phật từ bi chỉ giáo.

Ðức Phật bảo: Vấn đề gì, ông cứ trình bày ra!

A Nan liền bạch Phật: Bạch Ðức Thế Tôn! Lúc Ngài tại thế, Ngài có thể giáo hóa được hạng ‘ác tính Tỳ kheo’, còn sau khi Ngài diệt độ rồi thì làm sao có thể hoán cải được họ. Dạ! Ðây là điều thứ tư lẻ ra con không nên hỏi trước, nhưng cũng có thể làm điều thứ nhất để tham vấn Ngài.

Ðức Phật đáp rằng: Ác tính Tỳ kheo làm sao chế phục ư?

Các Ngài phải dùng pháp ‘Mặc tẩn’ để bắt đầu hoán đổi họ.

Sao gọi là mặc? Mặc là im lặng, không có giảng giải gì thêm với họ. Tẩn là gì? Nghĩa là mọi người phải nên cho họ biệt lập, mọi người không được trao đổi, quan hệ gì với họ. Hãy dùng sự ‘im lặng sấm sét’ của Ðại chúng để giải hóa họ? Lời nói không lời ấy sẽ làm cho họ có một sức nén để bừng tỉnh! Ðiều này Ðức Phật có dạy rõ trong Giới luật.

Ðức Phật bảo: Còn có thắc mắc gì nữa không, ông cứ nói ra.

A Nan liền bạch: Bạch Ðức Thế Tôn! Lúc Ngài còn tại thế. Ngài là Ðấng Ðạo Sư của chúng con, vậy sau khi Ngài diệt độ, chúng con phải tôn ai làm thầy? Chúng con có phải tìm một vị thầy nào khác để thọ giáo không?

Ðức Phật bảo: Không phải vậy! Sau khi ta diệt độ, các ông hãy lấy ‘Giới luật’ làm thầy, lấy Ba La Ðề Mộc Xoa làm thầy của các ông. Phàm là Tỳ kheo phải nghiêm trì Giới luật, lấy Giới luật làm thầy!

A Nan lại bạch Phật: Bạch Ðức Thế Tôn! Lúc Ngài còn tại thế, chúng con được hầu cận bên Ngài, vậy sao khi Ngài diệt độ chúng con biết dời đến trú xứ nào mà cư trú?

Ðức Phật dạy: Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy y theo ‘Tứ Niệm Xứ’ mà an trú. Tứ Niệm Xứ như ta đã từng dạy, các ông phải dùng ‘bốn loại quán’ này để an trú, ngỏ hầu tiến xa trên lộ trình đạo nghiệp.

A Nan bạch Ðức Phật tiếp: Con còn có vấn đề này nữa, vấn đề này rất trọng yếu hơn các vấn đề trước.

Ðức Phật bảo: Vấn đề gì nữa, ông cứ nói ra.

A Nan liền bạch Phật. Bạch Ðức Thế Tôn! Tất cả những lời dạy của Ngài được tuyên thuyết trong đời này. Sau khi Ngài nhập diệt, chúng con phải kiết tập Kinh điển, lúc biên tập chúng con nên dùng chữ gì để mở đầu các Kinh điển, xin Ngài Di giáo.

Ðức Phật liền dạy: Vấn đề này cơ? Ông nên dùng bốn chữ ‘Như Thị Ngã Văn’ để làm sự mở đầu cho các Kinh điển.

Vì vậy, nên tất cả các Kinh Phật hiện giờ đều mở đầu bằng ‘Như Thị Ngã Văn’. Nghĩa là tất cả những Kinh pháp này là đích thân A Nan tôi tận tai nghe Ðức Phật tuyên thuyết. Tất nhiên Tôn giả A Nan là ‘Ða văn đệ nhất’ nên Ðức Phật đã mật ý phó chúc cho A Nan ‘tái phát âm’. Vì Tôn giả A Nan có một công năng kỳ lạ mà không ai có: Ðó là một điều nghe qua đều nhớ rõ mồn một, gọi là ‘quá nhĩ bất vong’, không bao giờ quên sót.

Bốn chữ ‘Như Thị Ngã Văn’ này có 3 ý nghĩa.

Thứ nhất là khác với ngoại đạo.

Thứ hai tránh tranh luận.

Thứ ba là đoạn lòng nghi.

Thứ nhất là khác ngoại đạo: Sao gọi là khác ngoại đạo? Vì tất cả những kinh điển của ngoại đạo. một khi mở đầu thường dùng hai chữ A [ ] và ÚM [ ]. A nghĩa là ‘Vô’ . Úm nghĩa là hữu, mở đầu liền nói ‘Vô hữu’ hoặc ‘hữu vô’. Ngoại đạo có kiến giải rằng, tất cả vạn hữu có hai đạo lý, một là ‘hữu’ và một là ‘vô’.

‘Hữu’ có nghĩa là chấp thường.

‘Vô’ nghĩa là đã chấp đoạn.

Nói như vậy thì bất kể cái gì, không phải là ‘vô’ thì nghĩa là ‘hữu’ mà không phải là ‘hữu’ thì là ‘vô’. Nói tóm lại là không thể chấp nhận hai phạm trù ‘hữu vô’ này cũng tức là không thể đưa ra hai kiến giải một đằng là ‘đoạn kiến’, một đằng là ‘thường kiến’

Ở đây nói ‘Như Thị Ngã Văn’ này cũng không phải chấp đoạn, cũng chẳng phải chấp thường, cũng không phải là ‘hữu’ chẳng khẳng quyết là ‘vô’. Ðó là sự khác nhau với kiến giải ngoại đạo là ở chỗ này vậy.

Thứ hai là tránh tranh luận.

Lúc ấy, Tôn giả A Nan chỉ mới chứng Nhị quả Tư Ðà Hàm, tuy về sau lúc kết tập Kinh Tạng A Nan đã chứng được Tứ quả A La Hán, nhưng cũng là một vị A La Hán rất nhỏ tuổi. Trong lúc các vị như Ðại Ca Diếp, Tu Bồ Ðề đều là các vị trưởng thượng, tuổi cao tác lớn, lạp tuế cao thâm, đức độ tròn đầy. Vì A Nan là người tuổi còn trẻ như thế, nên lúc thăng tòa kết tập Kinh Tạng, thì sợ trong đại chúng có người tranh chấp. Bạn cũng muốn là đệ nhất, tôi cũng muốn là đệ nhất, nhưng vì ‘đệ nhất’ chỉ có một người, không thể có nhiều người. Vậy thì nhiều vị A La Hán như thế sẽ tiến cử vị nào? Cho người tuổi lớn thì sợ người tuổi nhỏ không cảm phục, chọn người tuổi nhỏ thì người tuổi lớn không bằng lòng, chọn người trung niên thì cũng chẳng biết chọn ai là hay nhất? Cho nên sẽ không có cách nào sẽ xử lý được sự kiện này, nếu như Ðức Thế Tôn không Di huấn lại.

Như thế nên dùng bốn chữ ‘Như Thị Ngã Văn’ nghĩa là điều ấy không phải là ý bạn, cũng chẳng phải là ý tôi mà cũng chẳng phải ý của bất cứ một ai cả. Ðó là tất cả những điều mà Ðấng Ðạo Sư tuyên thuyết, nay được kết tập mà không một ai có quyền ‘can gián’ vào đó. Bạn cũng không phải là đệ nhất, tôi cũng không phải là đệ nhất, không có đệ nhất nên mọi người không có sự tranh chấp gì cả.

Thứ ba là đoạn các nghi.

Bốn chữ ‘Như Thị Ngã Văn’ này là được Ðức Phật phó thác Di huấn lại. Cũng có nghĩa là những điều sau này được chép lại trong Kinh điển là điều ‘chắc thật’. Ðức Thế Tôn Di huấn là bốn chữ ‘Như Thị Ngã Văn’, trong mật ý là Ðức Phật đã tin chắc và xác quyết lại một lần nữa, là những Kinh điển sau này được Tôn giả A Nan ‘tái thuyết’ thì đều là sự thật. Vì Bảo Tạng Kinh trong ‘Tạng thức ký ức’ của A Nan cũng là Bảo Tạng Kinh mà Ðức Thế Tôn đã từng tuyên thuyết.

Vì thế bốn chữ này cũng là đại biểu cho ‘Kim khẩu’ của Ðức Phật, nên trong Tăng đoàn và chúng sanh về sau không ai còn có thể thắc mắc, hay nghi hoặc nhữngđiều trong Kinh Tạng nữa.

**‘Như Thị’** là tín thành tựu.

**‘Ngã Văn’** là văn thành tựu.

**‘Nhất thời’** là thời thành tựu.

**‘Thích Ca Mâu Ni Phật’** là chủ thành tựu.

**‘Tại Phổ Ðà Lạc Già Sơn’** là xứ thành tựu.

**‘Lục thành tựu’** này là một sự ‘xác quyết chắc thật’ về những gì xung quanh một Pháp Hội mà Ðức Thế Tôn đã từng thuyết pháp.

**‘Phổ Ðà Lạc Già’** là tiếng Phạm. Trung văn dịch là ‘Tiểu Bạch Hoa’, vì trên núi này có nở một loại hoa Tiểu Bạch nên gọi núi này là Tiểu Bạch Hoa Sơn hay còn gọi là Phổ Ðà Lạc Già Sơn.

**‘Quán Thế Âm Bồ Tát cung điện’**, đó là cung điện thị hiện của Ðức Quán Thế Âm.

**‘Bảo Trang Nghiêm Ðạo Tràng Trung’**: Là ở trong đạo tràng này đều làm bằng thất bảo rất trang nghiêm. Chính trong đạo tràng này Ðức Thế Tôn ngồi trên bảo tòa Sư tử để đăng đàn thuyết pháp.

**Kinh Văn:**

***Âm:***NHĨ THỜI NHƯ LAI Ư BỈ TÒA THƯỢNG, TƯƠNG DỤC DIỄN THUYẾT TỔNG TRÌ ÐÀ-LA-NI CỐ, DỮ VÔ ƯƠNG SỐ BỒ TÁT MA-HA-TÁT CÂU, KỲ DANH VIẾT: 1) TỔNG TRÌ VƯƠNG BỒ TÁT, 2) BẢO VƯƠNG BỒ TÁT, 3) DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT, 4) DƯỢC THƯỢNG BỒ TÁT, 5) QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT, 6) ÐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT, 7) HOA NGHIÊM BỒ TÁT, 8) ÐẠI TRANG NGHIÊM BỒ TÁT, 9) BẢO TẠNG BỒ TÁT, 10) ÐỨC TẠNG BỒ TÁT, 11) KIM CANG TẠNG BỒ TÁT, 12) HƯ KHÔNG TẠNG BỒ TÁT, 13) DI LẶC BỒ TÁT, 14) PHỔ HIỀN BỒ TÁT, 15) VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT.

Như thị đẳng Bồ Tát Ma Ha Tát, giai thị quán đảnh Ðại Pháp Vương Tử.

***Nghĩa:* Lúc bấy giờ, Ðức Như Lai ở trên bảo tòa, sắp sửa tuyên thuyết Pháp môn Tổng Trì Ðà-La-Ni. Có vô số Bồ tát Ma-ha-tát đến tham dự; danh hiệu các vị ấy là: 1) Tổng Trì Vương Bồ tát, 2) Bảo Vương Bồ tát, 3) Dược Vương Bồ tát, 4) Dược Thượng Bồ tát, 5) Quán Thế Âm Bồ tát, 6) Ðại Thế Chí Bồ tát, 7) Hoa Nghiêm Bồ tát, 8) Ðại Trang Nghiêm Bồ tát, 9) Bảo Tạng Bồ tát, 10) Ðức Tạng Bồ tát, 11) Kim Cang Tạng Bồ tát, 12) Hư Không Tạng Bồ tát, 13) Di Lặc Bồ tát, 14) Phổ Hiền Bồ tát, 15) Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.**

**Các vị Bồ Tát Ma-ha-tát như thế đều là những Ðại Pháp Vương Tử đã được quán đảnh.**

**Lược Giảng:**

**Lúc bấy giờ, Ðức Như Lai ở trên bảo tòa, sắp sửa tuyên thuyết Pháp môn Tổng Trì Ðà-La-Ni**. Khi ấy, Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa Sư tử, và muốn đem pháp môn Tổng trì Ðà La Ni ra giảng nói. "Ðà La Ni" chính là "Tổng trì," mà "Tổng trì" cũng là "Ðà La Ni." Ở đây thì gọi là "Tổng trì Ðà La Ni"; cũng có thể nói rằng Chú Ðại Bi là chú tổng trì trong Ðà-La-Ni.

Trong Pháp Hội ấy**có vô số Bồ tát Ma-ha-tát đến tham dự**. Bồ tát Ma-ha-tát tức là bậc Ðại Bồ tát; và**danh hiệu các vị ấy là:**

**1) Tổng Trì Vương Bồ tát.**Thế nào gọi là "tổng trì"? "Tổng" là bao hàm tất cả pháp; "trì" là nắm giữ vô lượng nghĩa. Ðiều này có nghĩa là tất cả các pháp môn vị Bồ tát này đều thọ trì. đều sáng tỏ và đều liễu đạt. Vì vậy, Ngài có danh hiệu là Tổng Trì Vương Bồ tát.

**2) Bảo Vương Bồ tát.**Lại có một vị Bồ tát tên là Bảo Vương Bồ tát.

**3) Dược Vương Bồ tát.** Lại có vị Bồ tát tên là Dược Vương Bồ tát. Vị Bồ tát này chuyên chữa bệnh cho chúng sanh.

**4) Dược Thượng Bồ tát.**Dược Vương Bồ tát và Dược Thượng Bồ tát vốn là hai anh em, và đều phát nguyện hộ trì Phật Pháp.

**5) Quán Thế Âm Bồ tát.** Trong số các Ðại Bồ tát tham dự Pháp hội, cũng có ngài Ðại Bi Quán Thế Âm Bồ tát nữa.

**6) Ðại Thế Chí Bồ tát.** Vị Bồ tát này mỗi khi duỗi tay hoặc nhấc chân thì cả đại địa đều chấn động sáu cách; cho nên Ngài được gọi là Ðại Thế Chí Bồ tát.

**7) Hoa Nghiêm Bồ tát.** Vị Bồ tát này chuyên thọ trì*Kinh Hoa* *Nghiêm.*

**8) Ðại Trang Nghiêm Bồ tát.** Lại có một vị Bồ tát có danh hiệu là Ðại Trang Nghiêm Bồ tát.

**9) Bảo Tạng Bồ tát.** Vị Bồ tát này có vô lượng bảo tạng, bất cứ thứ bảo bối gì Ngài cũng có cả.

**10) Ðức Tạng Bồ tát.**Ðức hạnh của vị Bồ tát này là vô lượng vô biên, cho nên Ngài có danh hiệu là Ðức Tạng Bồ tát.

**11) Kim Cang Tạng Bồ tát.**Vị Bồ tát này là một trong các vị Bồ tát Hộ Pháp Kim Cang Mật Tích.

**12) Hư Không Tạng Bồ tát.** Lại có một vị tên là Hư Không Tạng Bồ tát nữa.

Những vị Bồ tát này có lẽ quý vị đều biết hoặc đã từng nghe nhắc đến.

**13) Di Lặc Bồ tát.**"Di Lặc" là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Từ Thị. Vị Bồ tát này còn có tên là A-Dật-Ða. "A-Dật-Ða" là tiếng Phạn, dịch nghĩa là Vô Năng Thắng. Trong tương lai, Di Lặc Bồ tát sẽ thành Phật ở thế giới này.

**14) Phổ Hiền Bồ tát**,tức là ngài Ðại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát.

**15) Văn Thù Sư Lợi Bồ tát**, tức là ngài Ðại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.

**Các vị Bồ tát Ma-ha-tát như thế đều là những Ðại Pháp Vương Tử đã được quán đảnh.** Những vị Bồ tát kể trên đều là những bậc Bồ tát Ma-ha-tát thuộc hàng thượng thủ, và đều ở ngôi vị "Quán Ðảnh"—được Phật thọ ký tương lai sẽ thành Phật. Các ngài đều đã được Ðức Phật trao nước "Quán Ðảnh" và bảo cho biết tương lai sẽ thành Phật ở thế giới nào, quốc độ nào, vào thời điểm nào và mang danh hiệu gì.

**Kinh Văn:**

***Âm:***HỰU DỮ VÔ LƯỢNG VÔ SỐ ÐẠI THANH VĂN TĂNG, GIAI HÀNH A LA HÁN THẬP ÐỊA, MA HA CA DIẾP NHI VI THƯỢNG THỦ.

***Nghĩa:* Lại có vô lượng vô số Ðại Thanh-Văn Tăng, tất cả đều hành A-la-hán ở Thập Ðịa; với ngài Ma-Ha Ca-Diếp làm thượng thủ.**

**Lược Giảng:**

**Lại có vô lượng vô số Ðại Thanh-Văn Tăng, tất cả đều hành A-la-hán ở Thập Ðịa; với ngài Ma-Ha Ca-Diếp làm thượng thủ.** Trong Pháp hội còn có các bậc Ðại Thanh-Văn tu hạnh A-la-hán đã đạt đến quả vị Thập Ðịa, mà đứng đầu là Trưởng lão Ðại Ca-Diếp.

"A-la-hán" là tiếng Phạn (Arhat). Có ai còn nhớ "A-la-hán" dịch sang tiếng Anh là gì và có mấy nghĩa không? Người nào biết thì nên nói ra, không nên ngồi làm thinh như thế! Biết mà không chịu nói ra cho mọi người cùng nghe tức là "hà tiện" Pháp! ("Hà tiện Pháp" có nghĩa là bỏn xẻn, không muốn chia sẻ sự hiểu biết của mình với người khác.)

"A-la-hán" là quả vị cao nhất trong Thanh Văn thừa, và có ba nghĩa:

1) Ứng cúng (xứng đáng được nhận sự cúng dường của cõi người và cõi trời);

2) Sát tặc (giết giặc phiền não lậu hoặc);

3) Vô sanh (đã đoạn được sự sanh tử luân hồi).

"Tỳ-kheo" (và "Tỳ-kheo-ni") cũng có ba nghĩa; đó là những nghĩa gì?

Ðệ tử đáp: "Ðó là Phá ác, Ma ... ma sợ?"

Là "sợ ma"? Hay là "ma sợ"? Nếu quý vị đảo ngược hai chữ này thì ý nghĩa sẽ hoàn toàn khác hẳn. "Sợ ma" có nghĩa là quý vị sợ Ma-vương; còn "ma sợ" tức là Ma-vương sợ quý vị. Ở đây, từ ngữ mà chúng ta muốn nói đến là "bố ma"—tức là Ma-vương sợ quý vị, chứ không phải là quý vị sợ Ma-vương. Ma-vương sợ thầy Tỳ-kheo; song phải là thầy Tỳ-kheo tốt, có tu hành, có đạo hạnh, thì Ma-vương mới nể sợ; chứ nếu là vị Tỳ-kheo không tu hành, thì Ma-vương chẳng những không sợ mà còn lấn lướt, quấy nhiễu nữa là khác! Hễ quý vị chăm chỉ tu hành thì Ma-vương sẽ kính nể quý vị; còn nếu quý vị không tu hành, thì quý vị sẽ sợ Ma-vương!

Ngoài hai nghĩa "Bố ma" và "Phá ác," chữ "Tỳ-kheo" còn hàm nghĩa "Khất sĩ"(ngườiđi xin).

Thập Ðịa là gì? Ðó là Sơ Ðịa, Nhị Ðịa, Tam Ðịa, Tứ Ðịa, Ngũ Ðịa, Lục Ðịa, Thất Ðịa, Bát Ðịa, Cửu Ðịa và Thập Ðịa.

"Thập Ðịa" được đề cập đến ở đây chính là Thập Ðịa của Bồ-tát Ðại thừa; và "A-la-hán ở Thập Ðịa" có nghĩa là bậc A-la-hán đã chứng đắc cảnh giới Bồ-tát Thập Ðịa.

Lúc giảng Kinh Ðịa Tạng, tôi đã nhiều lần giảng về thuật ngữ "Thập Ðịa" này:

*"Ðịa Tạng Bồ tát chứng Thập Ðịa quả vị dĩ lai, thiên bồi đa ư thượng dụ."*

(Từ lúc Bồ tát Ðịa Tạng chứng quả vị Thập Ðịa đến nay đã nghìn lần lâu hơn con số tỷ dụ nêu trên.)

*(Kinh Ðịa Tạng, Phẩm thứ nhất)*

Có ai còn nhớ Thập Ðịa là gồm những gì không? Có lẽ Quả Ðịa còn nhớ đấy. Quý vị có người nào còn nhớ không? Ai nhớ được thì hãy mau mau lên tiếng!

Ðệ tử: Viễn Hành Ðịa.

Sư Phụ: Viễn Hành Ðịa ư? Okay! Thế dịch sang tiếng Anh là gì?

Ðệ tử: Traveling Far.

Sư Phụ: Yes! Còn gì nữa?

Ðệ tử: Happiness (Hoan Hỷ Ðịa), Leaving Filth (Ly Cấu Ðịa), Emitting Light (Phát Quang Ðịa), Blazing Wisdom (Diệm Huệ Ðịa), Invincible (Nan Thắng Ðịa), Manifesting (Hiện Tiền Ðịa), Traveling Far (Viễn Hành Ðịa), Unmoving (Bất Ðộng Ðịa), Good Wisdom (Thiện Huệ Ðịa), Dharma Cloud (Pháp Vân Ðịa).

Sư Phụ: Yes, very good! Ðó gọi là Thập Ðịa.

1) Sơ Ðịa, hay địa thứ nhất trong Thập Ðịa, gọi là Hoan Hỷ Ðịa. Bồ-tát đạt đến địa vị này luôn luôn vô cùng hoan hỷ, vui vẻ.

Lúc Quán Thế Âm Bồ-tát còn ở địa thứ nhất này, sau khi được nghe Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như-Lai tuyên thuyết Chú Ðại Bi, thì Ngài liền chứng đắc quả vị Bát Ðịa—tức là đang từ Sơ Ðịa mà tiến vọt lên chứng đạt địa vị thứ tám là Bất Ðộng Ðịa. Chỉ những Bồ-tát đã đạt đến Bát Ðịa mới có Ðịnh lực chân chánh, mới thật sự không còn bị dao động.

Ở quả vị Hoan Hỷ Ðịa này, mọi lúc mọi nơi Bồ-tát đều hoan hỷ giáo hóa chúng sanh. Nhờ luôn ở trong sự hoan hỷ nên Bồ-tát có thể dứt sạch dần mọi cấu nhiễm dơ bẩn để chứng đắc địa thứ nhì—Ly Cấu Ðịa.

2) Ly Cấu Ðịa. Tại Sơ Ðịa, tuy Bồ-tát luôn luôn hoan hỷ nhưng vẫn chưa dứt sạch cấu nhiễm, chưa đạt được sự thanh tịnh. Ðến Nhị Ðịa, Bồ-tát mới tẩy sạch hết trần cấu nhiễm ô, được hoàn toàn thanh tịnh.

3) Phát Quang Ðịa. Bởi Bồ-tát đã hoàn toàn thanh tịnh, trong sạch, cho nên có hào quang phát ra; vì thế Tam Ðịa được gọi là Phát Quang Ðịa.

4) Diệm Huệ Ðịa. Trí huệ quang minh của Bồ-tát ở địa vị này thì có rực rỡ hơn, tiến bộ hơn và thù thắng hơn một bậc so với ở Phát Quang Ðịa.

5) Nan Thắng Ðịa. Trí huệ của bậc Bồ-tát ở Ngũ Ðịa thì không có gì có thể so sánh được.

6) Hiện Tiền Ðịa. Cái gì "hiện tiền"? Ở địa vị này, hào quang trí huệ của Bồ-tát luôn luôn hiện tiền. Tại các địa trước, có nơi Bồ-tát có trí huệ quang minh, nhưng không phải đều luôn luôn hiện tiền; còn đến địa thứ sáu này thì hào quang sáng rỡ của trí huệ lúc nào cũng tỏ rạng.

7) Viễn Hành Ðịa. Ðến địa thứ bảy này thì ánh sáng trí huệ quang minh của Bồ-tát không những luôn luôn hiện tiền, mà còn chiếu soi khắp cả Pháp Giới, nên gọi là ViễnHànhÐịa.

8) Bất Ðộng Ðịa. Tại bảy địa trước, Ðịnh lực của Bồ-tát vẫn chưa thể gọi là chân chánh đạt đến cảnh giới "tịch quang bất động"; phải đến Bát Ðịa thì Bồ-tát mới thực sự được "tịch nhiên bất động, cảm ứng toại thông." Tuy là "bất động" song Bồ-tát vẫn có thể ứng hiện Bát Tướng Thành Ðạo1 , và làm Phật trong hàng trăm cõi giới. Bấy giờ, ở quả vị Bát Ðịa, nếu Bồ-tát muốn hiện thân đến thế giới khác để giáo hóa chúng sanh, thậm chí thành Phật, đều được cả.

Thế gian có những kỳ nhân ra đời trong một cái bọc, điển hình là Hư Vân Lão Hòa-Thượng. Khi chào đời, Ngài nằm gọn trong một cái bọc tròn trịa như quả cầu—ball—vậy. Trường hợp này gọi là sanh ra có "mặc y phục." Chào đời với "y phục" hẳn hoi là cảnh giới của hàng Bồ-tát từ Bát Ðịa trở lên, khi các ngài thị hiện giáng sanh ở thế gian. Sinh ra mà có mặc y phục tức là rất thanh tịnh, sạch sẽ. Các Bồ-tát thuộc bảy địa trước thì không đến trần thế bằng cách này.

9) Thiện Huệ Ðịa. Tại đây, trí huệ của Bồ-tát là vi diệu nhất, hoàn hảo nhất.

10) Pháp Vân Ðịa. Bậc Bồ-tát đạt đến địa thứ mười này thì ví như áng mây lành bao phủ khắp thái hư, từ bi phù hộ và độ trì tất cả chúng sanh.

"Ma-Ha Ca-Diếp" là tiếng Phạn (Mahàkàsyapa). "Ma-Ha" dịch là Ðại; "Ca-Diếp" dịch là Ẩm Quang.2

**Kinh Văn:**

***Âm:***HỰU DỮ VÔ LƯỢNG PHẠM-MA-LA THIÊN, THIỆN-TRA PHẠM-MA NHI VI THƯỢNG THỦ.

***Nghĩa:* Lại có vô lượng Phạm-Ma-La Thiên, với ngài Thiện-Tra Phạm-Ma làm thượng thủ.**

**Lược Giảng:**

**Lại có vô lượng Phạm-Ma-La Thiên, với ngài Thiện-Tra Phạm-Ma làm thượng thủ.** Trong Pháp hội còn có sự hiện diện của vô số Ma-vương cùng quyến thuộc đến từ cõi trời Phạm Thiên và Ma-La Thiên; và vị dẫn đầu của họ là ngài Thiện-Tra Phạm-Ma.3

**Kinh Văn:**

***Âm:***HỰU DỮ VÔ LƯỢNG DỤC GIỚI CHƯ THIÊN-TỬ CÂU, CÙ-BÀ-GIÀ THIÊN-TỬ NHI VI THƯỢNG THỦ.

***Nghĩa:* Lại có vô lượng chư thiên-tử ở cõi Dục Giới đến câu hội, với Thiên-tử Cù-Bà-Già làm thượng thủ.**

**Lược Giảng:**

**Lại có vô lượng chư thiên-tử ở cõi Dục Giới đến câu hội**. "Chư thiên-tử ở cõi Dục Giới" tức là chư thiên ở sáu cõi trời Dục Giới. Sáu cõi trời Dục Giới gồm có: 1) trời Tứ Thiên Vương, 2) trời Ðao Lợi, 3) trời Dạ Ma, 4) trời Ðâu Suất, 5) trời Hóa Lạc, 6) trời Tha Hóa Tự Tại.

**Với Thiên-tử Cù-Bà-Già làm thượng thủ.** Tất cả các thiên-tử ở sáu cõi trời này đều đến tham dự Pháp hội; trong đó, Thiên-tử Cù Bà Già làm thủ lãnh.4

**Kinh Văn:**

***Âm:***HỰU DỮ VÔ LƯỢNG HỘ THẾ TỨ VƯƠNG CÂU, ÐỀ-ÐẦU-LẠI-TRA NHI VI THƯỢNG THỦ.

***Nghĩa:* Lại có vô lượng Hộ Thế Tứ Vương** **câu hội, với ngài Ðề-Ðầu-Lại-Tra làm thượng thủ.**

**Lược Giảng:**

**Lại có vô lượng Hộ Thế Tứ Vương câu hội, với ngài Ðề-Ðầu-Lại-Tra làm thượng thủ.**Ngoài ra, các vị Thiên-vương của Tứ Vương Thiên cũng cùng nhau đến dự Pháp hội; trong đó, vua Ðề-Ðầu-Lại-Tra làm thủ lãnh.5

**Kinh Văn*:***

***Âm:***HỰU DỮ VÔ LƯỢNG THIÊN, LONG, DẠ XOA, CÀN THÁT BÀ, A TU LA, CA LÂU LA, KHẨN NA LA, MA HẦU LA GIÀ, NHÂN, PHI NHÂN ÐẲNG CÂU; THIÊN ÐỨC ÐẠI LONG VƯƠNG NHI VI THƯỢNG THỦ.

***Nghĩa:* Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân câu hội; với Thiên Ðức Ðại Long Vương làm thượng thủ.**

**Lược Giảng:**

**Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân, Phi nhân câu hội.**

"Dạ-xoa" là tên của một loài quỷ.

"Càn-thát-bà" là thần tấu nhạc ở chỗ Ngọc Ðế.

"A-tu-la" tuy có phước báo của cõi trời (thiên phước), song không có thiên đức và thiên quyền.

"Ca-lâu-la" tức là đại-bàng kim-xí điểu.

"Khẩn-na-la" cũng là thần tấu nhạc ở chỗ Ngọc Ðế.

"Ma-hầu-la-già" tức là đại mãng xà.

"Nhân, phi nhân" có nghĩa là loài người cùng những loài không phải người.6

**Với Thiên Ðức Ðại Long Vương làm thượng thủ.**Trong số ấy, có một vị vua rồng tên là Thiên Ðức Ðại Long Vương làm thủ lãnh.

**Kinh Văn:**

***Âm:***HỰU DỮ VÔ LƯỢNG DỤC GIỚI CHƯ THIÊN NỮ CÂU, ÐỒNG-MỤC THIÊN NỮ NHI VI THƯỢNG THỦ.

***Nghĩa:* Lại có vô lượng chư thiên-nữ ở cõi Dục Giới câu hội, với Ðồng-Mục Thiên nữ làm thượng thủ.**

**Lược Giảng:**

**Lại có vô lượng chư thiên-nữ ở cõi Dục Giới câu hội, với Ðồng-Mục Thiên-nữ làm thượng thủ.** Ngoài ra, vô số chư thiên-nữ từ sáu cõi trời Dục Giới cũng lũ lượt đến tham dự Pháp hội; và trong số đó có một thiên nữ tên là Ðồng Mục Thiên-nữ làm trưởng đoàn.

**Kinh Văn:**

***Âm:***HỰU DỮ VÔ LƯỢNG HƯ KHÔNG THẦN, GIANG HẢI THẦN, TUYỀN NGUYÊN THẦN, HÀ CHIỂU THẦN, DƯỢC THẢO THẦN, THỌ LÂM THẦN, XÁ TRẠCH THẦN, THỦY THẦN, HỎA THẦN, ÐỊA THẦN, PHONG THẦN, THỔ THẦN, SƠN THẦN, THẠCH THẦN, CUNG ÐIỆN ÐẲNG THẦN, GIAI LAI TẬP HỘI.

**Nghĩa: Lại có vô lượng các vị thần như Thần Hư Không, Thần Sông Biển, Thần Suối Nguồn, Thần Sông Hồ, Thần Dược Thảo, Thần Thọ Lâm, Thần Nhà Cửa, cùng Thủy Thần, Hỏa Thần, Ðịa Thần, Phong Thần, Thổ Thần, Sơn Thần, Thạch Thần, Cung Ðiện Thần, v.v... đều đến tập hội.**

**Lược Giảng:**

**Lại có vô lượng các vị thần như Thần Hư Không.Q**uý vị có biết Thần Hư Không tên là gì không? Có ai biết không? Trong *Kinh Lăng**Nghiêm* nói như thế nào?

*"Thuấn-nhã-đa tánh khả tiêu vong,*

*Thước-ca-ra tâm vô động chuyển."*

"Thuấn-Nhã-Ða" chính là tên của Thần Hư Không; Thuấn-Nhã-Ða là một vị Thần Hư Không. Tôi đã giảng rất nhiều về "Thuấn Nhã Ða," quý vị nhớ ra chưa? Ðó là thần Hư Không đấy mà! Quý vị nghe giảng kinh mà đều không chú ý! Nghe xong là trả lại cho tôi hết cả! Quý vị quả thật là không có lòng tham, ngay cả Pháp mà cũng không muốn giữ cho mình nữa!!! Hẳn là quý vị đã đạt đến cảnh giới "nhân không, Pháp không" rồi!

**Thần Sông Biển.** Ở các con sông lớn và biển cả đều có Thần Sông và Thần Biển cai quản.

**Thần Suối Nguồn.** Suối nước cũng có vị thần làm chủ suối.

**Thần Sông Hồ.** Ở các con sông nhỏ và ao hồ nhỏ cũng đều có những vị thần trông coi.

**Thần Dược Thảo.** Tất cả các loại thảo mộc có vị thuốc đều có thần cai quản.

**Thần Thọ Lâm.** Trong rừng cũng có vị thần cai quản khu rừng.

**Thần Nhà Cửa.** Ngay cả nhà ở cũng có vị Thần Nhà Cửa cai quản.

**Cùng Thủy Thần, Hỏa Thần, Ðịa Thần, Phong Thần.** Ðịa (đất), thủy (nước), hỏa (lửa), phong (gió)—cả bốn đại này đều có thần cai quản. Ðịa Thần vốn là một nữ thần, trước kia cô ta là một kẻ rất ngạo mạn, cho rằng chỉ có cô ta là Ðịa Thần, ngoài ra không có vị thần nào khác nữa. Ðến khi gặp Phật, Ngài thuyết pháp cho cô ta nghe rồi dạy rằng ngoài Ðịa Thần ra, còn có ba vị cũng là Thần Tứ Ðại nữa; đó là Thủy Thần, Hỏa Thần và Phong Thần. Thoạt đầu thì cô ta không chịu tin, nhưng sau khi Ðức Phật phương tiện dùng vô số tỷ dụ để giảng giải, cô ta hiểu ra và chịu tin theo. Vậy, trên đây là nói về bốn vị Thần Tứ Ðại.

**Thổ Thần, Sơn Thần.** Ðất đai, núi non đều có Thần Ðất và Thần Núi làm chủ quản. Theo truyền thuyết thì loài cọp chính là Sơn Thần, là chúa tể sơn lâm, cho nên trên núi thường thờ cúng "ông" Sơn Thần này.

**Thạch Thần.** Ngoài ra, ngay cả các tảng đá cũng đều có vị Thần Ðá cai quản.

**Cung Ðiện Thần, v.v... đều đến tập hội.** Các vị thần canh giữ cung điện và nhiều vị thần khác cũng cùng nhau tề tựu, tham gia Pháp hội.

Thường thì con sông nào cũng có một vị thần chủ quản, chẳng qua là phàm nhân không thể thấy biết đó thôi. Người nào đắc Thiên Nhãn Thông thì sẽ biết được rằng đâu đâu cũng có thần nhân cả—ở mọi nơi, vào mọi lúc, đều có vị thần túc trực để quản lý.

Ðức Phật có một đệ tử tên là Ca-Lưu-Ðà-Di, đã chứng đắc quả vị A-la-hán. Mỗi khi cần qua sông, Thầy thường gọi Thần Sông (Hà-thần) mà bảo rằng: "Bớ tiểu tỳ! Hãy ngưng chảy!" "Tỳ" có nghĩa là người đầy tớ gái, một người nữ đi làm công cho người ta. Do đó, "tiểu tỳ" tức là người làm công hay người hầu nhỏ thôi, chứ không phải là người hầu lớn! Vì sao Thầy lại bảo nước ngừng chảy? Bởi nước không còn chảy xiết nữa thì Thầy mới qua sông được. (Thường thì các vị đã chứng quả vị A-la-hán đi đến bất cứ chỗ nào có nước cũng có thể tùy tiện bảo nước ngừng chảy, để họ lội băng qua.)

Rồi cứ hết lần này tới lần khác, hễ muốn sang sông là Thầy Ca-Lưu-Ðà-Di đều gọi như thế. Thần Sông lấy làm không vui, bèn đến**mách với Phật: "Bạch Ðức Thế Tôn! Ngài có một đệ tử nói năng không tế nhị chút nào.**Mỗi khi gặp tôi, ông ta không những bất lịch sự mà còn gọi tôi là ‘tiểu tỳ’ nữa chứ! Ông ta lẽ ra không nên gọi tôi như vậy! Tại sao lại gọi tôi là ‘tiểu tỳ’ kia chứ?"

Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni đáp: "Thôi được, khi nào ông ấy về Ta sẽ bảo ông ấy đến xin lỗi ngươi."

Lúc Thầy Ca-Lưu-Ðà-Di về đến Tịnh-xá, Ðức Phật mới quở trách Thầy: "Vì sao mỗi lần qua sông ông cứ gọi Thần Sông là ‘tiểu tỳ’thế? Ông không nên thiếu tế nhị như vậy! Nói năng cần phải ý tứ, lễ độ một chút chứ!"

Rồi Phật lại dạy: "Này Ca-Lưu-Ðà-Di! Ông hãy đến gặp Thần Sông mà nhận lỗi, đích thân xin lỗi người ta ngay đi!"

Thầy Ca-Lưu-Ðà-Di vâng lời, hoan hỷ đến gặp Thần Sông và nói: "Này tiểu-tỳ! Ðừng phiền trách ta nữa nhé! Ta thật là không phải!"

Thần Sông vốn đã không muốn bị gọi là "tiểu tỳ," thế mà Thầy lại vẫn cứ oang oang: "Này tiểu-tỳ! Ðừng phiền trách ta nữa nhé!" Lúc bấy giờ, Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni và các vị Ðại A-la-hán biết được chuyện thì đều bật cười. Vì sao các ngài cười ư? Bởi vì do gọi Thần Sông là "tiểu-tỳ" khiến thần không vui nên Thầy Ca-Lưu-Ðà-Di mới phải đi xin lỗi; thế mà khi gặp Thần Sông để tạ lỗi, Thầy lại buột miệng: "Này tiểu-tỳ..."

Biết là không đúng thì phải sửa lại, gọi là "Thần Sông," hoặc "Tôn thần," hoặc một danh xưng nào mà "dễ nghe" hơn cũng được; đằng này Thầy Ca-Lưu-Ðà-Di lại vẫn cứ gọi là "tiểu tỳ" như trước! Vì sao đã chịu đến nhận lỗi mà Thầy vẫn gọi Thần Sông là "tiểu tỳ"?

Ðó là vì trong năm trăm đời ở quá khứ, vị Thần Sông này đều là người làm công của gia đình Thầy Ca-Lưu-Ðà-Di, cho nên Thầy đã quen gọi "tiểu tỳ" như thế rồi. Ðời này tuy đã chứng quả A-la-hán song Thầy vẫn còn tập khí cũ, cho nên mỗi khi gặp Thần Sông, Thầy cứ quen miệng gọi là "tiểu tỳ." Ðây cũng là vấn đề nhân quả vậy!

Sự kiện trên chứng tỏ rằng ở bất cứ nơi nào cũng có thần cả; tuy nhiên, chúng ta không thể nào trông thấy hoặc gặp mặt những vị thần này như đối với người phàm được. Nếu quý vị đã mở Ngũ Nhãn, đắc Lục Thông, thì quý vị sẽ nhìn thấy được chư thần; nếu chưa có Ngũ Nhãn, chưa chứng Lục Thông, thì dù có thấy họ, quý vị cũng chẳng nhận ra được, cũng chẳng biết họ là ai!

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**1**Bát Tướng Thành Ðạo (tám tướng trạng thành Ðạo: 1) giáng sanh từ cung trời Ðâu-suất; 2) nhập thai; 3) trụ thai; 4) xuất thai; 5) xuất gia; 6) hàng ma; 7) chuyển Pháp-luân; 8) nhập Niết-bàn.

**2**Tôn giả Ma Ha Ca Diếp là một vị đại đệ tử của Ðức Phật, đứng đầu về hạnh Ðầu-đà. Lúc Ngài chào đời thì có hào quang lấn át cả ánh sáng của mặt trăng, mặt trời và các vì tinh tú.

 **3**"Phạm-Ma-La Thiên" là tiếng Phạn (Brahma), gọi tắt là Phạm Thiên, là tên một cõi trời ở Sắc Giới. "Thiện-Tra Phạm-Ma" là tên của vị Thiên tử làm chủ cõi trời Phạm Thiên.

**4**"Cù-Bà-Già" (Gopaka) là tên của một vị Thiên-tử ở Dục Giới, chuyên giữ pháp lành cho chúng sanh.

**5**Hộ Thế Tứ Vương hay Hộ Thế Tứ Thiên Vương là bốn vị Thiên chủ của bốn cung trời ở bốn phương: 1) Phương Ðông là Trì Quốc Thiên Vương; 2) Phương Nam là Tăng Trưởng Thiên Vương; 3) Phương Bắc là Ða Văn Thiên Vương; 4) Phương Tây là Quảng Mục Thiên Vương.

"Ðề Ðầu Lại Tra" là tiếng Phạm (Dhrtaràstra), cũng gọi là Ðề Ða La Tra, tức là Trì Quốc Thiên Vương.

**6**1) "Thiên," tiếng Phạm là Ðề-bà (Deva). Những người tu Thập Thiện thì sau khi mạng chung được sanh lên hưởng phước cõi trời.

2) "Long," tiếng Phạm là Na-già (Naga), dịch là rồng. Loài rồng này có thần thông biến hóa, hoặc canh giữ cung điện trên trời, hoặc giữ địa luân, hoặc làm mưa gió.

3) "Dạ-xoa’ là tiếng Phạm (Yasha), Trung Hoa dịch là "dõng kiện," "bạo ác" hay "tiệp tật." Ðây là một loài quỉ rất hung mãnh, bay đi mau lẹ, có phận sự canh giữ các thành trì trên trời.

4) "Càn-thát-bà" là tiếng Phạm (Gandnarva), Trung Hoa dịch là "hương âm." Ðây là thần tấu nhạc của trời Ðế Thích, và dùng hương thơm làm thức ăn, cho nên cũng gọi là Hương Thần hoặc Hương Âm Thần.

5) "A-tu-la’ là tiếng Phạm (Asura), Trung Hoa dịch là "phi thiên." A-tu-la là loài thần có phước trời mà đức không bằng trời, quyền biến không như cõi trời, có thần thông biến hóa, nhưng thân hình thô xấu, vì tiền kiếp tánh tình thường sân hận.

6) "Ca-lâu-la" là tiếng Phạm (Garuda); Trung Hoa dịch là "kim xí điểu." Ðây là một loại chim thần (thần điểu), cánh có lông màu vàng tốt đẹp, hai cánh xòe ra cách nhau đến 3.360.000 dặm, có thần thông biến hóa.

7) "Khẩn-na-la" là tiếng Phạm (Kinnara); Trung Hoa dịch là "nghi nhân." Ðây cũng là thần tấu nhạc cho Ngọc Hoàng Ðế Thích.

8) "Ma-hầu-la-già" là tiếng Phạm (Mahoràga); Trung Hoa dịch là "đại mãng" hoặc "địa long," tức là thần rắn.

Từ Thiên, Long cho đến Ma Hầu La Già là tám loài; gọi chung là Bát Bộ (tám bộ chúng).

"Phi nhân" là loại quỉ thần, hình như người mà không phải người, hoặc có sừng, có cánh, có móng vuốt.

**1**[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)[**5**](http://www.dharmasite.net/daibidalani5.htm)

[Share on](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani2.htm" \t "_blank)

[Facebook](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani2.htm" \t "_blank)

[Share on](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(2)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani2.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

[Twitter](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(2)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani2.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

Share via

email



**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà La Ni Kinh**

****

**Hán dịch: Ðường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Ðạt Ma**

**Thiển giảng: Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa.**

[**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)**2**[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)[**5**](http://www.dharmasite.net/daibidalani5.htm)

***(tiếp theo)***

**Kinh Văn:**

***Âm:***THỜI QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT, Ư ÐẠI HỘI TRUNG, MẬT PHÓNG THẦN THÔNG QUANG MINH, CHIẾU DIỆU THẬP PHƯƠNG SÁT ÐỘ CẬP THỬ TAM THIÊN ÐẠI THIÊN THẾ GIỚI, GIAI TÁC KIM SẮC. THIÊN CUNG, LONG CUNG, CHƯ TÔN THẦN CUNG, GIAI TẤT CHẤN ÐỘNG. GIANG HÀ ÐẠI HẢI, THIẾT VI SƠN, TU DI SƠN, THỔ SƠN, HẮC SƠN, DIỆC GIAI ÐẠI ÐỘNG. NHẬT NGUYỆT CHÂU HỎA, TINH TÚ CHI QUANG, GIAI TẤT BẤT HIỆN.

***Nghĩa*: Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ-tát từ trong đại hội mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát-độ cùng cõi Tam Thiên Ðại Thiên thế giới này, khiến tất cả đều biến thành sắc vàng. Thiên cung, Long cung, và cung điện của chư tôn thần đều chấn động. Sông hồ, biển cả, núi Thiết-vi, núi Tu-di, cùng Thổ sơn, Hắc sơn cũng đều rung động dữ dội. Ánh lửa ngọc của mặt trời mặt trăng và ánh sáng của các vì tinh tú đều không hiện hữu nữa.**

**Lược Giảng:**

**Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ-tát từ trong đại hội mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát-độ cùng cõi Tam Thiên Ðại Thiên thế giới này, khiến tất cả đều biến thành sắc vàng.** Hào quang do Quán Thế Âm Bồ-tát bí mật phóng ra chiếu dọi khắp nơi, làm cho mười phương quốc độ và luôn cả cõi Tam Thiên Ðại Thiên thế giới của chúng ta như nhuộm một màu vàng rực rỡ.

"Mười phương quốc độ" này là ở ngoài chứ không phải ở trong cõi Tam Thiên Ðại Thiên thế giới của chúng ta. Có ai biết thế nào gọi là "tam thiên đại thiên thế giới" không? Chẳng lẽ không có người nào biết cả sao?

Thế thì, thế nào gọi là "một thế giới"? Cứ một núi Tu-di, một cái Tứ Thiên-hạ, một mặt trời và một mặt trăng, thì gọi là "một thế giới." Một ngàn núi Tu-di, một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, và một ngàn cái Tứ Thiên-hạ gộp lại thì gọi là "một tiểu thiên thế giới." Một ngàn cái tiểu thiên thế giới gộp lại thì gọi là "một trung thiên thế giới." Một ngàn cái trung thiên thế giới thì gọi là "một đại thiên thế giới."

Bởi "tam biến ngôn thiên"—chữ "thiên" (ngàn) được lập lại ba lần—nên gọi là "tam thiên." Và do đó, một ngàn cái tiểu thiênthế giới, một ngàn cái trung thiên thế giới và mộtngàn cái đại thiên thế giới được gộp lại gọi là "tam thiên đại thiên thế giới." Hiện nay con người đã có thể du hành từ trái đất đến mặt trăng và cho rằng đó là một điều vô cùng tuyệt diệu. Thế nhưng, ngoài mặt trăng này ra còn có bao nhiêu mặt trăng, bao nhiêu tinh cầu khác nữa mà khoa học chưa hề biết tới? Nhiều đến vô lượng vô biên! Quý vị đến được chỗ này, nhưng chỗ kia thì vẫn chưa thể đến được. E rằng đến khi nơi nào quý vị cũng tới được hết thì thế giới này cũng không còn nữa!

**Thiên cung, Long cung, và cung điện của chư tôn thần đều chấn động.** Theo quý vị thì tại sao các cung điện ấy lại bị rung chuyển?

Chẳng những thế, luôn cả **sông hồ, biển cả, núi Thiết-vi, núi Tu-di, cùng Thổ sơn, Hắc sơn cũng đều rung động dữ dội.** Khắp nơi đều có địa chấn, mọi ánh sáng đều không còn nữa. Vì sao có hiện tượng chấn động này? Ðó là do Quán Thế Âm Bồ-tát đã vận dụng sức thần thông bí mật, làm cho tất cả các cõi giới đều lung lay, dao động.

**Ánh lửa ngọc của mặt trời mặt trăng và ánh sáng của các vì tinh tú đều không hiện hữu nữa.**Vì sao ánh sáng do mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao phát ra đều biến mất, không còn thấy rõ nữa? Bởi vì các thứ ánh sáng đó đã bị hào quang quá lớn mạnh, quá chói lọi của Quán Thế Âm Bồ-tát lấn át và "ăn" mất! Nói như thế không có nghĩa là ánh sáng bị "ăn" hoặc bị "nuốt chửng" thật sự; chẳng qua là hào quang do Bồ-tát phóng ra rực rỡ đến nỗi các ánh sáng kia trở nên lu mờ hẳn, dường như là không còn nữa vậy. Tôi dùng chữ "ăn" là để ví von, ngụ ý rằng ánh sáng này "ăn đứt," sáng trội hơn các ánh sáng kia vượt bực.

***Kinh Văn:***

***Âm:* Ư THỊ TỔNG TRÌ VƯƠNG BỒ TÁT, KIẾN THỬ HY HỮU CHI TƯỚNG, QUÁI VỊ TẰNG HỮU, TỨC TÙNG TÒA KHỞI, XOA THỦ HỢP CHƯỞNG, DĨ KỆ VẤN PHẬT, NHƯ THỬ THẦN THÔNG CHI TƯỚNG, THỊ THÙY SỞ PHÓNG.**

***Nghĩa:*Lúc đó, Tổng Trì Vương Bồ-tát thấy tướng trạng hy hữu ấy thì lấy làm lạ, cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, dùng kệ thỉnh hỏi Ðức Phật xem tướng thần thông kia là do ai phóng ra.**

***Lược Giảng:***

**Lúc đó, Tổng Trì Vương Bồ-tát thấy tướng trạng hy hữu ấy thì lấy làm lạ, cho là việc chưa từng có.** Bấy giờ, Tổng Trì Vương Bồ-tát tự nghĩ: "Kỳ lạ thật! Quả là hết sức kỳ lạ! Từ trước đến nay chưa bao giờ có chuyện kỳ lạ như vậy. Thế này là thế nào nhỉ?"

Quý vị xem, ngay cả Tổng Trì Vương Bồ-tát mà còn không biết về hiện tượng ấy, chẳng trách khi tôi hỏi thì quý vị cũng đều không biết cả! Tổng Trì Vương Bồ-tát thần thông quảng đại biết bao, thế mà Ngài vẫn không hiểu được; huống gì quý vị chỉ mới được nghe qua loa vài câu Phật Pháp thôi thì làm sao có thể biết được thứ đạo lý vi diệu dường ấy! Cho nên, mặc dù quý vị không trả lời được, tôi cũng thông cảm mà tha thứ cho quý vị!

Bấy giờ, Tổng Trì Vương Bồ-tát **liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay, dùng kệ thỉnh hỏi Ðức Phật** Thích Ca Mâu Ni**, xem tướng thần thông kia là do ai phóng ra.**

**Kinh Văn:**

DĨ KỆ VẤN VIẾT:

*"THÙY Ư KIM NHẬT THÀNH CHÁNH GIÁC,*

*PHỔ PHÓNG NHƯ THỊ ÐẠI QUANG MINH,*

*THẬP PHƯƠNG SÁT ÐỘ GIAI KIM SẮC,*

*TAM THIÊN THẾ GIỚI DIỆC PHỤC NHIÊN?*

*THÙY Ư KIM NHẬT ÐẮC TỰ TẠI,*

*DIỄN PHÓNG HY HỮU ÐẠI THẦN LỰC,*

*VÔ BIÊN PHẬT QUỐC GIAI CHẤN ÐỘNG,*

*LONG THẦN CUNG ÐIỆN TẤT BẤT AN?*

*KIM THỬ ÐẠI CHÚNG HÀM HỮU NGHI,*

*BẤT TRẮC NHÂN DUYÊN THỊ THÙY LỰC,*

*VI PHẬT, BỒ TÁT, ÐẠI THANH VĂN,*

*VI PHẠM MA THIÊN, CHƯ THÍCH ÐẲNG?*

*DUY NGUYỆN THẾ TÔN ÐẠI TỪ BI,*

*THUYẾT THỬ THẦN THÔNG SỞ DO DĨ."*

***Nghĩa:***

**Lời kệ hỏi rằng:**

***"Hôm nay ai được thành Chánh Giác,***

***Phóng đại quang minh khắp thế này,***

***Mười phương sát-độ thành sắc vàng,***

***Tam thiên thế giới cũng như vậy?***

***Hôm nay ai chứng đắc tự tại,***

***Phô diễn đại thần lực hiếm có,***

***Vô biên nước Phật đều rúng động.***

***Cung điện Long Thần cũng chẳng yên?***

***Ðại chúng hôm nay có thắc mắc,***

***Chẳng rõ nhân duyên bởi sức ai?***

***Là Phật, Bồ-tát, Ðại Thanh Văn?***

***Hoặc trời Phạm, Ma, chư Ðế Thích?***

***Chỉ mong Thế Tôn đại từ bi,***

***Nói rõ thần thông nọ do đâu."***

**Lược Giảng:**

**Lời kệ hỏi rằng:** "Bạch Ðức Thế Tôn!***Hôm nay ai được thành Chánh Giác, Phóng đại quang minh khắp thế này, Mười phương sát-độ thành sắc vàng, Tam thiên thế giới cũng như vậy?"***Tổng Trì Vương Bồ-tát bạch cùng Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni: "Bạch Ðức Thế Tôn! Phải chăng hôm nay có ai được thành Phật? Cả đại địa đều chấn động và chói lòa ánh sáng. Có một thứ hào quang màu vàng rực rỡ soi chiếu khắp nơi, khiến cho các cõi nước trong mười phương và luôn cả cõi tam thiên đại thiên thế giới, hết thảy đều biến thành sắc vàng."

***"Hôm nay ai chứng đắc tự tại, Phô diễn đại thần lực hiếm có, Vô biên nước Phật đều rúng động.*** Chẳng hay hôm nay có vị Bồ-tát nào chứng đắc được sức thần thông tự tại thế? Vị ấy thị hiện phóng ra sức đại thần thông hy hữu nhất, khiến cho tất cả mọi quốc độ của Phật đều rúng động, đều xảy ra địa chấn.***Cung điện Long Thần cũng chẳng yên?***Ðời sống của rồng ở chốn long cung vốn rất bình yên, song nay thì cung điện cũng không được yên ổn nữa!"

***"Ðại chúng hôm nay có thắc mắc, Chẳng rõ nhân duyên bởi sức ai?*** Hiện tại tất cả đại chúng đều thắc mắc, không hiểu nhân duyên này là như thế nào, ai đang vận dụng sức thần thông, và ai phóng ra thứ ánh sáng này? Thỉnh cầu Ðức Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con được rõ. Ðó ***là* *Phật, Bồ-tát, Ðại Thanh Văn, hoặc trời Phạm, Ma, chư Ðế Thích?***Hiện tượng địa chấn và hào quang có phải là do Phật thị hiện? Hay là do Bồ-tát phóng ra? Hay là do hàng Ðại Thanh-văn, A-la-hán phô diễn? Hoặc giả, hào quang này là do chư thiên cùng Ma vương ở trời Ðại Phạm phóng ra? Hay là do các thần đất phóng ra?"

***"Chỉ mong Thế Tôn đại từ bi, Nói rõ thần thông nọ do đâu.*** Con nay cúi xin ÐứcThế Tôn mở lòng từ bi rộng lớn mà nói rõ nguồn cơn, cho chúng con được biết thần thông quang minh này vốn từ đâu đến?"

**Kinh Văn:**

***Âm:***PHẬT CÁO TỔNG TRÌ VƯƠNG BỒ TÁT NGÔN: "THIỆN NAM TỬ! NHỮ ÐẲNG ÐƯƠNG TRI, KIM THỬ HỘI TRUNG, HỮU NHẤT BỒ-TÁT MA-HA-TÁT DANH VIẾT QUÁN-THẾ-ÂM TỰ-TẠI, TÙNG VÔ LƯỢNG KIẾP LAI, THÀNH TỰU ÐẠI TỪ ÐẠI BI, THIỆN NĂNG TU TẬP VÔ LƯỢNG ÐÀ-LA-NI MÔN, VI DỤC AN LẠC CHƯ CHÚNG SANH CỐ, MẬT PHÓNG NHƯ THỊ ÐẠI THẦN THÔNG LỰC."

PHẬT THUYẾT THỊ NGỮ DĨ,

***Nghĩa:* Ðức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ-tát: "Thiện nam tử! Các ông nên biết, trong Pháp hội hôm nay có vị Bồ-tát Ma-ha-tát hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ đại bi và khéo tu tập vô lượng pháp môn Ðà-La-Ni, vì muốn chúng sanh được an vui nên mật phóng sức đại thần thông như thế."**

**Ðức Phật nói những lời ấy xong,**

**Lược Giảng:**

**Ðức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ-tát: "Thiện nam tử! Các ông nên biết, trong Pháp hội hôm nay có vị Bồ-tát Ma-ha-tát hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại.** Hiện trong đại hội này có một vị Ðại Bồ-tát tên là Quán Thế Âm và là một vị Bồ-tát rất tự tại. Vị Bồ-tát này **từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ đại bi,** công đức đại từ đại bi, **và khéo tu tập vô lượng pháp môn Ðà-La-Ni, vì muốn chúng sanh được an vui nên mật phóng sức đại thần thông như thế."** Chính vì muốn làm cho tất cả chúng sanh đều được bình yên, vui vẻ, nên Bồ-tát Quán Thế Âm đã bí mật phóng ánh sáng đại quang minh, phô diễn sức đại thần thông như thế.

**Ðức Phật nói những lời ấy xong…**, ... Sau khi Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong thì thế nào?

**Kinh Văn:**

***Âm:***NHĨ THỜI QUÁN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT TÙNG TÒA NHI KHỞI, CHỈNH LÝ Y PHỤC, HƯỚNG PHẬT HỢP CHƯỞNG, BẠCH PHẬT NGÔN: "THẾ TÔN! NGÃ HỮU ÐẠI BI TÂM ÐÀ-LA-NI CHÚ, KIM ÐƯƠNG DỤC THUYẾT, VI CHƯ CHÚNG SANH ÐẮC AN LẠC CỐ, TRỪ NHẤT THIẾT BỆNH CỐ, ÐẮC THỌ MẠNG CỐ, ÐẮC PHÚ NHIÊU CỐ, DIỆT TRỪ NHẤT THIẾT ÁC NGHIỆP TRỌNG TỘI CỐ, LY CHƯỚNG NẠN CỐ, TĂNG TRƯỞNG NHẤT THIẾT BẠCH PHÁP CHƯ CÔNG ÐỨC CỐ, THÀNH TỰU NHẤT THIẾT CHƯ THIỆN CĂN CỐ, VIỄN LY NHẤT THIẾT CHƯ BỐ ÚY CỐ, TỐC NĂNG MÃN TÚC NHẤT THIẾT CHƯ HY CẦU CỐ, DUY NGUYỆN THẾ-TÔN TỪ AI THÍNH HỨA."

***Nghĩa*: Ngay lúc đó, Quán Thế Âm Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề, rồi chắp tay hướng về Ðức Phật và bạch với Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Con có Chú Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni, nay xin nói ra là vì muốn cho chư chúng sanh được an lạc, được trừ tất cả các bệnh, được thọ mạng dài lâu, được giàu có sung túc, được dứt trừ tất cả ác nghiệp trọng tội, được xa lìa chướng nạn, được tăng trưởng tất cả các công đức bạch pháp, được thành tựu tất cả các thiện căn, được xa lìa tất cả sự sợ hãi, được mau có đủ tất cả những thứ mong cầu. Cúi xin Ðức Thế Tôn từ bi hứa khả cho."**

**Lược Giảng:**

**Ngay lúc đó, Quán Thế Âm Bồ-tát từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề, rồi chắp tay hướng về Ðức Phật và bạch với Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Con có Chú Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni.** Con có một thần chú tên là Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni Thần Chú và **nay xin nói ra là vì muốn cho chư chúng sanh được an lạc.**Con nói ra Thần Chú Ðại Bi này để làm cho hết thảy chúng sanh đều được vui vẻ, an ổn, không gặp nguy hiểm, không bị đe dọa, khủng bố; và**được trừ tất cả các bệnh**, bất cứ bệnh gì cũng có thể giải trừ được cả.

**"Ðược thọ mạng dài lâu.** Có người nếu trì tụng Chú Ðại Bi thì được phước báo trường thọ, **được giàu có sung túc,**tiền của dồi dào, **được dứt trừ tất cả ác nghiệp trọng tội."** Quý vị xem, Chú Ðại Bi có công năng diệt trừ hết thảy ác nghiệp của tất cả chúng sanh. "Ác nghiệp" tức là bao gồm luôn cả các tội thuộc Ngũ Nghịch, Thập Ác. Cho nên, những nghiệp tội nghiêm trọng nhất, nặng nhất, đều có thể tiêu tan.

**"Ðược xa lìa chướng nạn,**thoát khỏi mọi ma chướng, khó khăn, **được tăng trưởng tất cả các công đức bạch pháp.**""Bạch pháp" (pháp trắng) tức là thanh tịnh pháp—thứ pháp trong sạch, không nhiễm ô. Pháp nhiễm ô tức là "hắc pháp" (pháp đen); còn không nhiễm ô thì gọi là "bạch pháp." "Công đức bạch pháp" có nghĩa là công đức thanh tịnh.

**"Ðược thành tựu tất cả các thiện căn."**Chú Ðại Bi còn có công năng khiến cho hết thảy căn lành đều được thành tựu.

**"Ðược xa lìa tất cả sự sợ hãi."**Nếu quý vị nào sợ đi máy bay thì hãy trì niệm Chú Ðại Bi, bởi như thế sẽ giúp quý vị không còn sợ hãi nữa.

**"Ðược mau có đủ tất cả những thứ mong cầu."**Chú Ðại Bi lại có thể giúp cho quý vị được mãn nguyện, khiến cho những hy vọng, ước muốn của quý vị đều được thành tựu một cách mau chóng.

**"Cúi xin Ðức Thế Tôn từ bi hứa khả cho.**Con nay thỉnh cầu Ðức Thế Tôn phê chuẩn sự thỉnh cầu của con, từ bi cho phép con tuyên thuyết Chú Ðại Bi cho đại chúng cùng nghe!"

**Kinh Văn:**

***Âm:***PHẬT NGÔN: "THIỆN NAM TỬ! NHỮ ÐẠI TỪ BI, AN LẠC CHÚNG SANH, DỤC THUYẾT THẦN CHÚ, KIM CHÁNH THỊ THỜI, NGHI ƯNG TỐC THUYẾT, NHƯ LAI TÙY HỶ, CHƯ PHẬT DIỆC NHIÊN."

***Nghĩa:* Ðức Phật dạy: "Thiện nam tử! Ông thật đại từ bi, vì sự an lạc của chúng sanh nên muốn tuyên thuyết thần chú. Nay chính là lúc ấy, vậy ông hãy mau nói ra. Như Lai tùy hỷ, và chư Phật cũng thế!"**

**Lược Giảng:**

**Ðức Phật dạy: "Thiện nam tử! Ông thật đại từ bi."**Ðức Phật Thích Ca Mâu Ni nghe Bồ-tát Quán Thế Âm thỉnh cầu, muốn được tuyên thuyết Ðại Bi Chú, bèn trả lời rằng: "Quán Thế Âm ơi, lòng từ bi của ông thật là quảng đại một cách phi thường, **vì sự an lạc của chúng sanh nên muốn tuyên thuyết thần chú.** Ông hằng ao ước được nói ra Ðại Bi Thần Chú, thì **nay chính là lúc ấy.** Bây giờ chính là thời điểm thích hợp để tuyên thuyết Chú Ðại Bi,**vậy ông hãy mau nói ra. Như Lai tùy hỷ, và chư Phật cũng thế!**Chẳng những Ta, Như Lai, tùy hỷ theo công đức của ông, mà cả mười phương chư Phật thảy đều tùy hỷ tán thán công đức đó."

**Kinh Văn:**

***Âm:***QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT TRÙNG BẠCH PHẬT NGÔN: "THẾ TÔN! NGÃ NIỆM QUÁ KHỨ VÔ LƯỢNG ỨC KIẾP, HỮU PHẬT XUẤT THẾ DANH VIẾT THIÊN QUANG VƯƠNG TĨNH TRỤ NHƯ LAI. BỈ PHẬT THẾ TÔN, LÂN NIỆM NGÃ CỐ, CẬP VI NHẤT THIẾT CHƯ CHÚNG SANH CỐ, THUYẾT THỬ QUẢNG ÐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ÐẠI BI TÂM ÐÀ-LA-NI, DĨ KIM SẮC THỦ, MA NGÃ ÐẢNH THƯỢNG, TÁC NHƯ THỊ NGÔN:

***Nghĩa:* Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai. Ðức Phật Thế Tôn ấy vì thương nghĩ đến con cùng tất cả chúng sanh, nên đã tuyên thuyết Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni này, lại dùng tay kim sắc xoa đảnh đầu con và dạy lời như vầy:**

**Lược Giảng:**

**Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước"** "Vô lượng ức kiếp" tức là vô lượng vô biên, không biết rõ được là bao nhiêu kiếp, không cách nào tính ra được con số cụ thể.

Quán Thế Âm Bồ-tát nhớ lại một sự việc trong đời quá khứ, xảy ra từ vô lượng kiếp về trước. Vào thuở ấy, **"có đức Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai.** Bấy giờ,**Ðức Phật Thế Tôn ấy,** tức là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai, **vì thương nghĩ đến con cùng tất cả chúng sanh, nên đã tuyên thuyết Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni này."**

Rồi Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai "**lại dùng tay kim sắc xoa đảnh đầu con—**Quán Thế Âm Bồ-tát**—và dạy lời như vầy:"**

**Kinh Văn:**

***Âm:* "**‘THIỆN NAM TỬ! NHỮ ÐƯƠNG TRÌ THỬ TÂM CHÚ, PHỔ VI VỊ LAI ÁC THẾ NHẤT THIẾT CHÚNG SANH, TÁC ÐẠI LỢI LẠC.’

NGÃ Ư THỊ THỜI. THỦY TRỤ SƠ ÐỊA, NHẤT VĂN THỬ CHÚ CỐ, SIÊU ÐỆ BÁT ÐỊA, NGÃ THỜI TÂM HOAN HỶ CỐ, TỨC PHÁT THỆ NGÔN:"

***Nghĩa:* ‘Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này, vì khắp tất cả chúng sanh trong đời ác ở thời vị lai mà làm sự đại lợi lạc.’**

**Con lúc đó mới đang ở Sơ Ðịa, vừa nghe xong Chú này thì liền vượt lên Bát Ðịa. Bấy giờ, trong lòng hoan hỷ, con lập tức phát lời thệ nguyện:**

**Lược Giảng:**

**‘Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này.’**Thuở ấy, Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai dặn dò Quán Thế Âm Bồ-tát rằng: "Này Thiện nam tử, ông cần phải thọ trì tâm chú này. Tâm chú nào ư? Ðó là Ðại Bi Tâm Chú, hay cũng gọi là Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni.Và ông hãy**vì khắp tất cả chúng sanh trong đời ác ở thời vị lai mà làm sự đại lợi lạc.**Ông nên làm cho hết thảy chúng sanh ở đời sau đều được hưởng sự lợi ích và được an vui."

**"Con lúc đó mới đang ở Sơ Ðịa."**Sơ Ðịa có tên là gì? Ðó là Hoan-hỷ Ðịa.

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ-tát chỉ mới chứng đắc Sơ Ðịa; thế nhưng Ngài**"vừa nghe xong Chú này—**tức là Chú Ðại Bi**—**t**hì liền vượt lên Bát Ðịa."** Như thế tức là từ Sơ Ðịa, Quán Thế Âm Bồ-tát đã vượt qua Nhị Ðịa, Tam Ðịa, Tứ Ðịa, Ngũ Ðịa, Lục Ðịa, Thất Ðịa, tiến thẳng đến Bát Ðịa.

**"Bấy giờ, do trong lòng hoan hỷ, con lập tức phát lời thệ nguyện:"** Phát thệ nguyệngì?

**Kinh Văn:**

***Âm:***‘NHƯỢC NGÃ ÐƯƠNG LAI, KHAM NĂNG LỢI ÍCH AN LẠC NHẤT THIẾT CHÚNG SANH GIẢ, LINH NGÃ TỨC THỜI THÂN SANH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN CỤ TÚC!’

PHÁT THỊ NGUYỆN DĨ, ƯNG THỜI THÂN THƯỢNG THIÊN THỦ THIÊN NHÃN TẤT GIAI CỤ TÚC, THẬP PHƯƠNG ÐẠI ÐỊA LỤC CHỦNG CHẤN ÐỘNG, THẬP PHƯƠNG THIÊN PHẬT, TẤT PHÓNG QUANG MINH, CHIẾU XÚC NGÃ THÂN, CẬP CHIẾU THẬP PHƯƠNG VÔ BIÊN THẾ GIỚI.

***Nghĩa:* ‘Nếu trong đời vị lai tôi có thể làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, thì xin khiến cho thân tôi lập tức sanh đủ ngàn tay ngàn mắt!’**

**Phát nguyện ấy xong thì trên thân liền ứng thời hiện đủ ngàn tay ngàn mắt. Lúc ấy, mười phương đại địa chấn động sáu cách; ngàn Ðức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh soi đến thân con, cùng chiếu dọi vô biên thế giới ở khắp mười phương.**

**Lược Giảng:**

**"‘Nếu trong đời vị lai tôi có thể làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, thì xin khiến cho thân tôi lập tức sanh đủ ngàn tay ngàn mắt!’"** Trong đời quá khứ ấy, Quán Thế Âm Bồ-tát đã nguyện rằng: "Giả sử trong tương lai, tôi có thể trở nên hữu ích đối với hết thảy chúng sanh, có thể mang lại sự an lạc cho muôn loài, thì tôi hy vọng rằng thần lực của Chú Ðại Bi này hãy khiến cho một ngàn cánh tay và một ngàn con mắt mọc ra đầy đủ nơi nhục thân của tôi ngay tức khắc!"

**"Phát nguyện ấy xong,**sau khi con lập nguyện, **thì trên thân liền ứng thời hiện đủ ngàn tay ngàn mắt.** Ngay trên nhục thân của con liền hiện ra cả một ngàn cánh tay và một ngàn con mắt trong cùng một lúc."

**"Lúc ấy, mười phương đại địa chấn động sáu cách."**Khắp mười phương thế giới, đại địa rúng động theo sáu cách khác nhau, gọi là "lục chủng chấn động." Ðó chính là 1) Chấn (vang dội); 2) Hống (gào lên); 3) Kích (đánh ra); 4) Ðộng (động cựa); 5) Dũng (phun ra); 6) Khởi (vùng dậy). Chấn, hống, kích là những biến động thuộc về âm thanh; động, dũng, khởi là những biến hóa thuộc về hình thể.

**Ngàn đức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh.** Từ thế giới của ngàn đức Phật trong mười phương đều đồng thời phóng ra hào quang đại quang minh, hào quang ấy **dọi đến thân con, cùng chiếu soi,**tỏa ánh sáng rực rỡ tới **vô biên thế giới ở khắp mười phương.**

**Kinh Văn:**

***Âm:***TÙNG THỊ DĨ HẬU, PHỤC Ư VÔ LƯỢNG PHẬT SỞ, VÔ LƯỢNG HỘI TRUNG, TRÙNG CÁNH ÐẮC VĂN, THÂN THỪA THỌ TRÌ THỊ ÐÀ-LA-NI, PHỤC SANH HOAN HỶ, DŨNG DƯỢC VÔ LƯỢNG, TIỆN ÐẮC SIÊU VIỆT VÔ SỐ ỨC KIẾP VI TẾ SANH TỬ."

***Nghĩa:* Từ đó về sau, trong vô lượng Phật sở, vô lượng Pháp Hội, con được nghe lại và đích thân nhận lãnh, thọ trì Ðà-La-Ni này, lại sanh hoan hỷ, phấn chấn vô lượng, nên được siêu vượt vi tế sanh tử trong vô số ức kiếp."**

**Lược Giảng:**

**"Từ đó về sau, trong vô lượng Phật sở, vô lượng Pháp Hội, con được nghe lại và đích thân nhận lãnh, thọ trì Ðà-La-Ni này.**Kể từ đó, tại vô lượng vô biên cõi nước của Phật cũng như tại vô lượng Pháp hội, conthường được nghe lại Chú Ðại Bi Ðà-La-Ni và tự thân con cũng thọ trì chú tổng trì này. Con**lại sanh hoan hỷ, phấn chấn vô lượng.**Con mừng rỡ đến nỗi muốn nhảy múa reo vui, **nên được siêu vượt vi tế sanh tử1  trong vô số ức kiếp,**lại còn được vượt qua biến dị sanh tử vô cùng vi tế trong vô số ức kiếp ở quá khứ?"

**Kinh Văn:**

***Âm:***TÙNG THỊ DĨ LAI THƯỜNG SỞ TỤNG TRÌ, VỊ TẰNG PHẾ VONG. DO TRÌ THỬ CHÚ CỐ, SỞ SANH CHI XỨ, HẰNG TẠI PHẬT TIỀN, LIÊN HOA HÓA SANH, BẤT THỌ THAI TẠNG CHI THÂN.

***Nghĩa:* Từ ấy đến nay. con thường xuyên trì tụng, chưa từng quên bỏ. Nhờ thọ trì Chú này nên con luôn được sanh ra tại Phật tiền, hóa sanh từ hoa sen, không còn thọ thân thai bào nữa.**

**Lược Giảng:**

**"Từ ấy đến nay. con thường xuyên trì tụng, chưa từng quên bỏ.** Kể từ khi ấy cho đến nay, con vẫn luôn tụng trì Chú Ðại Bi, không một ngày xao lãng. **Nhờ thọ trì Chú này nên con luôn được sanh ra tại Phật tiền,** vào thời có Phật trụ thế, được**hóa sanh từ hoa sen chứ không còn thọ thân thai bào nữa,**không còn phải mang thân thể do cha mẹ hoài thai, cưu mang nữa."

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

  **1**Có hai loại sanh tử: 1) Phân đoạn sanh tử. Ðây là sự sanh và tử của nhục thân. Các bậc A-la-hán đều đã kết thúc sự sanh tử này; 2) Biến dị sanh tử. Ðây là nói về sự thay đổi, chuyển biến vi tế của dòng tư tưởng. Các bậc Bồ-tát đều đã dứt được cả hai thứ sanh tử này. Ở đây, vi tế sanh tử chính là Biến dị sanh tử.

**Kinh Văn:**

***Âm:***"NHƯỢC HỮU TỲ KHEO, TỲ KHEO NI, ƯU BÀ TẮC, ƯU BÀ DI, ÐỒNG NAM, ÐỒNG NỮ, DỤC TỤNG TRÌ GIẢ, Ư CHƯ CHÚNG SANH KHỞI TỪ BI TÂM, TIÊN ÐƯƠNG TÙNG NGÃ PHÁT NHƯ THỊ NGUYỆN: ..."

***Nghĩa:* "Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đồng nam hay đồng nữ nào muốn trì tụng, thì nên phát khởi lòng từ bi đối với mọi chúng sanh, và trước tiên phải theo con mà phát những thệ nguyện như vầy ..."**

**Lược Giảng:**

**"Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, đồng nam hay đồng nữ nào muốn trì tụng ..."** Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật rằng: "Giả sử có các Thầy hoặc các Sư cô, đã xuất gia, người nam hoặc người nữ còn tại gia, và đồng nam hoặc đồng nữ nào phát tâm muốn trì tụng Chú Ðại Bi, **thì nên phát khởi lòng từ bi đối với mọi chúng sanh, và trước tiên phải theo con mà phát những thệ nguyện như vầy ..."** Trước hết, vị phát tâm ấy cần phải đối trước Quán Thế Âm Bồ-tát mà lập mười lời thệ nguyện như sau ...

**Kinh Văn:**

***Âm:***

**1) "**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TỐC TRI NHẤT THIẾT PHÁP;

**2)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TẢO ÐẮC TRÍ HUỆ NHÃN;

**3)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TỐC ÐỘ NHẤT THIẾT CHÚNG;

**4)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TẢO ÐẮC THIỆN PHƯƠNG TIỆN;

**5)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TỐC THỪA BÁT-NHÃ THUYỀN;

**6)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TẢO ÐẮC VIỆT KHỔ HẢI;

**7)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TỐC ÐẮC GIỚI ÐỊNH ÐẠO;

**8)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TẢO ÐĂNG NIẾT-BÀN SƠN;

**9)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TỐC HỘI VÔ-VI XÁ;

**10)**NAM MÔ ÐẠI BI QUÁN THẾ ÂM, NGUYỆN NGÃ TẢO ÐỒNG PHÁP TÁNH THÂN.

NGÃ NHƯỢC HƯỚNG ÐAO SƠN, ÐAO SƠN TỰ TỒI CHIẾT;

NGÃ NHƯỢC HƯỚNG HỎA THANG, HỎA THANG TỰ KHÔ KIỆT;

NGÃ NHƯỢC HƯỚNG ÐỊA NGỤC, ÐỊA NGỤC TỰ TIÊU DIỆT;

NGÃ NHƯỢC HƯỚNG NGẠ QUỶ, NGẠ QUỶ TỰ BÃO MÃN;

NGÃ NHƯỢC HƯỚNG TU-LA, ÁC TÂM TỰ ÐIỀU PHỤC;

NGÃ NHƯỢC HƯỚNG SÚC SANH, TỰ ÐẮC ÐẠI TRÍ HUỆ."

***Nghĩa:***

**1) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng biết tất cả pháp;**

**2) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được Trí Huệ Nhãn;**

**3) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng độ các chúng sanh;**

**4) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được thiện phương tiện;**

**5) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng lên thuyền Bát-nhã;**

**6) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm vượt qua biển khổ;**

**7) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng đắc Giới Ðịnh Ðạo;**

**8) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm lên núi Niết-bàn;**

**9) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng về nhà Vô-vi;**

**10) Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm đồng thân Pháp tánh.**

**Nếu con hướng núi đao, núi đao tự sụp đổ;**

**Nếu con hướng nước sôi, nước sôi tự khô cạn;**

**Nếu con hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt;**

**Nếu con hướng ngạ quỷ, ngạ quỷ liền no đủ;**

**Nếu con hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục;**

**Nếu con hướng súc sanh, liền đắc đại Trí Huệ."**

**Lược Giảng:**

Mười lời nguyện đó là:

**1) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng biết tất cả pháp."**

"Nam mô" nghĩa là gì? "Nam mô" là tiếng Phạn, và có nghĩa là "quy mạng." Do đó, "Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát" có nghĩa là giao phó tất cả thân tâm, tính mạng của mình cho Quán Thế Âm Bồ-tát.

"Nam mô" lại cũng có nghĩa là "kính đầu," tức là cung kính quy y, cung kính quay về nương tựa. Như vậy, "nam mô Phật" tức là cung kính quay về nương tựa Phật; "nam mô Pháp" là cung kính quay về nương tựa Pháp; "nam mô Tăng" là cung kính quay về nương tựa Tăng; và "nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm" là cung kính quay về nương tựa Ðức Quán Thế Âm Bồ-tát đại từ đại bi.

Sau khi đã quay về nương tựa Ðại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát rồi thì sao nữa? Thì hãy phát nguyện rằng: "Con nguyện chóng biết tất cả pháp. Cầu xin Quán Thế Âm Bồ-tát gia bị, phù hộ cho con được hiểu rõ Phật Pháp một cách nhanh chóng." Ở đây, "biết" (tri) tức là hiểu rõ, hiểu thấu đáo.

**2) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được Trí Huệ Nhãn."** Ở thế gian chúng ta, những người hiện đời có được Ngũ Nhãn, Lục Thông đều là nhờ thuở trước họ đã từng trì tụng Chú Ðại Bi và quy y với Quán Thế Âm Bồ-tát, nên Trí Huệ Nhãn khai mở và họ có được "con mắt trí huệ."

**3) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con** **nguyện chóng độ các chúng sanh."**Chúng ta cần "mau biết tất cả pháp, sớm được Trí Huệ Nhãn" để làm gì? Chính là để "chóng độ các chúng sanh."

**4) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được thiện phương tiện."** Muốn độ tất cả chúng sanh thì chúng ta cần phải biết mọi pháp môn phương tiện ngõ hầu có thể tùy theo căn cơ của chúng sanh mà thuyết giảng thứ giáo pháp thích hợp, "tùy bệnh cho thuốc." Do đó, sớm chứng đắc các pháp môn thiện xảo phương tiện là điều rất thiết yếu.

**5) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng lên thuyền Bát-nhã.** Con lại quay về nương tựa Ðại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, và nguyện sẽ chóng được ngồi thuyền trí huệ Bát-nhã."

**6) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm vượt qua biển khổ.** Sau khi được lên ngồi trên thuyền trí huệ Bát-nhã rồi, con nguyện sẽ dùng con thuyền này để nhanh chóng vượt thoát biển khổ sanh tử."

**7) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng được Giới Ðịnh Ðạo.** Con cung kính quy y Ðức Quán Thế Âm Ðại Từ Ðại Bi, và nguyện sẽ sớm thông đạt được đạo Giới, Ðịnh, Huệ."

**8) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm lên núi Niết-bàn.** Sau khi đắc được Giới Ðịnh Ðạo, con nguyện sẽ mau chóng lên được cõi Niết-bàn."

**9) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng về nhà Vô-vi."** "Nhà Vô-vi" tức là Vô-vi pháp; do đó, "chóng về nhà Vô-vi" có nghĩa là sớm chứng đắc pháp môn Vô-vi vậy.

**10) "Nam mô Ðại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm đồng thân Pháp tánh.** Con xin cung kính quay về nương tựa Ðại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát, và nguyện sẽ sớm chứng đắc tự thân của Pháp tánh."

**"Nếu con hướng núi đao, núi đao tự sụp đổ.**Khi niệm Chú Ðại Bi, nếu con quay về hướng núi đao mà niệm, thì núi đao sẽ tự nhiên tan rã, đổ sụp xuống."

**"Nếu con hướng nước sôi, nước sôi tự khô cạn.** Nếu con hướng về địa ngục nước sôi mà niệm Chú Ðại Bi, thì lửa sẽ lụn tắt và nước cũng cạn khô."

**"Nếu con hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt.** Nếu con hướng về địa ngục mà niệm Chú Ðại Bi, thì địa ngục sẽ biến thành thiên đường—không còn có địa ngục nữa."

"**Nếu con hướng ngạ quỷ, ngạ quỷ liền no đủ.** Nếu con hướng về loài ngạ quỷ mà niệm Chú Ðại Bi, thì hết thảy ngạ quỷ đều được no đủ, không còn bị cái khổ đói khát hành hạ nữa."

**"Nếu con hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục.** Nếu con hướng về những chúng sanh Tu-la hung ác nhất mà niệm Chú Ðại Bi, thì tâm địa độc ác của loài Tu-la sẽ tự nhiên được điều phục và tất cả đều phát tâm muốn quy y, hướng thiện."

**"Nếu con hướng súc sanh, liền đắc đại Trí Huệ.** Nếu con hướng về những súc sanh ngu muội mà niệm Chú Ðại Bi, thì chúng sẽ có được trí huệ rộng lớn."

**Kinh Văn:**

***Âm:***"PHÁT THỊ NGUYỆN DĨ, CHÍ TÂM XƯNG NIỆM NGÃ CHI DANH TỰ, DIỆC ƯNG CHUYÊN NIỆM NGÃ BỔN SƯ A-DI-ÐÀ NHƯ-LAI; NHIÊN HẬU TỨC ÐƯƠNG TỤNG THỬ ÐÀ-LA-NI THẦN CHÚ. NHẤT TÚC TỤNG MÃN NGŨ BIẾN, TRỪ DIỆT THÂN TRUNG BÁCH THIÊN VẠN ỨC KIẾP SANH TỬ TRỌNG TỘI."

***Nghĩa:* "Phát những nguyện này xong, hãy chí tâm xưng niệm danh hiệu của con và cũng phải chuyên niệm danh hiệu Ðức Bổn Sư của con là Ðức A-Di-Ðà Như Lai; sau đó phải luôn trì tụng Thần Chú Ðà-La-Ni này. Nếu mỗi đêm tụng đủ năm biến thì có thể tiêu trừ được trọng tội trong trăm ngàn muôn ức kiếp sanh tử."**

**Lược Giảng:**

Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch cùng Ðức Phật: "Sau khi các chúng sanh phát tâm thọ trì Chú Ðại Bi đã**phát những nguyện này xong, hãy chí tâm xưng niệm danh hiệu của con**–Quán Thế Âm Bồ-tát."

Quý vị muốn thọ trì Chú Ðại Bi, thì trước tiên, mỗi người phải đối trước Quán Thế Âm Bồ-tát mà lập mười thệ nguyện như trên; rồi kế đến là phải chí tâm xưng niệm danh hiệu của Ngài, tức là Quán Thế Âm Bồ-tát. "Chí tâm" tức là thành tâm thành ý, một lòng một dạ.

**"Và cũng phải chuyên niệm Ðức Bổn Sư của con.** Các chúng sanh đó nếu chỉ niệm danh hiệu của con thôi thì vẫn còn chưa đủ, họ cần phải chuyên tâm trì niệm cả danh hiệu của Bổn Sư của con nữa; Bổn Sư của con là ai ư? Chính**là Ðức A-Di-Ðà Như Lai.**" **Bởi "uống nước nhớ nguồn," cho nên chúng ta cần phải biết nghĩ đến Ðức Phật A-Di-Ðà, vốn là Thầy của Quán Thế Âm Bồ-tát tự thuở ban sơ. Do đó, chúng ta cũng cần phải niệm "Nam mô A-Di-Ðà Phật" nữa, chứ không phải chỉ niệm "Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát" mà thôi.**

**"Sau đó, phải luôn trì tụng Thần Chú Ðà-La-Ni này.** Trước hết, các chúng sanh đó phải niệm danh hiệu của con—‘Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát’; rồi tiếp đến là niệm danh hiệu Ðức Bổn Sư của con—‘Nam mô A Di Ðà Phật’; và sau đó mới bắt đầu tụng Thần Chú Ðà-La-Ni.**Nếu mỗi đêm tụng đủ năm biến thì có thể tiêu trừ được trọng tội trong trăm ngàn muôn ức kiếp sanh tử."**

Mỗi tối, nếu quý vị có thể chuyên cần trì tụng Chú Ðại Bi đủ năm biến, đều đặn như thế, thì có thể khiến cho bao nhiêu nghiệp chướng mà bản thân quý vị trót gây tạo đều được tiêu trừ. "Trọng tội trong trăm ngàn muôn ức kiếp sanh tử" tức là những tội lỗi thâm trọng mà chúng ta đã tạo tác trong quá trình luân hồi luẩn quẩn, sanh rồi chết, chết rồi lại tái sanh, lập đi lập lại mãi trong suốt cả hằng trăm ngàn vạn ức kiếp.

**Kinh Văn:**

***Âm:***QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỤC BẠCH PHẬT NGÔN: "THẾ TÔN! NHƯỢC CHƯ NHÂN THIÊN TỤNG TRÌ ÐẠI BI CHƯƠNG CÚ GIẢ, LÂM MẠNG CHUNG THỜI, THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT GIAI LAI THỌ THỦ; DỤC SANH HÀ ÐẲNG PHẬT ÐỘ, TÙY NGUYỆN GIAI ÐẮC VÃNG SANH."

***Nghĩa:* Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Nếu chư nhân thiên tụng trì Thần Chú Ðại Bi, thì lúc lâm chung, mười phương chư Phật đều đến cầm tay tiếp dẫn; và muốn sanh về cõi Phật nào cũng đều được tùy nguyện vãng sanh."**

**Lược Giảng:**

**Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Nếu chư nhân thiên tụng trì Thần Chú Ðại Bi, thì lúc lâm chung, mười phương chư Phật đều đến cầm tay tiếp dẫn.**" Giả sử các chúng sanh trong cõi người và cõi trời tụng trì Chú Ðại Bi này thì đến lúc hấp hối, họ sẽ được chư Phật từ khắp mười phương hiện đến và đưa tay tiếp dẫn, đích thân nắm tay họ mà dắt về cõi nước của các ngài.

**"Và muốn sanh về cõi Phật nào cũng đều được tùy nguyện vãng sanh."** Lại nữa, các chúng sanh này muốn sanh về cõi Phật nào thì đều được vãng sanh về cõi Phật đó, đúng như ước nguyện của họ.

**Kinh Văn:**

***Âm:***PHỤC BẠCH PHẬT NGÔN: "THẾ TÔN! NHƯỢC CHƯ CHÚNG SANH TỤNG TRÌ ÐẠI BI THẦN CHÚ, ÐỌA TAM ÁC ÐẠO GIẢ, NGÃ THỆ BẤT THÀNH CHÁNH GIÁC.

TỤNG TRÌ ÐẠI BI THẦN CHÚ GIẢ, NHƯỢC BẤT SANH CHƯ PHẬT QUỐC GIẢ, NGÃ THỆ BẤT THÀNH CHÁNH GIÁC.

TỤNG TRÌ ÐẠI BI THẦN CHÚ GIẢ, NHƯỢC BẤT ÐẮC VÔ LƯỢNG TAM-MUỘI BIỆN TÀI GIẢ, NGÃ THỆ BẤT THÀNH CHÁNH GIÁC."

***Nghĩa:* Lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Nếu các chúng sanh tụng trì Thần Chú Ðại Bi mà còn bị đọa vào ba ác đạo, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác.**

**Tụng trì Thần Chú Ðại Bi, nếu không được sanh về các cõi nước của chư Phật, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác.**

**Tụng trì Thần Chú Ðại Bi, nếu không chứng đắc vô lượng Tam-muội và biện tài, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác."**

**Lược Giảng:**

Ðức Quán Thế Âm Bồ-tát **lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Nếu các chúng sanh tụng trì Thần Chú Ðại Bi mà còn bị đọa vào ba ác đạo**—địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh—**thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác."** Như vậy, nếu tất cả những chúng sanh tụng trì Chú Ðại Bi đều không còn bị đọa vào ba đường ác, thì Quán Thế Âm Bồ-tát mới thành Phật!

**"Tụng trì Thần Chú Ðại Bi, nếu không được sanh về các cõi nước của chư Phật, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác."** Giả sử có người trì niệm Thần Chú Ðại Bi và phát nguyện muốn được sanh về quốc độ của đức Phật nào đó, nếu người ấy không được toại nguyện thì Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ không thành Phật!

**"Tụng trì Thần Chú Ðại Bi, nếu không chứng đắc vô lượng Tam-muội và biện tài, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác."** Giả sử có người trì niệm Thần Chú Ðại Bi mà lại chẳng chứng được vô lượng Tam-muội cùng đại biện tài—không có được khả năng biện luận và giảng kinh thuyết pháp, cũng chẳng được khai mở đại trí huệ—thì Quán Thế Âm Bồ-tát cũng sẽ không thành Phật.

**Kinh Văn:**

***Âm:***"TỤNG TRÌ ÐẠI BI THẦN CHÚ GIẢ, Ư HIỆN TẠI SANH TRUNG, NHẤT THIẾT SỞ CẦU NHƯỢC BẤT QUẢ TOẠI GIẢ, BẤT ÐẮC VI ÐẠI BI TÂM ÐÀ-LA-NI DÃ; DUY TRỪ BẤT THIỆN, TRỪ BẤT CHÍ THÀNH."

***Nghĩa:* "Tụng trì Thần Chú Ðại Bi mà nếu ngay trong đời hiện tại, tất cả những sự mong cầu lại không được kết quả toại ý, thì không gọi là Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni; chỉ trừ bất thiện, trừ chẳng chí thành."**

**Lược Giảng:**

Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch cùng Ðức Phật rằng: "Những người**tụng trì Thần Chú Ðại Bi mà nếu ngay trong đời hiện tại, tất cả những sự mong cầu lại không được kết quả toại ý, không được mãn nguyện,**thì **Thần Chú này không gọi là Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni!"** Tuy nhiên, có một điều chúng ta cần phải lưu ý trước, đó là các trường hợp ngoại le**?#151;"chỉ trừ bất thiện, trừ chẳng chí thành."**

"Chỉ trừ bất thiện." Nếu quý vị một mặt thì tụng Chú Ðại Bi, mặt khác lại đi giết người, cướp của, hoặc tà dâm, vọng ngữ, rượu thịt say sưa..., chẳng từ một việc xấu nào cả, thì hẳn nhiên là Thần Chú sẽ không hiển linh, không công hiệu. "Bất thiện" là bao gồm hết thảy mọi hành vi bất chánh, tà vạy như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ...

"Trừ chẳng chí thành." Nếu quý vị tụng niệm qua loa cho có lệ, nói là muốn thử xem Chú Ðại Bi có thật sự linh nghiệm hay không, như thế có nghĩa là quý vị không có lòng thành. Quý vị không có ý muốn thử, thì Chú sẽ linh ứng; song nếu quý vị muốn thử, thì Chú sẽ chẳng hiển linh! Vì sao ư? Vì Phật và Bồ-tát không phải là đối tượng để cho quý vị tùy tiện thử thách, thí nghiệm—các ngài không cần quý vị đến thử nghiệm! Chư Phật và chư Bồ-tát có thể thử nghiệm chúng sanh, song chúng sanh không được phép thử nghiệm các ngài. Do đó, nếu quý vị rắp tâm muốn thử xem sự việc sẽ như thế nào, tức là quý vị không có lòng chí thành; mà không có lòng thành khẩn thiết tha thì chẳng thể nào có sự cảm ứng linh nghiệm được!

**Kinh Văn:**

***Âm:***"NHƯỢC CHƯ NỮ NHÂN YẾM TIỆN NỮ THÂN, DỤC THÀNH NAM TỬ THÂN, TỤNG TRÌ ÐẠI BI ÐÀ-LA-NI CHƯƠNG CÚ, NHƯỢC BẤT CHUYỂN NỮ THÂN THÀNH NAM TỬ THÂN GIẢ, NGÃ THỆ BẤT THÀNH CHÁNH GIÁC; SANH THIỂU NGHI TÂM GIẢ, TẤT BẤT QUẢ TOẠI DÃ."

***Nghĩa:* "Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn thành thân nam, tụng trì Thần Chú Ðại Bi Ðà-La-Ni, như không được chuyển thân nữ thành thân nam, thì con thề sẽ không thành Chánh Giác; người nào còn sanh chút lòng nghi tất không được toại nguyện."**

**Lược Giảng:**

**"Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, không muốn phải sanh làm người nữ nữa, muốn thành thân nam, tụng trì Thần Chú Ðại Bi Ðà-La-Ni, như không được chuyển thân nữ thành thân nam, thì con thề sẽ không thành Chánh Giác."** Sự "chuyển thân nữ thành thân nam" này không phải là sẽ xảy ra ngay trong đời hiện tại, mà là ứng vào đời sau trong thời vị lai.

Vậy, giả sử những người nữ ao ước được làm người nam đó siêng năng trì niệm Chú Ðại Bi, mà đến đời sau họ lại không được sanh làm thân nam, thì Quán Thế Âm Bồ-tát quyết sẽ không thành Phật.

**"Người nào còn sanh chút lòng nghi tất không được toại nguyện."** Tuy nhiên, nếu trong lòng quý vị có dấy lên dù chỉ một mảy may hoài nghi thì sự mầu nhiệm sẽ chẳng bao giờ xảy ra, và do đó, tâm nguyện của quý vị sẽ không được thành tựu.

**Kinh Văn:**

***Âm:***"NHƯỢC CHƯ CHÚNG SANH XÂM TỔN THƯỜNG TRỤ ẨM THỰC TÀI VẬT, THIÊN PHẬT XUẤT THẾ BẤT THÔNG SÁM HỐI, TÚNG SÁM DIỆC BẤT TRỪ DIỆT, KIM TỤNG ÐẠI BI THẦN CHÚ, TỨC ÐẮC TRỪ DIỆT."

***Nghĩa:* "Nếu các chúng sanh xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ, thì dẫu một ngàn đức Phật ra đời cũng chẳng được sám hối, mà dù có sám hối cũng không tiêu trừ được; nay tụng Thần Chú Ðại Bi thì tức khắc được tiêu trừ."**

**Lược Giảng:**

**"Nếu các chúng sanh xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ."** Thường Trụ tức là nhà chùa.

Những kẻ đến chùa ăn uống, tiêu thụ vật thực của chùa mà không cúng dường tiền lại, hoặc mượn đồ dùng của chùa rồi không chịu trả, lạm dụng tài vật của chùa... thì sẽ mang tội rất nặng. Tội ấy, **"thì dẫu một ngàn đức Phật ra đời, cũng chẳng được sám hối.**Chư Phật không thể hứa khả cho họ sám hối, **mà dù có sám hối cũng không tiêu trừ được."**

Cái tội xâm chiếm hoặc làm hao tổn thực phẩm và tài vật của chùa chiền rất nghiêm trọng, cho dù các chúng sanh đó có đối trước chư Phật mà khẩn cầu sám hối thì tội lỗi cũng chẳng thể tiêu tan. Thế nhưng, **"nay tụng Thần Chú Ðại Bi, thì tức khắc được tiêu trừ."** Nếu ngay bây giờ họ trì tụng Chú Ðại Bi, thì bao nhiêu tội chướng sẽ lập tức tiêu tan!

**Kinh Văn:**

***Âm:***"NHƯỢC XÂM TỔN THỰC DỤNG THƯỜNG TRỤ ẨM THỰC TÀI VẬT, YẾU ÐỐI THẬP PHƯƠNG SƯ SÁM TẠ, NHIÊN THỦY TRỪ DIỆT; KIM TỤNG ÐẠI BI ÐÀ-LA-NI THỜI, THẬP PHƯƠNG SƯ TỨC LAI VI TÁC CHỨNG MINH, NHẤT THIẾT TỘI CHƯỚNG, TẤT GIAI TIÊU DIỆT."

***Nghĩa:* "Nếu xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ, thì phải đối trước mười phương Sư mà sám hối, mới có thể tiêu trừ; nay tụng Ðại Bi Ðà-La-Ni thì mười phương Sư liền đến chứng minh, tất cả tội chướng đều được tiêu tan."**

**Lược Giảng:**

**"Nếu xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ, thì phải đối trước mười phương Sư mà sám hối, mới có thể tiêu trừ."** Những kẻ dám chiếm đoạt hoặc gây tổn thất hư hại cho tài sản, đồ ăn thức uống của nhà chùa, thì phải đối trước chư Ðại Sư ở khắp mười phương—cũng chính là mười phương chư Phật—để sám hối tạ tội thì may ra nghiệp tội tày trời của họ mới có thể được tiêu tan.

Tuy nhiên, những kẻ đó nếu **"nay tụng Ðại Bi Ðà-La-Ni thì mười phương Sư liền đến chứng minh, tất cả tội chướng đều được tiêu tan."**Chỉ cần ngay bây giờ những kẻ ấy bắt đầu thành khẩn tụng trì Chú Ðại Bi, thì mười phương chư Phật sẽ đến để chứng giám cho họ, và mọi tội lỗi nghiệp chướng của họ liền được tiêu tan.

**Kinh Văn:**

**Âm:**"NHẤT THIẾT THẬP ÁC, NGŨ NGHỊCH, BÁNG NHÂN BÁNG PHÁP, PHÁ TRAI PHÁ GIỚI, PHÁ THÁP HOẠI TỰ, THÂU TĂNG KỲ VẬT, Ô TỊNH PHẠM HẠNH; NHƯ THỊ ÐẲNG NHẤT THIẾT ÁC NGHIỆP TRỌNG TỘI, TẤT GIAI DIỆT TẬN."

***Nghĩa:* "Tất cả các tội Thập Ác, Ngũ Nghịch, báng nhân báng Pháp, phá trai phá Giới, phá chùa hủy tháp, trộm của Tăng-kỳ, làm nhơ Phạm hạnh thanh tịnh; bao nhiêu nghiệp ác tội nặng như thế đều được dứt sạch."**

**Lược Giảng:**

**"Tất cả các tội Thập Ác, Ngũ Nghịch ..."**

**Thập Ác tức là mười việc ác: 1) Sát sanh; 2) Trộm cắp ; 3) Tà dâm; 4) Tham lam; 5) Sân hận; 6) Si mê; 7) Nói lời thêu dệt; 8) Nói lời gian dối; 9) Nói lời hung ác; 10) Nói lời đâm thọc (nói lưỡi đôi chiều).**

Ngũ Nghịch là năm tội nghịch tày trời: 1) Giết cha; 2) Giết mẹ; 3) Giết bậc A-La-Hán; 4) Phá sự hòa hợp của Tăng chúng; 5) Làm cho thân Phật chảy máu.

**"Báng nhân, báng Pháp."** "Báng nhân" tức là hủy báng, chê bai, bôi nhọ người khác. Thí dụ, người ta vốn là một vị tu hành, có đạo đức, mà mình lại buông lời miệt thị: "Ui chao! Hắn là một kẻ chẳng ra gì, đừng nhắc tới nữa!"; như thế là hủy báng tha nhân vậy.

"Báng Pháp" tức là hủy báng Phật Pháp, hủy báng chư Tăng Ni, khinh chê lời Phật dạy.

"Phá trai, phá Giới." Nếu quý vị đã nguyện là chỉ ăn chay, song lại không giữ lời, tùy tiện ăn thịt; như thế tức là quý vị "phá trai" vậy. Nếu quý vị thọ Giới mà lại không giữ Giới, cứ làm những điều trái với Giới Luật, thì đó gọi là "phá Giới."

**"Phá chùa hủy tháp, trộm của Tăng-kỳ, làm nhơ Phạm hạnh thanh tịnh."**"Phá chùa hủy tháp" tức là phá hoại, triệt hạ chùa chiền và tháp miếu thờ Phật; "trộm của Tăng-kỳ" là lấy cắp đồ đạc của người xuất gia; "làm nhơ Phạm hạnh thanh tịnh" là khiến cho người đang tu hạnh thanh tịnh bị ô uế, không giữ được hạnh trong sạch nữa.

Những tội lỗi kể trên đều rất nghiêm trọng, tuy thế, nếu quý vị đã trót phạm mà nay lại có thể thành tâm trì tụng Chú Ðại Bi thì **"bao nhiêu nghiệp ác tội nặng như thế đều được dứt sạch."**

**Kinh Văn:**

***Âm:***"DUY TRỪ NHẤT SỰ, Ư CHÚ SANH NGHI GIẢ, NÃI CHÍ TIỂU TỘI KHINH NGHIỆP, DIỆC BẤT ÐẮC DIỆT, HÀ HUỐNG TRỌNG TỘI? TUY BẤT TỨC DIỆT TRỌNG TỘI, DO NĂNG VIỄN TÁC BỒ ÐỀ CHI NHÂN."

***Nghĩa:* "Chỉ trừ một việc, nếu đối với Thần Chú còn sanh lòng nghi thì ngay cả tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu trừ, huống hồ tội nặng? Tuy không thể tức khắc tiêu trừ được tội nặng, song vẫn có thể làm nhân xa của Bồ-đề."**

**Lược Giảng:**

Tuy nhiên,**"chỉ trừ một việc."**Câu này vô cùng quan trọng; vậy thì ngoại trừ trường hợp nào? Ðó là trường hợp **"nếu đối với Thần Chú còn sanh lòng nghi."**

Nếu quý vị cứ phân vân: "Không biết Chú này có linh nghiệm như thế thật không nhỉ? Có thật là có sự mầu nhiệm đến thế không? Tuy nói rằng trì tụng Chú này thì được cảm ứng, nhưng đó chỉ toàn là nghe người ta kể lại chứ mình vẫn chưa được chứng kiến tận mắt; chẳng biết có đúng là như vậy hay không?"; tức là quý vị không có lòng tin đối với Thần Chú. Mà hễ quý vị không tin thì thế nào? Thì sẽ hoàn toàn không linh nghiệm! Vì sao ư? Bởi vì quý vị không đặt trọn lòng tin nơi Thần Chú!

Thí dụ, khi quý vị nhờ bạn bè làm giùm một việc gì đó, thì quý vị cần phải thật tâm tín nhiệm họ; bằng không, họ sẽ chẳng muốn giúp quý vị! Tương tự như thế, quý vị cần phải tuyệt đối tin tưởng vào Thần Chú này; bằng không,**"thì ngay cả tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu trừ."**

"Ðối với Thần Chú còn sanh lòng nghi" cũng có nghĩa là không "y giáo phụng hành," không làm đúng theo các đạo lý bao hàm trong Thần Chú. Thí dụ Quán Thế Âm Bồ-tát căn dặn là hành giả mỗi ngày phải tụng Chú Ðại Bi đủ năm biến, thì quý vị không tụng năm biến mà lại tụng bốn biến, còn nói rằng: "Bớt đi một biến thì đâu có gì quan trọng?! Tụng nhiều hay ít thì cũng vậy thôi; miễn có tụng là được rồi!" Thế là, hôm nay lười biếng nên chỉ tụng một biến rồi nghỉ; hôm sau siêng năng hơn nên tụng luôn một lúc đến một trăm biến để bù lại! Như vậy thì có khác gì hôm nay ăn một lúc hết hai mươi chén cơm, rồi sang ngày mai thì không ăn gì cả? Không ăn gì cả thì đói chịu không nổi; còn ăn luôn hai chục chén cơm thì bụng no anh ách cũng chẳng dễ chịu tí nào! Việc tụng Chú Ðại Bi tuy về hình tướng thì không hoàn toàn giống như việc ăn cơm, song tính cách thì cũng tương tự. Trong kinh đã dặn mỗi ngày tụng năm biến thì chúng ta phải mỗi ngày chăm chỉ tụng đủ năm biến; nhất định phải đều đặn như thế, chứ đừng tụng sáu biến, mà cũng chớ nên tụng bốn biến!

Có người phân trần: "Tôi vốn kém trí nhớ, nên cứ lẫn lộn, không biết là mình đã tụng đủ năm biến hay chỉ mới tụng bốn biến!" Nói như thế tức là quý vị hoàn toàn chẳng có tụng niệm gì cả! Bởi quý vị không thể nhớ được kia mà! Tụng được bao nhiêu biến mà chính mình cũng không nhớ rõ, thì một biến cũng chẳng thành lập! Do đó, quý vị cần phải ghi nhớ cho rõ ràng rành mạch.

Lại có người thắc mắc: "Tôi vừa bắt đầu niệm Chú thì đầu óc cứ mơ mơ màng màng; như thế có kể là có tụng không?" Như thế thì không kể; đó là ngủ gà ngủ gật chứ không phải là tụng Chú!

Có người thì kể lể: "Mỗi lần tôi tu Pháp là hai mắt cứ ríu lại, mở không ra!" Như thế cũng không tính, bởi quý vị chỉ tu niệm một cách hồ đồ, điên đảo, thiếu sáng suốt. Quý vị cần phải y theo giáo pháp mà tu tập trong sự tỉnh táo, minh mẫn mới được!

Cũng có người tự biện hộ rằng: "Tôi chỉ phạm một vài sai sót nho nhỏ thôi thì chắc cũng không sao; vị Thần của Chú không thể nào biết được! Hiện tại tôi chưa tụng Chú, thì vị Chú Thần chưa đến, vậy tôi có uống chút xíu rượu cũng chẳng hề gì!" Suy nghĩ như thế tức là quý vị "còn sanh lòng nghi," không có tín tâm đối với Chú. Phải như thế nào mới gọi là thật sự có tín tâm đối với Chú? Phải thành khẩn, không mảy may gợn chút hoài nghi, và phải theo đúng khuôn phép, nền nếp mà tu hành!

**"Huống hồ tội nặng?"** Tội nhỏ nghiệp nhẹ mà còn không tiêu trừ được, thì tội lớn nghiệp nặng lại càng khó thể tiêu trừ hơn nữa!

**"Tuy không thể tức khắc tiêu trừ được tội nặng, song vẫn có thể làm nhân Bồ-đề về lâu xa."** Mặc dù quý vị tụng Chú với lòng nghi thì tội nặng không thể được tiêu trừ ngay, song quý vị vẫn có thể gieo được cái nhân Bồ-đề cho chính mình về sau. Hạt giống Bồ-đề này, đến một đại kiếp nào đó trong tương lai sẽ nẩy mầm Bồ-đề và sẽ lớn mạnh, kết thành quả Bồ-đề. Cho nên, một khi đã trồng cái nhân rồi, thì sớm muộn gì nó cũng đâm chồi nẩy lộc, đơm hoa kết trái.

 [**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)**2**[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)[**5**](http://www.dharmasite.net/daibidalani5.htm)

[Share on](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani3.htm" \t "_blank)

[Facebook](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani3.htm" \t "_blank)

[Share on](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(3)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani3.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

[Twitter](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(3)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani3.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

Share via

email



**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà La Ni Kinh**

****

**Hán dịch: Ðường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Ðạt Ma**

**Thiển giảng: Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa.**

[**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)**3**[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)[**5**](file:///C%3A%5CDocuments%20and%20Settings%5CHP_Administrator%5CMy%20Documents%5Cmis%5Cdrbav%5Cdaibidalani5.htm)

***(tiếp theo)***

*KINH VĂN:*

***Âm:* PHỤC BẠCH PHẬT NGÔN: "THẾ TÔN! NHƯỢC CHƯ NHÂN THIÊN TỤNG TRÌ ÐẠI BI TÂM CHÚ GIẢ, ÐẮC THẬP NGŨ CHỦNG THIỆN SANH, BẤT THỌ THẬP NGŨ CHỦNG ÁC TỬ DÃ."**

***Nghĩa:* Ngài lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì Ðại Bi Tâm Chú, thì sẽ được mười lăm loại thiện sanh và không phải chịu mười lăm loại ác tử."**

*LƯỢC GIẢNG:*

**Ngài?/font>**Quán Thế Âm Bồ-tát**�lại bạch Phật rằng: "Bạch Ðức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì Ðại Bi Tâm Chú, thì sẽ được mười lăm loại thiện sanh."** "Thiện sanh" tức là sự sinh sống tốt lành.

Nếu loài người ở nhân gian hoặc chư thiên ở cõi trời có thể học thuộc và siêng năng thọ trì *Kinh Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni* cùng Chú Ðại Bi, thì họ sẽ được mười lăm việc tốt lành;**"và không phải chịu mười lăm loại ác tử."**"Ác tử" là những cái chết tức tưởi do rủi ro, bất trắc. Nếu quý vị thành tâm trì tụng Chú Ðại Bi thì sẽ tránh được mười lăm loại "ác tử."

*KINH VĂN:*

***Âm:* "KỲ ÁC TỬ GIẢ:**

**NHẤT GIẢ, BẤT LINH KỲ CƠ NGẠ KHỐN KHỔ TỬ;**

**NHỊ GIẢ, BẤT VI GIÀ CẤM TRƯỢNG SỞ TỬ;**

**TAM GIẢ, BẤT VI OÁN GIA THÙ ÐỐI TỬ;**

**TỨ GIẢ, BẤT VI QUÂN TRẬN TƯƠNG SÁT TỬ;**

**NGŨ GIẢ, BẤT VI HỔ LANG ÁC THÚ TÀN HẠI TỬ;**

**LỤC GIẢ, BẤT VI ÐỘC XÀ NGOAN YẾT SỞ TRÚNG TỬ;**

**THẤT GIẢ, BẤT VI THUỶ HỎA PHẦN PHIÊU TỬ;**

**BÁT GIẢ, BẤT VI ÐỘC DƯỢC SỞ TRÚNG TỬ;**

**CỬU GIẢ, BẤT VI CỔ ÐỘC HẠI TỬ;**

**THẬP GIẢ, BẤT VI CUỒNG LOẠN THẤT NIỆM TỬ;**

**THẬP NHẤT GIẢ, BẤT VI SƠN THỌ NHAI NGẠN ÐỌA LẠC TỬ;**

**THẬP NHỊ GIẢ, BẤT VI ÁC NHÂN YẾM MỴ TỬ;**

**THẬP TAM GIẢ, BẤT VI TÀ THẦN ÁC QUỶ ÐẮC TIỆN TỬ;**

**THẬP TỨ GIẢ, BẤT VI ÁC BỆNH TRIỀN THÂN TỬ;**

**THẬP NGŨ GIẢ, BẤT VI PHI PHẬN TỰ HẠI TỬ."**

***Nghĩa:* "Các loại ác tử đó là:**

**Một là không bị chết vì đói khát, khốn khổ;**

**Hai là không bị chết vì gông, tù, đòn roi;**

**Ba là không bị chết vì oan gia thù nghịch;**

**Bốn là không bị chết vì chiến trận tương tàn;**

**Năm là không bị chết vì cọp, sói, ác thú tàn hại;**

**Sáu là không bị chết vì trúng độc rắn, rết, bò cạp;**

**Bảy là không bị chết vì nước cuốn, lửa thiêu;**

**Tám là không bị chết vì trúng phải độc dược;**

**Chín là không bị chết vì cổ độc tác hại;**

**Mười là không bị chết vì điên loạn, mất trí;**

**Mười một là không bị chết vì núi lở, cây ngã, vách đá sụp;**

**Mười hai là không bị chết vì kẻ ác thư ếm;**

**Mười ba là không bị chết vì tà thần, ác quỉ thừa cơ làm hại;**

**Mười bốn là không bị chết vì ác bệnh triền thân;**

**Mười lăm là không bị chết vì tự sát, tự tử."**

*LƯỢC GIẢNG:*

Quán Thế Âm Bồ-tát bạch với Ðức Phật:**"Các loại ác tử đó là: Một là không bị chết vì đói khát, khốn khổ."** Loại "ác tử" (cái chết xấu) thứ nhất là "chết vì đói khát, khốn khổ." Nếu quý vị tụng trì Chú Ðại Bi thì sẽ không bao giờ bị đói khát, thiếu thốn. "Ðói khát" tức là không có cơm ăn nước uống, phải chịu đói chịu khát mà chết. "Khốn khổ" tức là vô cùng vất vả cực khổ, không được vui sướng thảnh thơi. Con người có thể bị chết do đói, do lạnh, hoặc do nghèo nàn khốn khó; song nếu thành tâm trì tụng Chú Ðại Bi thì chúng ta sẽ không phải lâm vào các hoàn cảnh đó.

**"Hai là không bị chết vì gông, tù, đòn roi."** Loại "ác tử" thứ hai là "chết vì gông, tù, đòn roi."

"Gông" là thứ hình cụ đeo ở cổ tội nhân. Ở Mỹ quốc không biết có thứ hình cụ này không, chứ ở nước Trung Hoa thì thời xưa người ta thường tròng cái gông vào cổ của kẻ phạm pháp, rồi bắt đi diễu qua các đường phố cho mọi người đều trông thấy.

Nếu quý vị có thể thành tâm trì tụng Chú Ðại Bi thì sẽ không bị chết do phải mang gông cùm quá lâu ngày hoặc do tù đày khổ sở, và cũng không bị đánh đập đến gãy tay gãy chân, đau đớn quá mà chết.

**"Ba là không bị chết vì oan gia thù nghịch."** Loại "ác tử" thứ ba là "chết vì oan gia thù nghịch." Trên thế gian này, chúng ta hầu như ai cũng có "oan gia đối đầu." "Oan gia" (kẻ có oán thù) tức là kẻ chỉ có thù hận, oán ghét, chứ không có thiện duyên với quý vị.

Những kẻ cứ mang lòng thù hận cũng rất đáng thương, vì tâm tư họ luôn trĩu nặng một nỗi phẫn uất, không thể nào giải tỏa được. Nói chung, họ bị bao phủ bởi một thứ oán khí u ám và sống trong sự thù ghét, hằn học�tôi thù anh, anh hận tôi. Chữ "thù" này cũng đồng nghĩa với chữ "cừu," có nghĩa là căm ghét, thù hận. Người ta thường do những việc không ưng ý mà sanh ra thù hằn, chống đối lẫn nhau.

**"Bốn là không bị chết vì chiến trận tương tàn."** Loại "ác tử" thứ tư là "chết vì chiến trận tương tàn." Những người có trì tụng Thần Chú Ðại Bi thì cho dù phải ra chiến trường chiến đấu với địch quân, cũng không bị chết vì tên bay đạn lạc.

Cho nên, nếu quý vị nào có nhiệm vụ huấn luyện binh lính thì hãy dạy cho họ trì niệm Chú Ðại Bi, để đến khi giao chiến họ không bị trúng đạn mà tử thương. Thế nhưng, nếu quý vị dùng Chú Ðại Bi để huấn luyện binh lính đi gây chiến, thì tuy không bị tử trận, song cũng chẳng thể đánh thắng được! Ðó là vì Bồ-tát không muốn nhân loại gây khởi chiến tranh, chém giết lẫn nhau.

**"Năm là không bị chết vì cọp, sói, ác thú tàn hại."** Loại "ác tử" thứ năm là "chết vì bị cọp, sói, ác thú tàn hại." Nếu quý vị trì tụng Chú Ðại Bi thì sẽ không bị cọp beo, chó sói, hoặc những thú dữ khác cắn chết hay tàn hại.

**"Sáu là không bị chết vì trúng độc rắn, rết, bò cạp."** Loại "ác tử" thứ sáu là "chết vì bị trúng độc của rắn, rết, bò cạp." Rắn, rết (một loại rắn thân màu đen tuyền) và bò cạp đều có nọc độc; người nào chẳng may trúng phải nọc độc của chúng thì đành bó tay chịu chết, vô phương cứu chữa. Tuy nhiên, nếu quý vị trì tụng Chú Ðại Bi thì sẽ không bị nọc của các độc trùng đó làm hại đến tánh mạng.

**"Bảy là không bị chết vì nước cuốn, lửa thiêu."** Loại "ác tử" thứ bảy là "chết vì bị nước cuốn, lửa thiêu." Người trì tụng Chú Ðại Bi thì "xuống nước không chìm, vào lửa không cháy." Thế nào là "xuống nước không chìm, vào lửa không cháy"? Trước đây tôi có kể cho quý vị nghe một công án về vấn đề này, song vẫn có nhiều người chưa được nghe, vậy hôm nay tôi kể lại một lần nữa.

Thuở trước, có một Ðạo-sĩ nọ chuyên tu luyện công phu "xuất huyền nhập tẫn." Công phu "xuất huyền nhập tẫn" là gì? Người luyện được công phu này thì có thể khiến cho một hình nhân nho nhỏ xuất ra từ đỉnh đầu của mình để đi đây đi đó, và rồi vẫn có thể trở về nhập vào xác thân lại như cũ. Hình nhân xuất ra gọi là "xuất huyền," trở về lại với nhục thân gọi là "nhập tẫn."

Vị Ðạo-sĩ "xuất huyền nhập tẫn" này thường đi khắp nơi để tham vấn, học hỏi. Một hôm, ông đi ngang qua một ngôi chùa nhỏ, trong chùa chỉ có một thầy Tỳ-kheo già và một chú Sa-di còn nhỏ tuổi ở đó tu hành. Bấy giờ trời cũng vừa sập tối, ông bèn vào chùa xin tá túc qua đêm.

Ðến khuya hôm ấy, vị Ðạo-sĩ ngồi tĩnh tọa, dùng công phu "xuất huyền" mà xuất ra ngoài dạo chơi. Ông tới thăm Nhật Bản, rồi sang Ðức, sang Úc... Tuy những nơi đó toàn là người ngoại quốc và ông cũng chẳng hiểu được ngôn ngữ của họ, song ông vẫn muốn viếng thăm các danh lam thắng cảnh cho thỏa lòng hiếu kỳ. Ông cứ thong thả dạo khắp đó đây, ung dung chiêm ngưỡng các kỳ quan của thế giới. Rất có thể là ông cũng có đến Hoa Kỳ và ngắm nghía cầu Kim Môn (Golden Gate Bridge): "Ồ! Cầu Kim Môn có kiến trúc đẹp thật, quả là một công trình vĩ đại!"; rồi mải mê nhìn ngắm đến quên mất chuyện trở về.

Sáng sớm hôm sau, lúc ăn điểm tâm, vị Tỳ-kheo già bảo chú Sa-di: "Con hãy vào mời ông khách ngủ trọ hôm qua ra dùng điểm tâm!"

Chú Sa-di đến phòng dành cho vị Ðạo-sĩ thì thấy ông đang ngồi yên... bất động: "Ồ! Ông ấy ngồi mà viên tịch rồi!" Thế là chú hớt hãi chạy đi báo cho vị Tỳ-kheo hay: "Sư-phụ ơi! Ông khách xin tá túc tối qua đã viên tịch rồi!"

Vị Tỳ-kheo vội vã vào xem thì thấy quả thật vị Ðạo-sĩ đã chết rồi. Thật ra, đó là vì trong khi "xuất huyền" thì nhục thân của ông Ðạo-sĩ nọ không còn hô hấp, mà tim mạch cũng ngừng đập, nên tình trạng lúc ấy trông chẳng khác gì một xác chết vậy.

Vị Tỳ-kheo già bảo: "Ồ! Ông ấy chết thật rồi! Thôi thì chúng ta hãy làm lễ hỏa táng cho ông ấy vậy." Và chẳng mấy chốc thì nhục thân của vị Ðạo-sĩ đã trở thành một đống tro tàn!

Bấy giờ, vị Ðạo-sĩ sau khi "xuất huyền"?đi du ngoạn thỏa thích rồi (mà không tốn tiền mua vé máy bay!), bèn tính chuyện trở về để "nhập tẫn." Trở về, mới hay nhục thân của mình không còn ở chỗ cũ nữa, ông hốt hoảng lùng kiếm khắp nơi song vẫn không tìm ra. Thế là tối đến, ông liền tới ngôi chùa nhỏ nọ quát hỏi om sòm: "Các người đem cái "nhà" của ta đi đâu? Hãy trả "nhà" lại cho ta!" ("nhà" là ám chỉ nhục thân của ông.)

Vị Tỳ-kheo già cùng chú Sa-di nghe thấy thì kinh ngạc nhìn nhau: "Ai thế? Ai nói gì đấy?" Bởi vì tuy cũng là người tu hành, song họ chưa có được Ngũ Nhãn, Lục Thông; bằng không, họ có thể nhìn thấy và biết rằng vị khách hôm nọ đã trở về. Chính vì chỉ nghe có tiếng nói chứ không thấy dáng người nên cả hai thầy trò đều cho rằng đó là ma quỷ đến quấy phá: "Ồ, đó hẳn là hồn ma của ông khách hôm nọ trở về đòi nhà chứ gì?!"

Hôm đầu tiên thì đêm đến "hồn ma" của vị Ðạo-sĩ mới tới chùa để đòi *nha*? nhưng qua hôm sau thì trời vừa nhá nhem tối là ông đã đến rồi. Và kể từ đó, hôm nào ông cũng đến, có lúc ngay cả giữa ban ngày mà ông cũng đến kêu réo đòi nhà. Trong khoảng hơn một tháng, ngày nào ông cũng đến chùa nằng nặc đòi nhà như thế, khiến cho lão Tỳ-kheo và chú Sa-di sanh lòng sợ hãi: "Chậc, trong chùa có ma thật rồi! Thế này thì e rằng chúng ta phải lánh đi nơi khác mà thôi; không thể nào ở đây được nữa!" Thế là họ quyết định bỏ chùa mà đi.

Chiều hôm đó, hai thầy trò đang chuẩn bị để ngày mai dọn đi, thì có một nhà Sư đến xin tá túc. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo già bảo chú Sa-di: "Con hãy thưa với ông ấy rằng chúng ta hiện nay không cho khách ngủ trọ nữa! Lần trước đã xảy ra chuyện rắc rối quá rồi!"

Chú Sa-di thưa lại với vị Sư mới đến: "Xin Thầy hãy đến nơi khác tá túc. Chùa chúng con hiện nay không cho ngủ trọ nữa ạ."

Vị Sư nọ gạn hỏi: "Nhà chùa hiện nay không cho ngủ trọ nữa ư? Như thế có nghĩa là trước kia thì chùa vẫn cho khách ngủ trọ! Vậy thì tại sao bây giờ lại không cho nữa? Chú có thể cho ta biết nguyên do chăng?"

Chú Sa-di bèn kể lể sự tình: "Bởi vì trước kia có một ông khách xin tá túc và rồi viên tịch tại đây. Chúng con đã hỏa thiêu nhục thân của ông ấy, bây giờ ngày nào hồn ma của ông ấy cũng đến đòi nhà. Cho nên nay nhà chùa không dám cho khách ngủ trọ nữa; vả lại, chùa chúng con cũng sắp dọn đi nơi khác rồi."

Vị Sư nọ gật gù: "Ồ, thì ra là như thế! Không sao, ta có thể trị được ma quỷ. Ta có cách khiến cho con ma đó phải chịu đầu hàng, tòng phục."

Nghe vị Sư nói như thế thì chú Sa-di mừng rỡ reo lên: "Thế thì để con vào thưa lại với Sư-phụ, xem Sư-phụ định liệu ra sao!" Nói dứt lời, chú hớn hở chạy về liêu phòng bạch cùng vị Tỳ-kheo: "Bạch Sư-phụ! Ông Sư mới đến ấy bảo rằng có thể trị được ma quỷ. Ông ấy muốn ngủ trọ một đêm, chẳng hay Sư-phụ có bằng lòng chăng?"

Vị Tỳ-kheo đáp với vẻ đắn đo: "Ậy! Ông ta nói trị được ma quỷ là nói gạt con đấy! Chúng ta là người xuất gia mà đều không trị được ma quỷ, ông ấy cũng như chúng ta thôi, thì làm sao mà trị được chúng? Mà thôi, bất luận có trị được hay không thì chúng ta cũng cứ để cho ông ấy tá túc một đêm rồi hẵng hay!" Chủ ý của vị Tỳ-kheo là cứ thử xem sao�vị Sư nọ nếu trị được con ma này thì tốt, mà dẫu không trị nổi nó thì cũng không sao, đằng nào ông ta cũng chỉ ở nhờ có một đêm! Và thế là vị Sư nọ được mời ở lại chùa.

Bấy giờ, vị Sư nọ hỏi hai thầy trò: "Chẳng hay ông khách nọ chết ở phòng nào? Bây giờ ông ta đòi trả nhà, thế thì ông ta ở đâu chui ra mà đòi nhà?"

Vị Tỳ-kheo đáp: "Ông ấy ở tại liêu phòng phía tây. Ông ấy đến hôm trước thì hôm sau viên tịch; và cũng từ đó bắt đầu có ma quỷ đến đòi nhà. Hễ mặt trời vừa lặn là ông ấy lại đến; theo Thầy thì chúng ta phải làm gì bây giờ?"

Vị Sư nói: "Dễ thôi! Xin Sư-phụ hãy chuẩn bị cho tôi một chậu nước thật lớn, đồng thời đốt một đống lửa trong phòng của tôi. Sư-phụ hãy làm theo lời tôi dặn đi, rồi đâu sẽ vào đấy thôi!"

Tối hôm đó, quả nhiên có tiếng kêu réo: "Bớ các người, các người đem cái nhà của ta đi đâu? Hãy trả nhà lại cho ta, mau lên!"

Khi ấy, nhà Sư biết trị quỷ mới cất tiếng hỏi: "Nhà của ông ư? Nhà của ông ở trong chậu nước ấy, ông vào trong đó mà tìm!" Thế là vị Ðạo-sĩ liền nhảy vào chậu nước, loay hoay tìm kiếm, rồi nói: "Không có!"

Vị Sư nọ điềm nhiên hỏi lại: "Không có à? Thế thì phải ở trong đống lửa đằng kia đấy thôi, ông mau đến đó tìm thử xem!" Ông Ðạo-sĩ lại nhảy vào đống lửa, chạy vô chạy ra sục sạo một lúc lâu, rồi thất vọng la lên: "Cũng không có! Nhà của ta không có trong đống lửa này!"

Bấy giờ vị Sư mới chậm rãi hỏi: "Này ?#244;ng Thượng Tọa? Ông bây giờ xuống nước không chìm, vào lửa không cháy; thế thì ông còn tìm �nhà?để làm gì nữa?!" Nghe nói như thế, vị Ðạo-sĩ chợt khai ngộ: "Ừ nhỉ!" Và từ đó, ngôi chùa nhỏ được yên ổn, không bị ma quỷ quấy rầy nữa, và vị Tỳ-kheo già cùng chú Sa-di cũng không phải dọn đi nơi khác.

Trên đây là một nguy cơ của việc sử dụng công phu "xuất huyền nhập tẫn." Tuy là có thể dạo chơi khắp nơi tùy thích, nhưng nếu không gặp được người thông hiểu hoặc có kinh nghiệm về công phu này, rủi ro bị kẻ khác thiêu mất xác thân của mình, thì sẽ không còn "nhà" mà trở về nữa!

**"Tám là không bị chết vì trúng phải độc dược."** Loại"ác tử" thứ tám là "chết vì trúng phải độc dược."

Thuở trước, Tổ Bồ Ðề Ðạt Ma đã từng ăn thức ăn có trộn thuốc độc, và khi Ngài nôn ra lại thì các thức ấy đều biến thành rắn cả?#273;ó là vì những kẻ đố kỵ Ngài đã trộn nọc rắn vào thức ăn để đầu độc Ngài; song nhờ Ngài trì tụng Chú Ðại Bi nên không bị chết bởi thuốc độc. Ngài bị đầu độc đến sáu lần; sau cùng Ngài tự nghĩ: "Cần gì mà phải rắc rối như thế nhỉ? Ta chỉ làm cho người khác thêm sanh ác tâm mà thôi!" Và thế là Tổ Sư Bồ Ðề Ðạt Ma bèn giả vờ bị trúng độc mà chết, chứ sự thật thì Ngài không phải chết vì độc dược; vì sao? Vì Ngài có trì tụng Chú Ðại Bi!

**"Chín là không bị chết vì cổ độc tác hại."** Loại "ác tử" thứ chín là "chết vì bị cổ độc tác hại." Ở Nam Dương, Singapore, Malaysia, Việt Nam, Thái Lan, và luôn cả ở tỉnh Quảng-đông (Trung Hoa), người ta có luyện được những loại thuốc độc cực mạnh và vô cùng lợi hại, gọi là "cổ độc." Có rất nhiều loại "cổ độc"; có loại chỉ cần ăn một chút xíu nhưng khi vào đến bụng thì nó lại phình to ra, khiến cho nạn nhân bị trướng bụng mà chết. Tuy nhiên, nếu quý vị thành tâm trì tụng Chú Ðại Bi thì không có độc chất nào có thể hại được quý vị.

**"Mười là không bị chết vì điên loạn, mất trí."** Loại "ác tử" thứ mười là "chết vì bị điên loạn, mất trí." Người trì tụng Chú Ðại Bi thì không bị chết do điên cuồng mê loạn, hoặc do đầu óc không được tỉnh táo.

**"Mười một là không bị chết vì núi lở, cây ngã, vách đá sụp."** Loại "ác tử" thứ mười một là "chết vì núi lở, cây ngã, vách đá sụp." Những người chuyên tâm trì tụng Chú Ðại Bi thì không bị các cây to ngã xuống đè chết, không bị đá từ trên núi lăn xuống đè chết, và cũng không bị tường thành đổ sập xuống đè chết.

**"Mười hai là không bị chết vì kẻ ác thư ếm."** Loại "ác tử" thứ mười hai là "chết vì bị kẻ ác thư ếm." Có nhiều kẻ dùng "ác chú" để trù ếm, khiến cho người ta nằm mộng thấy những điều sợ hãi, hoặc dùng tà thuật để "thư" cho người ta chết.

"Kẻ ác thư ếm" tức là kẻ ác ấy có "tà chú" nên có thể âm thầm ám hại người khác; tương tự như trường hợp cô gái Ma Ðăng Già dùng tà chú của phái ngoại đạo "hoàng phát" (tóc vàng) để bắt cóc Tôn-giả A-Nan vậy. Tà chú có thể làm cho đầu óc người ta trở nên mê muội, không còn tri giác, cũng không còn sáng suốt để làm chủ chính mình nữa; do đó bị kẻ dùng chú khống chế, sai sử một cách dễ dàng.

**"Mười ba là không bị chết vì tà thần, ác quỷ thừa cơ làm hại."** Loại "ác tử" thứ mười ba là "chết vì tà thần, ác quỷ thừa cơ làm hại." Quý vị trì tụng Chú Ðại Bi thì tà thần, ác quỷ không có cơ hội hãm hại hoặc giết chết quý vị.

**"Mười bốn là không bị chết vì ác bệnh triền thân."** Loại "ác tử" thứ mười bốn là "chết vì ác bệnh triền thân." Người trì tụng Chú Ðại Bi thì không bị mắc phải "ác bệnh." "Ác bệnh" tức là các loại bệnh trầm trọng, ngặt nghèo, như bệnh tê bại, không nhúc nhích được, hoặc các bệnh nan y khác. *Cancer* (ung thư) cũng thuộc loại "ác bệnh" vậy.

Ở Hồng-kông có một vị Hòa Thượng rất nổi tiếng tên là Ðịnh Tây, ông mắc bệnh *cancer* và sau hơn một năm thì chết vì "ác bệnh" này. Tôi tin rằng ông ta không thành tâm tin tưởng ở Chú Ðại Bi! Tuy rằng ông bảo người ta tu hành song chính bản thân ông lại chẳng mấy chú ý dụng công tu tập, cho nên mới mắc *cancer*.

Tôi bảo cho quý vị biết, ông ta là người rất háo danh, ở Hồng-kông chuyên môn "mua danh chuốc tiếng"! Ông rêu rao cùng khắp cả Hồng-kông rằng Pháp Sư Ðộ Luân là đệ tử của ông ta! Thật là hoang đường! Hoàn toàn không có chuyện đó! Tôi với ông ta phải nói là chẳng quen biết, chẳng liên can gì với nhau cả, thậm chí còn ở cách xa nhau cả mấy ngàn dặm đường!

Lúc tôi còn ở Ðông Bắc thì ông ta hoàn toàn không biết gì về tôi cả. Chỉ có sau khi tôi đến Hồng-kông thì số người tín ngưỡng tôi rất đông đảo, ông bèn nói với mọi người rằng tôi là đệ tử của ông! Bởi rất nhiều người tin tưởng tôi, vậy nếu ông ta là sư phụ của tôi thì đương nhiên là ai nấy sẽ càng tôn kính ông ta hơn nữa; cũng tương tự như trường hợp một vị Pháp Sư nọ nói Hư Vân Lão Hòa Thượng là đệ tử của y vậy!

Lúc tôi ở Hồng-kông, có một người họ Trương nọ mắc bệnh *cancer* mà sáu vị bác sĩ nổi tiếng là cao minh nhất của Hồng-kông thời ấy đều chẩn đoán về bệnh tình của anh ta rằng: "Nội trong một trăm ngày chắc chắn sẽ chết, không thể nào sống nổi!"

Họ Trương này quy y với tôi vào ngày 18 tháng 5 âm lịch, và sau lễ quy y thì tôi có khuyên anh ta nên phát tâm làm chút việc công đức. Tôi nói: "Nếu anh chịu làm đúng theo lời tôi dặn thì tôi bảo đảm rằng không phải chỉ *nội trong* một trăm ngày, mà *ngoài* một trăm ngày, anh vẫn chưa phải chết! Nhưng, phải nhớ là làm theo cách tôi đã bảo!" Tức là phải làm gì?

Nhân vì lúc bấy giờ người xuất gia từ Ðại-lục (Trung Quốc) tỵ nạn sang Hồng-kông rất đông, có đến ba, bốn ngàn vị, mà hầu hết đều bị thiếu thốn về mọi mặt; tôi bèn khuyên họ Trương rằng: "Anh nên phát tâm cúng dường mỗi vị xuất gia hai mươi đồng và một súc vải Hoa-kỳ (một súc vải có thể may được tới mấy bộ đồ). Nếu anh có thể làm như thế để kết thiện duyên với những vị xuất gia này, tôi bảo đảm rằng anh sẽ chưa phải chết!"

Họ Trương liền phát nguyện, hứa sẽ y lời. Anh ta còn nói là nếu trong vòng một trăm ngày mà anh ta không chết, thì sẽ bố thí cho tôi hai trăm ngàn Mỹ kim. Anh ta là một người rất giàu có ở Hồng-kông, tài sản có đến bạc tỷ; song đều là do làm ăn bất chánh mà có được.

Ðến kỳ hạn một trăm ngày mà bác sĩ đã chẩn định, họ Trương quả nhiên vẫn chưa chết. Trong thời gian này, vị Hòa Thượng bị *cancer* mà tôi nói ban nãy (bấy giờ chưa bị*cancer*), có giúp họ Trương lạy sám hối. Lạy sám gì? Lạy Dược Sư Sám, mỗi tuần mỗi lạy Sám Dược Sư. Thấy đã quá một trăm ngày mà họ Trương vẫn chưa chết, vị Hòa Thượng nọ bèn kể lể với anh ta rằng đó là nhờ công đức bái sám của mình!

Thật ra, chỉ vì họ Trương là người giàu có, chứ nếu là kẻ không có tiền thì ông Hòa Thượng nọ nhất định chẳng chịu bái sám cho! Và rốt cuộc là họ Trương nọ, với tôi thì chẳng thực hiện lời hứa; còn vị Hòa Thượng nọ thì đã có công bái sám nên được tặng cho năm ngàn đồng. Vị Hòa Thượng đó còn nói với họ Trương: "Năm ngàn đồng này là phí tổn hành lễ bái sám, nhờ công đức bái sám này mà anh khỏi phải chết đấy!"

Người họ Trương này chính là Trương Ngọc Giai. Sau đó, họ Trương sống thêm được tám năm nữa. Vào tháng giêng năm ấy, nhân ngày đầu năm, tôi nói với mọi người rằng: "Năm nay, nếu Trương Ngọc Giai có gặp phải chuyện gì mà đến khẩn cầu tôi, thì cho dù anh ta có quỳ trước cửa đến ba năm đi nữa, tôi cũng chẳng ngó ngàng tới!"

Bởi tôi chờ đợi đã tám năm rồi mà anh ta vẫn chưa chịu thực hiện lời nguyện. Tôi không thể xem đó như món nợ, phải đi đòi: "Anh chưa chết, thế thì phải đưa tôi hai trăm ngàn Mỹ kim!" Tôi không làm như thế được, cho nên tôi chỉ tuyên bố: "Tôi đợi đã tám năm rồi mà anh ta vẫn không phát tâm; vậy bắt đầu từ hôm nay trở đi, nếu có bất cứ chuyện gì xảy ra cho Trương Ngọc Giai, tôi đều không biết đến!"

Sau khi tôi tuyên bố như thế chưa được bao lâu, Trương Ngọc Giai bịnh nặng trở lại và lâm vào tình trạng nguy kịch. Họ Trương bèn bảo người nhà đến tìm tôi, nhưng bao nhiêu lần tôi đều từ chối không gặp, thậm chí không mở cửa cho họ vào nữa: "Các người đến tìm tôi, song tôi không muốn tiếp các người!" Ðây là một việc mà hầu hết những người xuất gia ở Hồng-kông chẳng mấy ai làm được! Người giàu có như thế đến thăm mà còn không chịu tiếp, không cho gặp mặt, thì thật là... không thể *hiểu* nổi!!! Cho nên tôi bị rất nhiều người phê bình: "Thật là không thông hiểu Phật Pháp gì cả! Người ta tới xin gặp mà cứ không chịu cho gặp!"

Có một lần, họ Trương cho người mang đến tặng tôi hai trăm đồng, tôi ném tiền ra ngoài cửa trả lại cho y. Do đó, những người xuất gia ở chỗ vị Hòa Thượng nọ đều bất bình và chỉ trích tôi: "Ông ta không phải là người xuất gia! Người ta cúng dường mà không chịu nhận, lại còn ném trả lại nữa; tại sao ông ta lại quá quắt đến thế? Thật là chẳng biết điều chút nào!"

Khoảng chừng ba tháng sau thì Trương Ngọc Giai chết vì chứng *cancer*. Chẳng bao lâu sau thì vị Hòa Thượng nọ cũng bị *cancer*, bấy giờ có ai bái sám cho ông ta thì ông cũng không khỏi bệnh được. Ông ta có thể bái sám cho người khác được khỏi bệnh; thế mà bây giờ tất cả Hòa Thượng ở Hồng-kông đều bái sám, niệm Phật cho ông ta, thì lại không linh nghiệm, bệnh ông ta vẫn không thuyên giảm. Sau đó khoảng hơn một năm thì ông "Sư-phụ giả mạo" của tôi tạ thế. Ðó cũng là "chết vì ác bệnh triền thân" vậy.

**"Mười lăm là không bị chết vì tự sát, tự tử."** Loại "ác tử" thứ mười lăm là "chết vì tự sát, tự tử."

"Tự sát, tự tử" (phi phận tự hại) tức là tự đi tìm cái chết cho mình bằng cách uống thuốc độc, treo cổ, nhảy xuống giếng, lao xuống biển... hoặc vô số cách khác, vì chính mình không còn muốn sống nữa. Người trì tụng Chú Ðại Bi thì không bao giờ tự hủy hoại đời mình.

*KINH VĂN:*

***Âm*: "TỤNG TRÌ ÐẠI BI THẦN CHÚ GIẢ, BẤT BỊ NHƯ THỊ THẬP NGŨ CHỦNG ÁC TỬ DÃ, ÐẮC THẬP NGŨ CHỦNG THIỆN SANH GIẢ:**

**NHẤT GIẢ, SỞ SANH CHI XỨ, THƯỜNG PHÙNG THIỆN VƯƠNG;**

**NHỊ GIẢ, THƯỜNG SANH THIỆN QUỐC;**

**TAM GIẢ, THƯỜNG TRỊ HẢO THỜI;**

**TỨ GIẢ, THƯỜNG PHÙNG THIỆN HỮU;**

**NGŨ GIẢ, THÂN CĂN THƯỜNG ÐẮC CỤ TÚC;**

**LỤC GIẢ, ÐẠO TÂM THUẦN THỤC;**

**THẤT GIẢ, BẤT PHẠM CẤM GIỚI;**

**BÁT GIẢ, SỞ HỮU QUYẾN THUỘC, ÂN NGHĨA HÒA THUẬN;**

**CỬU GIẢ, TƯ CỤ TÀI THỰC, THƯỜNG ÐẮC PHONG TÚC;**

**THẬP GIẢ, HẰNG ÐẮC THA NHÂN CUNG KÍNH PHÙ TIẾP;**

**THẬP NHẤT GIẢ, SỞ HỮU TÀI BẢO, VÔ THA KIẾP ÐOẠT;**

**THẬP NHỊ GIẢ, Ý DỤC SỞ CẦU, GIAI TẤT XƯNG TOẠI;**

**THẬP TAM GIẢ, LONG THIÊN THIỆN THẦN HẰNG THƯỜNG ỦNG VỆ;**

**THẬP TỨ GIẢ, SỞ SANH CHI XỨ, KIẾN PHẬT VĂN PHÁP;**

**THẬP NGŨ GIẢ, SỞ VĂN CHÁNH PHÁP, NGỘ THẬM THÂM NGHĨA."**

***Nghĩa:* "Người nào tụng trì Thần Chú Ðại Bi thì chẳng những không bị mười lăm loại ác tử như thế, mà còn sẽ được mười lăm loại thiện sanh:**

**Một là sanh ra ở nơi thường gặp bậc thiện vương;**

**Hai là thường sanh ra ở thiện quốc;**

**Ba là thường gặp thời đại tốt;**

**Bốn là thường gặp thiện hữu;**

**Năm là thân căn thường được đầy đủ;**

**Sáu là Ðạo tâm thuần thục;**

**Bảy là không phạm cấm giới;**

**Tám là tất cả quyến thuộc đều hòa thuận, có ân nghĩa;**

**Chín là đồ dùng, tiền tài, vật thực thường được đầy đủ;**

**Mười là luôn được người khác cung kính, giúp đỡ;**

**Mười một là tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt;**

**Mười hai là những việc mong cầu đều được toại nguyện;**

**Mười ba là long, thiên, thiện thần thường theo ủng hộ;**

**Mười bốn là sanh ở nơi nào cũng được thấy Phật nghe Pháp;**

**Mười lăm là được nghe Chánh Pháp và tỏ ngộ nghĩa lý thâm sâu."**

*LƯỢC GIẢNG:*

Quán Thế Âm Bồ-tát lại bạch cùng Ðức Thế Tôn:**"Người nào tụng trì Thần Chú Ðại Bi thì không bị mười lăm loại ác tử như vậy, mà sẽ được mười lăm loại thiện sanh."** Mười lăm thứ "thiện sanh" đó là gồm những gì?

**"Một là sanh ra ở nơi thường gặp bậc thiện vương."** Nếu quý vị tụng trì Chú Ðại Bi thì sẽ được sanh trưởng ở những đất nước có vị quốc vương biết tu Ngũ Giới và hành Thập Thiện.

**"Hai là thường sanh ra ở thiện quốc."** "Thiện quốc" tức là một đất nước không có chiến tranh loạn lạc, không có giặc giã đao binh, không có lũ lụt, hỏa hoạn, và cũng không có các bệnh dịch hoành hành. Ngoài ra, dân chúng ở đất nước đó đều là những người rất lương thiện, ai nấy đều chung sống thuận hòa chứ không tàn sát lẫn nhau.

**"Ba là thường gặp thời đại tốt."** Trì tụng Ðại Bi Chú, quý vị sẽ được sanh vào thời thái bình thịnh trị, không gặp cảnh chiến tranh giặc giã.

**"Bốn là thường gặp thiện hữu."** "Thiện hữu" tức là những người bạn tốt, biết khuyến khích quý vị học tập Phật Pháp, chăm chỉ tu hành.

**"Năm là thân căn thường được đầy đủ."**Nếu quý vị thường niệm Chú Ðại Bi thì sáu căn�mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý�của quý vị đều vô cùng xinh đẹp, viên mãn.

**"Sáu là Ðạo tâm thuần thục."** "Thuần" tức là thuần nhất, không hỗn tạp, không xen lẫn gì cả. "Thục" tức là thành thục, chín muồi. Vậy, nếu quý vị tụng trì Chú Ðại Bi, thì cái tâm thuần thành tu Ðạo của quý vị chẳng những kiên cố mà còn sắp thành thục nữa.

**"Bảy là không phạm cấm giới."** Phàm là tu Ðạo, quý vị hễ thọ giới nào rồi thì không được vi phạm giới đó. Trong Giới Luật có bảo quý vị chớ làm việc gì đó song quý vị vẫn cứ làm, như thế là "phạm cấm giới" vậy.

**"Tám là tất cả quyến thuộc đều hòa thuận, có ân nghĩa."**Tất cả bà con họ hàng của gia đình quý vị đều biết cảm ân báo đức lẫn nhau; quý vị tử tế với họ và họ cũng tử tế với quý vị, không ai có lòng ích kỷ hoặc mưu đồ lợi lộc riêng tư.

**"Chín là đồ dùng, tiền tài, vật thực thường được đầy đủ."** Quý vị được sở hữu rất nhiều tài bảo, vật dụng, đồ ăn thức uống; và luôn luôn sống trong sự sung túc, dư dả, không bao giờ bị thiếu thốn.

**"Mười là luôn được người khác cung kính, giúp đỡ."**Hễ ai gặp quý vị cũng đều tỏ ra cung kính và sẵn lòng giúp đỡ quý vị.

**"Mười một là tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt."**Các tài bảo của riêng quý vị thì không bị người khác đến tranh giành, cướp đoạt.

**"Mười hai là những việc mong cầu đều được toại nguyện."** Quý vị ao ước điều gì thì cũng đều được thỏa mãn, vừa lòng đẹp ý.

**"Mười ba là long, thiên, thiện thần thường theo ủng hộ."** Thiên, long, bát bộ, cùng tất cả thiện thần đều luôn luôn phù hộ, che chở cho quý vị.

**"Mười bốn là sanh ở nơi nào cũng được thấy Phật nghe Pháp."**Nếu quý vị trì tụng Chú Ðại Bi thì sanh ra ở xứ sở nào cũng đều được thấy Phật và được nghe Pháp. Nay tuy Ðức Phật đã nhập Niết-bàn, song chúng ta trông thấy tượng Phật thì cũng như được "thấy Phật," và nghe giảng Phật Pháp tức là được "nghe Pháp" vậy.

**"Mười lăm là được nghe Chánh Pháp và tỏ ngộ nghĩa lý thâm sâu."** Những điều quý vị được nghe thì đều thuộc về Chánh Pháp, và quý vị có thể hiểu được những đạo lý rất thâm sâu.

*KINH VĂN:*

***Âm:* "NHƯỢC HỮU TỤNG TRÌ ÐẠI BI TÂM ÐÀ-LA-NI GIẢ, ÐẮC NHƯ THỊ ÐẲNG THẬP NGŨ CHỦNG THIỆN SANH DÃ, NHẤT THIẾT THIÊN NHÂN, ƯNG THƯỜNG TỤNG TRÌ, VẬT SANH GIẢI ÐÃI."**

***Nghĩa:* "Nếu người nào trì tụng Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni thì sẽ được mười lăm chỗ thiện sanh như thế. Tất cả hàng Trời, người nên thường xuyên trì tụng, chớ sanh biếng nhác!"**

*LƯỢC GIẢNG:*

**"Nếu người nào trì tụng Ðại Bi Tâm Ðà-La-Ni thì sẽ được mười lăm chỗ thiện sanh như thế. Tất cả hàng Trời, người, nên thường xuyên trì tụng, chớ sanh biếng nhác!"**Hết thảy thiên nhân trên các cõi trời cũng như loài người chúng ta ở chốn nhân gian đều nên chuyên cần trì tụng Chú Ðại Bi, và phải nhớ kỹ là đừng lười biếng, xao lãng! Chúng ta cần phải nhớ là chớ nên tham ăn, tham ngủ! Nếu quý vị có thể chú trọng việc trì niệm Chú Ðại Bi như việc ăn uống, quan tâm đến việc trì tụng Chú Ðại Bi như việc ngủ nghỉ, thì tốt biết bao: "Hễ hôm nào mà không tụng Chú Ðại Bi là tôi cảm thấy như thiếu ăn thiếu ngủ vậy!"

Quý vị hãy xem việc trì niệm Chú Ðại Bi cũng thiết yếu như việc ăn uống, ngủ nghỉ; chớ nên giải đãi, lười biếng. Chuyển cái tâm thích ăn thành cái tâm thích trì tụng Chú Ðại Bi, đổi cái tâm thích ngủ thành cái tâm thiết tha tụng trì Ðại Bi Chú; quý vị xem, như thế chẳng phải là kỳ diệu sao?

[**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)**3**[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)[**5**](file:///C%3A%5CDocuments%20and%20Settings%5CHP_Administrator%5CMy%20Documents%5Cmis%5Cdrbav%5Cdaibidalani5.htm)

***(còn tiếp)***

[Share on](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani4.htm" \t "_blank)

[Facebook](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani4.htm" \t "_blank)

[Share on](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(4)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani4.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

[Twitter](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(4)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani4.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

Share via

email



**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà La Ni Kinh**

****

**Hán dịch: Ðường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Ðạt Ma**

**Thiển giảng: Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa.**

[**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)**4**[**5**](http://www.dharmasite.net/daibidalani5.htm)

***(tiếp theo)***

**Kinh Văn:**QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT THUYẾT THỊ NGỮ DĨ, Ư CHÚNG HỘI TIỀN, HỢP CHƯỞNG CHÁNH TRỤ, Ư CHƯ CHÚNG SANH, KHỞI ĐẠI BI TÂM, KHAI NHAN HÀM TIẾU, TỨC THUYẾT NHƯ THỊ QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ-LA-NI THẦN DIỆU CHƯƠNG CÚ. ĐÀ-LA-NI VIẾT: ... **Nghĩa: Quán Thế Âm Bồ-tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội chắp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, tươi mặt cười nụ, tuyên thuyết chương cú thần diệu Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-La-Ni. Đà-La-Ni đó như vầy: ...

Lược giảng:**
**Quán Thế Âm Bồ-tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội chắp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, tươi mặt cười nụ...** “Tươi mặt cười nụ” tức là miệng cười chúm chím, nét mặt lộ vẻ hân hoan. Nếu mặt mày quạu quọ, lầm lì nhăn nhó, thì gọi là “xụ mặt.” Quý vị cần phải rạng rỡ tươi vui, chứ đừng nên lúc nào cũng mặt ủ mày chau, hoặc sầm đen lại như đang giận ai vậy. (Ở Trung Hoa có ông Bao Công mặt sắt đen sì, song đó không phải là dấu hiệu của sự giận dữ!)

Lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ-tát chắp hai tay lại và đứng ngay ngắn trước mặt Đức Phật cùng đại chúng, rồi sanh lòng đại từ đại bi thương xót tất cả chúng sanh, Ngài tươi cười rạng rỡ và **lập tức tuyên thuyết chương cú thần diệu Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-La-Ni. Đà-La-Ni đó như vầy: ...**

**Kinh Văn:**

NAM MÔ HẮC RA ĐÁT NA ĐA RA DẠ DA. NAM MÔ A RỊ DA. BÀ LÔ KIẾT ĐẾ, THƯỚC BÁT RA DA. BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA BÀ DA. MA HA TÁT ĐỎA BÀ DA. MA HA CA LÔ NI CA DA. ÁN. TÁT BÀN RA PHẠT DUỆ. SÓC ĐÁT NA ĐÁT TẢ. NAM MÔ TẤT KIẾT LẬT ĐỎA Y MÔNG A RỊ DA. BÀ LÔ KIẾT ĐẾ THẤT PHẬT RA LĂNG ĐÀ BÀ. NAM MÔ NA RA CẨN TRÌ. HÊ RỊ MA HA BÀN ĐA SA MẾ. TÁT BÀ A THA ĐẬU DU BẰNG. A THỆ DỰNG. TÁT BÀ TÁT ĐÁ, NA MA BÀ TÁT ĐA, NA MA BÀ GIÀ. MA PHẠT ĐẶC ĐẬU. ĐÁT ĐIỆT THA. ÁN, A BÀ LÔ HÊ. LÔ CA ĐẾ. CA RA ĐẾ. DI HÊ RỊ. MA HA BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA. TÁT BÀ TÁT BÀ. MA RA MA RA. MA HÊ MA HÊ, RỊ ĐÀ DỰNG. CU LÔ CU LÔ YẾT MÔNG. ĐỘ LÔ ĐỘ LÔ, PHẠT GIÀ RA ĐẾ. MA HA PHẠT GIÀ DA ĐẾ. ĐÀ LA ĐÀ LA. ĐỊA LỴ NI. THẤT PHẬT RA DA. GIÁ RA GIÁ RA. MA MA PHẠT MA RA. MỤC ĐẾ LỆ. Y HÊ DI HÊ. THẤT NA THẤT NA. A RA SAM PHẬT RA XÁ LỢI. PHẠT SA PHẠT SAM. PHẬT RA XÁ DA. HÔ LÔ HÔ LÔ MA RA. HÔ LÔ HÔ LÔ HÊ RỊ. TA RA TA RA. TẤT LỴ TẤT LỴ. TÔ RÔ TÔ RÔ. BỒ ĐỀ DẠ, BỒ ĐỀ DẠ. BỒ ĐÀ DẠ, BỒ ĐÀ DẠ. DI ĐẾ RỊ DẠ. NA RA CẨN TRÌ. ĐỊA LỴ SẮT NI NA. BA DẠ MA NA. TA BÀ HA. TẤT ĐÀ DẠ. TA BÀ HA. MA HA TẤT ĐÀ DẠ. TA BÀ HA. TẤT ĐÀ DU NGHỆ. THẤT BÀN RA DẠ. TA BÀ HA. NA RA CẨN TRÌ. TA BÀ HA. MA RA NA RA. TA BÀ HA. TẤT LỖ TĂNG A MỤC KHƯ DA. TA BÀ HA. TA BÀ MA HA A TẤT ĐÀ DẠ. TA BÀ HA. GIẢ CÁT RA A TẤT ĐÀ DẠ. TA BÀ HA. BA ĐÀ MA YẾT TẤT ĐÀ DẠ. TA BÀ HA. NA RA CẨN TRÌ, BÀN GIÀ RA DA. TA BÀ HA. MA BÀ LỢI THẮNG, YẾT RA DA. TA BÀ HA. NAM MÔ HẮC RA ĐÁT NA ĐA RA DẠ DA. NAM MÔ A LỊ DA. BÀ LÔ KIẾT ĐẾ. THƯỚC BÀN RA DẠ. TA BÀ HA. ÁN, TẤT ĐIỆN ĐÔ. MẠN ĐÀ RA. BẠT ĐÀ DA. TA BÀ HA.

**Lược giảng:**

Hiện tại chúng ta đang nghiên cứu *Kinh Đại Bi Đà La Ni*, do đó tạm thời chưa giảng đến bài Chú Đại Bi này. Chỉ riêng một bài Chú này thôi cũng phải cần rất nhiều thời gian mới giảng giải cho tường tận được; do đó, bây giờ tôi chỉ giảng phần Kinh văn, còn ý nghĩa của Chú (Chú nghĩa) thì để khi nào có cơ hội tôi sẽ giải thích cặn kẽ sau. Và, luôn cả Chú Lăng Nghiêm cũng vậy, trong tương lai, nếu có cơ duyên thuận tiện thì tôi sẽ giảng nghĩa cho quý vị nghe; còn hôm nay thì tôi chỉ giải thích sơ lược về câu đầu và câu cuối của bài Chú Đại Bi này mà thôi.

Câu đầu tiên của Chú Đại Bi là “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da.”

“Nam mô” có nghĩa là quy y, quay về nương tựa; do đó câu chú trên trở thành “Quy y Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da,” và có nghĩa là “quy y tận hư không, biến Pháp Giới, thập phương tam thế, vô tận vô tận Tam Bảo” (con về nương tựa vô lượng vô biên Tam Bảo ở tận cùng hư không và khắp cả Pháp Giới trong mười phương ba đời). Nói theo đồ hình thì đây là bổn thân của Quán Thế Âm Bồ-tát. Nếu quý vị trì niệm câu chú này thì Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ giúp cho mọi sở cầu của quý vị đều được toại nguyện, viên mãn như ý.

Câu cuối cùng của bài Chú Đại Bi là “Án Tất Điện Đô. Mạn Đà Ra. Mạt Đà Da. Ta Bà Ha.” Câu này nghĩa là gì? Câu này hàm ý là tất cả mọi nguyện vọng thiết tha của hành giả đều sẽ mau chóng được thành tựu. Quý vị trì niệm câu Chú này thì những điều nguyện ước hoặc hy vọng của quý vị sẽ không những được thành tựu mà còn thành tựu một cách nhanh chóng nữa.

Trên đây là sơ lược về ý nghĩa của câu đầu và câu cuối của bài Chú Đại Bi.

**Kinh Văn:**
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT THUYẾT THỬ CHÚ DĨ, ĐẠI ĐỊA LỤC BIẾN CHẤN ĐỘNG, THIÊN VŨ BẢO HOA, TÂN PHÂN NHI HẠ. THẬP PHƯƠNG CHƯ PHẬT, TẤT GIAI HOAN HỶ. THIÊN MA NGOẠI ĐẠO, KHỦNG BỐ MAO THỤ. NHẤT THIẾT CHÚNG HỘI, GIAI HOẠCH QUẢ CHỨNG: HOẶC ĐẮC TU-ĐÀ-HOÀN QUẢ, HOẶC ĐẮC TƯ-ĐÀ-HÀM QUẢ, HOẶC ĐẮC A-NA-HÀM QUẢ, HOẶC ĐẮC A-LA-HÁN QUẢ, HOẶC ĐẮC NHẤT ĐỊA, NHỊ ĐỊA, TAM ĐỊA, TỨ ĐỊA, NGŨ ĐỊA, NÃI CHÍ THẬP ĐỊA GIẢ. VÔ LƯỢNG CHÚNG SANH PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM.

**Nghĩa: Quán Thế Âm Bồ-tát tuyên thuyết Chú này xong, đại địa chấn động sáu cách, trời mưa hoa báu xuống lả tả, mười phương chư Phật thảy đều hoan hỷ; thiên ma ngoại đạo sợ hãi đến dựng lông tóc. Tất cả chúng hội đều được quả chứng—hoặc đắc quả Tu-đà-hoàn, hoặc đắc quả Tư-đà-hàm, hoặc đắc quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la-hán, hoặc đắc Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa, cho đến Thập Địa; vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm.

Lược giảng:**

Quán Thế Âm Bồ-tát tuyên thuyết Chú này xong, đại địa chấn động sáu cách ... “Đại địa” (cõi đất lớn) tức là mặt đất mà chúng sanh chúng ta đang cư ngụ. Như đã đề cập trong phần trước, sáu loại chấn động của đại địa (lục chủng chấn động) là chấn, hống, kích, động, dũng và khởi.

1) Chấn tức là chấn động (vang dội, rúng động);
2) Hống là gầm rống, gào thét;
3) Kích có nghĩa là va chạm, đập vào nhau.
Chấn, hống và kích là những chấn động thuộc về âm thanh.
4) Động tức là động cựa hướng về phía trên;
5) Dũng là dũng hiện, hàm ý phun vọt lên trên;
6) Khởi tức là vùng dậy, khởi lên.

Động, dũng và khởi là những chấn động về mặt hình thể.

Sáu loại chấn động này lại có thể biến chuyển thành mười tám thứ chấn động khác nhau mà trước đây tôi đã có giảng rồi, và tôi tin rằng quý vị vẫn còn nhớ cho nên không cần phải giảng tỉ mỉ lại nữa!

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng chấn động của đại địa. Sáu loại chấn động có thể xảy ra do: 1) ở thế gian có người thành Phật; 2) có người chứng đắc quả vị A-la-hán; 3) có chư Phật hoặc Bồ-tát tuyên thuyết kinh điển Đại Thừa.
Ba sự kiện trên là thuộc về phương diện thiện (điềm lành) và khi xảy ra thì cả đại địa đều chấn động sáu cách. Ngoài ra, địa chấn cũng có thể xảy ra do: 1) có Ma-vương xuất hiện (Ma-vương có thể dùng ma lực của mình để làm cho đại địa biến thành chấn động sáu cách); 2) có thiên tai nhân họa xảy ra bởi nghiệp cảm của chúng sanh; 3) trời đất phát sinh tai biến.
Địa chấn thì có loại tốt, có loại không tốt. Địa chấn xảy ra bởi ba nguyên nhân đầu thì không gây tổn hại gì cho nhân loại cả; còn địa chấn bởi ba nguyên nhân sau thì đều là những tai họa đối với loài người. Thế nhưng, mức độ tác hại do địa chấn gây ra, như tôi vừa nói ban nãy, còn tùy thuộc vào nghiệp cảm của chúng sanh nữa. Mặc dù nói rằng nếu nghiệp lực của chúng sanh quá nặng thì biến cố sẽ xảy ra, nhưng nếu ở nơi đáng lẽ phải có tai ương giáng xuống đó mà có bậc thánh nhân—Phật, Bồ-tát, A-la-hán—ra đời, thì tai ương của nơi đó có thể sẽ chuyển dời sang nơi khác, hoặc có thể từ họa lớn biến thành họa nhỏ, hoặc từ họa nhỏ biến thành tiêu tan. Cho nên, ở thế gian này chẳng có gì là nhất định cả.
Vừa rồi chỉ là sơ lược về ý nghĩa cùng tình hình của hiện tượng địa chấn; nếu đi sâu vào chi tiết, thì còn có rất nhiều quan hệ và nguyên nhân vi tế khác vô cùng phức tạp.

**Trời mưa hoa báu xuống lả tả.**Các thiên nữ ở cõi trời đua nhau rải hoa báu xuống, cứ hết đóa này đến đóa khác liên tiếp rơi xuống như mưa.

**Mười phương chư Phật thảy đều hoan hỷ; thiên ma ngoại đạo sợ hãi đến dựng lông tóc.** Lúc bấy giờ, tất cả chư Phật trong mười phương đều sanh tâm hoan hỷ; còn các Ma-vương và hàng ngoại đạo trên cõi trời thì đều rùng mình khiếp sợ, sợ đến nỗi bao nhiêu lông tóc đều dựng đứng lên cả.

**Tất cả chúng hội đều được quả chứng—hoặc đắc quả Tu-đà-hoàn, hoặc đắc quả Tư-đà-hàm, hoặc đắc quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la-hán.**Sau khi nghe Quán Thế Âm Bồ-tát tuyên thuyết Chú Đại Bi xong, trong đại chúng có rất nhiều vị chứng được Sơ Quả A-la-hán, Nhị Quả A-la-hán, Tam Quả A-la-hán hoặc Tứ Quả A-la-hán.

**Hoặc đắc Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa cho đến Thập Địa.** Lại nữa, trong Pháp Hội cũng có rất nhiều vị chứng đắc được các địa vị của Bồ-tát Đại Thừa như Nhất Địa (Hoan Hỷ Địa), Nhị Địa (Ly Cấu Địa), Tam Địa (Phát Quang Địa), Tứ Địa (Diệm Huệ Địa), Ngũ Địa (Nan Thắng Địa), Lục Địa (Hiện Tiền Địa), Thất Địa (Viễn Hành Địa), Bát Địa (Bất Động Địa), Cửu Địa (Thiện Huệ Địa), và Thập Địa (Pháp Vân Địa).

**Vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm.** Ngoài ra, ngay lúc ấy còn có vô lượng vô biên chúng sanh phát khởi tâm Bồ-Đề rộng lớn.

Kinh Văn:

NHĨ THỜI, ĐẠI PHẠM THIÊN VƯƠNG TÙNG TÒA NHI KHỞI, CHỈNH LÝ Y PHỤC, HỢP CHƯỞNG CUNG KÍNH, BẠCH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT NGÔN: “THIỆN TAI, ĐẠI SĨ! NGÃ TÙNG TÍCH LAI, KINH VÔ LƯỢNG PHẬT HỘI, VĂN CHỦNG CHỦNG PHÁP, CHỦNG CHỦNG ĐÀ-LA-NI, VỊ TẰNG VĂN THUYẾT NHƯ THỬ VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐẠI BI ĐÀ-LA-NI THẦN DIỆU CHƯƠNG CÚ. DUY NGUYỆN ĐẠI SĨ, VI NGÃ THUYẾT THỬ ĐÀ-LA-NI HÌNH MẠO TRẠNG TƯỚNG, NGÃ ĐẲNG ĐẠI CHÚNG, NGUYỆN NHẠO DỤC VĂN.”

**Nghĩa: Lúc bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề, cung kính chắp tay, bạch cùng Quán Thế Âm Bồ-tát rằng: “Lành thay, Đại Sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật Hội, được nghe vô số Phật Pháp và vô số môn Đà-La-Ni, song chưa từng được nghe tuyên thuyết chương cú thần diệu Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Bi Đà-La-Ni như thế này. Chỉ mong Đại Sĩ vì tôi mà nói về hình mạo tướng trạng của Đà-La-Ni ấy; tôi cùng đại chúng đều ưa thích muốn nghe.”

Lược giảng:**

**Lúc bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề...** Quý vị đều có biết đôi chút về vị Đại Phạm Thiên Vương này. Đại Phạm Thiên Vương có ba con mắt, tay cầm phất trần màu trắng (bạch phất), và cỡi con trâu trắng (bạch ngưu). Ngài ngồi Thiền, ngủ nghỉ ngay trên mình trâu và cảm thấy rất tự tại, rất thú vị; bởi Ngài nhận thấy mình được ung dung tự tại nhất, cho nên nơi Ngài ở được gọi là Đại Tự Tại Thiên, một cảnh trời cao nhất trong Sắc Giới Thiên.

Vậy, sau khi đứng dậy và vuốt lại vạt áo thiên y không phải khâu may của mình cho ngay ngắn rồi, Đại Phạm Thiên Vương **cung kính chắp tay, bạch cùng Quán Thế Âm Bồ-tát rằng: “Lành thay, Đại Sĩ!**Ngài quả là một vị Bồ-tát vĩ đại nhất! **Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật Hội.** Tôi đã từng được tham dự vô lượng vô biên Phật Hội, số nhiều đến không thể đếm xuể, đồng thời tôi cũng **được nghe vô số Phật Pháp và vô số môn Đà-La-Ni,** vô số Tổng Trì, **song chưa từng được nghe tuyên thuyết chương cú thần diệu Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Bi Đà-La-Ni như thế này.**Tôi chưa bao giờ được nghe thấy một chương cú thần diệu, nhiệm mầu như Thần Chú Đại Bi này.

**Chỉ mong Đại Sĩ vì tôi mà nói về hình mạo tướng trạng của Đà-La-Ni ấy. Tôi cùng đại chúng đều ưa thích muốn nghe.** Hiện nay toàn thể đại chúng chúng tôi ở trong Pháp Hội này đều thiết tha mong được lắng nghe Đại Sĩ nói rõ về hình tướng của Chú Tổng Trì này!”

**Kinh Văn:**

QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT CÁO PHẠM VƯƠNG NGÔN: “NHỮ VI PHƯƠNG TIỆN LỢI ÍCH NHẤT THIẾT CHÚNG SANH CỐ, TÁC NHƯ THỊ VẤN, NHỮ KIM THIỆN THÍNH, NGÔ VI NHỮ ĐẲNG, LƯỢC THUYẾT THIỂU NHĨ.”

**Nghĩa: Quán Thế Âm Bồ-tát bảo Phạm Vương rằng: “Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh nên hỏi như thế; vậy nay Ông hãy khéo lắng nghe, Ta sẽ vì các Ông mà lược thuyết đôi điều.”

Lược giảng:**

**Quán Thế Âm Bồ-tát bảo Phạm Vương rằng: “Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh nên hỏi như thế; vậy nay Ông hãy khéo lắng nghe, Ta sẽ vì các Ông mà lược thuyết đôi điều.”**

Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ-tát nói với Đại Phạm Thiên Vương rằng: “Vì muốn đem lại sự lợi ích cho hết thảy chúng sanh nên Ông mới đến đây nghe Pháp và đặt câu hỏi như thế. Vậy, Đại Phạm Thiên Vương ơi! Bây giờ Ông hãy chú ý lắng nghe, Ta sẽ vì đại chúng các Ông mà nói sơ lược đôi chút về đạo lý này!”

**Kinh Văn:**

QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT NGÔN: “ĐẠI TỪ BI TÂM THỊ, BÌNH ĐẲNG TÂM THỊ, VÔ VI TÂM THỊ, VÔ NHIỄM TRƯỚC TÂM THỊ, KHÔNG QUÁN TÂM THỊ, CUNG KÍNH TÂM THỊ, TỲ HẠ TÂM THỊ, VÔ TẠP LOẠN TÂM THỊ, VÔ KIẾN THỦ TÂM THỊ, VÔ THƯỢNG BỒ-ĐỀ TÂM THỊ. ĐƯƠNG TRI NHƯ THỊ ĐẲNG TÂM, TỨC THỊ ĐÀ-LA-NI TƯỚNG MẠO, NHỮ ĐƯƠNG Y THỬ NHI TU HÀNH CHI!”

ĐẠI PHẠM VƯƠNG NGÔN: “NGÃ ĐẲNG ĐẠI CHÚNG, KIM THỦY THỨC THỬ ĐÀ-LA-NI TƯỚNG MẠO, TÙNG KIM THỌ TRÌ, BẤT CẢM VONG THẤT.”

**Nghĩa: Quán Thế Âm Bồ-tát bảo: “Đó là tâm Đại Từ Bi, là tâm Bình Đẳng, là tâm Vô Vi, là tâm Vô Nhiễm Trước, là tâm Không Quán, là tâm Cung Kính, là tâm Tỳ Hạ, là tâm Vô Tạp Loạn, là tâm Vô Kiến Thủ, là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nên biết các thứ tâm ấy đều là tướng mạo của môn Đà-La-Ni này; vậy ông nên y theo đó mà tu hành.”**

**Đại Phạm Vương thưa rằng: “Tôi và đại chúng nay mới được biết đến tướng mạo của môn Đà-La-Ni này. Từ nay chúng tôi xin thọ trì, chẳng dám quên lãng.”

Lược giảng:**

**Quán Thế Âm Bồ-tát bảo**Đại Phạm Thiên Vương rằng: “Ông muốn biết Đại Bi Tâm Đà-La-Ni là gì ư? Ta nói cho Ông rõ: **Đó là tâm Đại Từ Bi.**”

Đại Từ Bi Tâm chính là Đại Bi Tâm Đà-La-Ni. Lòng “từ” có thể ban vui, tâm “bi” có thể cứu khổ; do đó nếu quý vị có được lòng từ bi bao la, rộng lớn thì đó chính là Chú Đại Bi vậy. Quý vị đã nghe rõ cả chưa? Đại Bi Tâm chính là Đại Bi Chú, Đại Bi Chú chính là Đại Bi Tâm. Quý vị có tâm Đại Bi tức là quý vị đang niệm Chú Đại Bi; nếu quý vị không có tâm Đại Bi tức là quý vị chưa niệm Chú Đại Bi vậy!

Hằng ngày, cho dù từ sáng đến tối quý vị luôn lầm rầm tụng niệm: “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da…,” nhưng nếu quý vị không có lòng đại từ đại bi thì đó không phải là niệm Chú Đại Bi. Trái lại, nếu quý vị chẳng hề niệm Chú Đại Bi, song thâm tâm lúc nào cũng tồn giữ tấm lòng đại từ đại bi, thì đó chính là quý vị đang trì niệm Chú Đại Bi vậy! Quý vị hiểu rõ cả rồi chứ? Cho nên, song song với việc niệm Chú, quý vị cần phải nuôi dưỡng cái tâm Đại Từ Bi nữa, như thế mới là chân chánh niệm Chú!

**“Là tâm Bình Đẳng.”** Chú Đại Bi là gì? Đó là cái tâm bình đẳng, cái tâm không phân biệt. Tâm bình đẳng là một cái tâm “vô đảng vô thiên” (không phe nhóm, chẳng thiên vị); và cái tâm ấy chính là Chú Đại Bi.

Chúng ta không nên niệm Chú Đại Bi với lòng ích kỷ, phân biệt: “Người này là anh em của tôi thì tôi phải gần gũi anh ta hơn. Cô kia là bạn của tôi, thì tôi phải thân thiết với cô ta hơn. Người ấy không có quen biết gì với tôi cả, vậy tôi nên tránh xa hắn...”; bởi như thế tức là không có tâm bình đẳng.

“Bình đẳng” tức là đối với anh em ruột thịt cũng vậy mà không phải là anh em ruột thịt thì cũng vậy—chúng ta xem tất cả đều như nhau, chẳng hề phân biệt thân sơ. Đối với bạn bè, anh em, và ngay cả người dưng kẻ lạ, chúng ta đều nên đãi ngộ ngang nhau, giống nhau. Nếu quý vị cư xử tử tế với anh em của mình, thì đối với mọi người khác, quý vị cũng nên tử tế giống như với anh em của quý vị vậy; như thế mới gọi là có tâm bình đẳng. Và nếu quý vị hiếu thảo với cha mẹ, thì quý vị cũng nên xem những người tuổi tác đều như cha mẹ mình, và cũng quan tâm, hiếu thuận với họ giống như với cha mẹ mình; đó là có tâm bình đẳng vậy.

Nói tóm lại, tâm bình đẳng là cái tâm “vô đảng, vô thiên.” Quý vị có tâm bình đẳng, tức là có niệm Chú Đại Bi; không có tâm bình đẳng tức là không niệm Chú Đại Bi vậy.

**“Là tâm Vô Vi.”** “Vô vi” có nghĩa là không làm; thế thì “không làm” điều gì? Đó là không làm những việc tà vạy, không khởi tà niệm, không sanh tà tri tà kiến. Cái tâm luôn nhắc nhở quý vị chớ nên làm điều xấu xa bại hoại, được gọi là tâm vô vi. Quý vị không làm điều xấu điều ác, tức là quý vị đang niệm Chú Đại Bi! Nếu quý vị vừa niệm Chú Đại Bi lại vừa làm điều sai trái, tức là quý vị không có tâm vô vi; và như thế có nghĩa là quý vị không niệm Chú Đại Bi vậy!

**“Là tâm Vô Nhiễm Trước.”**Tâm vô nhiễm trước là cái tâm sáng trong thanh tịnh, không chấp trước, không tạp niệm, không vọng tưởng, không tà niệm, không dục niệm—nói rõ hơn, là không có các ý tưởng dâm dục. Nếu quý vị không có lòng tham đắm sắc dục, tức là quý vị có tâm vô nhiễm trước. Trái lại, nếu quý vị có những ý nghĩ dâm ô tà vạy, dục vọng nặng nề, tức là trong tâm quý vị có sự nhiễm trước, bợn nhơ; mà niệm Chú Đại Bi với cái tâm nhiễm trước thì không phải là niệm Chú Đại Bi! Cho nên, những người hiện đang trì niệm Chú Đại Bi đều cần phải chú ý đến đoạn kinh văn này!

**“Là tâm Không Quán.”** Chúng ta cần phải quán tưởng về tánh “không” của tất cả các pháp. Có “không quán,” thấy được các pháp đều là “không,” thì quý vị sẽ không còn chấp trước gì nữa cả.

**“Là tâm Cung Kính.”** Quý vị nên hiền từ, hòa nhã, có lòng cung kính đối với mọi người. Hãy xem tất cả chúng sanh đều là Phật, và vì thế mình phải sanh tâm cung kính đối với họ.

**“Là tâm Tỳ Hạ.”**Tâm tỳ hạ tức là lòng khiêm cung, nhún nhường mà kính cẩn. Chúng ta nên luôn luôn giữ lòng khiêm cung đối với mọi người, chứ đừng sanh tâm cống cao ngã mạn.

**“Là tâm Vô Tạp Loạn.”** Quý vị không nên có cuồng tâm dã tánh, không nên có cái tâm tạp loạn.

**“Là tâm Vô Kiến Thủ.”** Khi quý vị trông thấy sự vật thì trong lòng liền mê chấp, sanh khởi kiến hoặc; hễ có kiến hoặc tất có sự chấp giữ (sở thủ).

**“Là tâm Vô Thượng Bồ Đề.”** Quý vị phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì đó chính là Chú Đại Bi; nếu quý vị không có Đạo tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì không phải là niệm Chú Đại Bi vậy.

**“Nên biết các thứ tâm ấy đều là tướng mạo của môn Đà-La-Ni này; vậy Ông nên y theo đó mà tu hành.”**Quán Thế Âm Bồ-tát bảo Đại Phạm Thiên Vương rằng: “Ông phải biết rằng mười cái tâm kể trên—tâm Đại Từ Bi, tâm Bình Đẳng, tâm Vô Vi, tâm Vô Nhiễm Trước, tâm Không Quán, tâm Cung Kính, tâm Tỳ Hạ, tâm Vô Tạp Loạn, tâm Vô Kiến Thủ, và tâm Vô Thượng Bồ Đề—chính là tướng mạo của Chú Đại Bi. Các Ông hãy y chiếu theo mười thứ tâm này để tu hành và trì tụng Chú Đại Bi.”

Sau khi nghe Quán Thế Âm Bồ-tát tuyên thuyết như thế, **Đại Phạm Vương thưa rằng: “Tôi và đại chúng nay mới được biết đến tướng mạo của môn Đà-La-Ni này.**Tất cả chúng tôi trong Pháp Hội nhờ được nghe Ngài, bậc Đại-sĩ Đại Bồ-tát, thuyết giảng nên mới nhận thức được tướng mạo của pháp môn Tổng Trì này. **Từ nay chúng tôi xin thọ trì,** và phát nguyện rằng bắt đầu từ hôm nay chúng tôi sẽ tụng trì Thần Chú Đại Bi—chương cú thần diệu Đại Bi Tâm Đà-La-Ni—**chẳng dám quên lãng!**”

Vì sao ư? Vì pháp môn này đích thực là:

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.*

Một pháp môn cao siêu, vi diệu thì rất là khó tìm, khó được gặp; thế mà nay:

*Ngã đẳng kiến văn đắc thọ trì.*

Bây giờ, chúng ta không chỉ may mắn được nghe, được thấy, mà còn được thọ trì nữa! Vì thế, chúng ta phải:

*Nguyện giải vô thượng chân thật nghĩa.*

Vậy, mỗi người trong chúng ta cần phải phát nguyện hiểu được pháp yếu vô thượng này, lãnh hội được diệu lý chân thật này, và vĩnh viễn không bao giờ dám lãng quên.

Đại Phạm Thiên Vương có bản lãnh lớn lao như thế, thong dong tự tại như thế, mà nghe được Chú Đại Bi rồi còn hứa là chẳng dám quên, huống hồ là chúng ta? Nếu quý vị thờ ơ lãnh đạm, tùy tiện bỏ qua, không lo trì niệm, bỏ quên Chú Đại Bi tuốt ngoài chín tầng mây, cách xa tới mười vạn tám ngàn dặm, thì đến lúc quý vị muốn tìm lại, e rằng không dễ gì còn tìm thấy được nữa!

**Kinh Văn:**

QUÁN THẾ ÂM NGÔN: “NHƯỢC THIỆN NAM TỬ, THIỆN NỮ NHÂN, TỤNG TRÌ THỬ THẦN CHÚ GIẢ, PHÁT QUẢNG ĐẠI BỒ-ĐỀ TÂM THỆ ĐỘ NHẤT THIẾT CHÚNG SANH, THÂN TRÌ TRAI GIỚI, Ư CHƯ CHÚNG SANH KHỞI BÌNH ĐẲNG TÂM, THƯỜNG TỤNG THỬ CHÚ MẠC LỆNH ĐOẠN TUYỆT, TRÚ Ư TỊNH THẤT, THÁO DỤC THANH TỊNH, TRƯỚC TỊNH Y PHỤC, HUYỀN PHAN NHIÊN ĐĂNG, HƯƠNG HOA BÁCH VỊ ẨM THỰC DĨ DỤNG CÚNG DƯỜNG, CHẾ TÂM NHẤT XỨ CÁNH MẠC DỊ DUYÊN, NHƯ PHÁP TỤNG TRÌ, THỊ THỜI ĐƯƠNG HỮU NHẬT QUANG BỒ-TÁT, NGUYỆT QUANG BỒ-TÁT, DỮ VÔ LƯỢNG THẦN TIÊN, LAI VI TÁC CHỨNG ÍCH KỲ HIỆU NGHIỆM.”

**Nghĩa: Quán Thế Âm Bồ-tát nói: “Nếu kẻ thiện nam hay người thiện nữ nào trì tụng Thần Chú này phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn, thề độ tất cả chúng sanh, thân trì trai giới, đối với chúng sanh khởi tâm bình đẳng, thường tụng Chú này, chớ để gián đoạn. Lại nên ở chốn tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục tinh khiết, treo phướn đốt đèn, dùng hương hoa cùng đồ ăn thức uống trăm vị để cúng dường, kềm tâm một chỗ, chớ theo dị duyên, trì tụng đúng Pháp. Lúc ấy sẽ có Nhật Quang Bồ-tát, Nguyệt Quang Bồ-tát, cùng vô lượng thần tiên đều đến chứng minh, làm tăng sự hiệu nghiệm.”

Lược giảng:**

**Quán Thế Âm Bồ-tát nói: “Nếu kẻ thiện nam hay người thiện nữ nào trì tụng Thần Chú này, phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn, thề độ tất cả chúng sanh.”**Người trì tụng Chú Đại Bi không nên có tâm lượng nhỏ hẹp, không nên có lòng ích kỷ, không nên có lòng mưu lợi riêng tư, không nên có lòng đố kỵ, không nên có tâm chướng ngại; mà cần phải phát huy cái tâm Bồ-đề bao la—cái tâm giác ngộ rộng lớn—và phải phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh, làm cho tất cả chúng sanh đều được xa lìa khổ não, hưởng sự an vui.

Lại nữa, người ấy cần phải **“thân trì trai giới,”**phải giữ chay tịnh và phải thọ trì Ngũ Giới—không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu; đồng thời phải **“đối với chúng sanh khởi tâm bình đẳng,”**xem muôn loài chúng sanh đều như nhau.

**“Thường tụng Chú này, chớ để gián đoạn.”**Chúng ta cần phải tụng Chú Đại Bi thật đều đặn, liên tục, không được gián đoạn. Nếu quý vị tùy tiện chỉ tụng một chốc lát rồi nghỉ, nghỉ ngơi chán rồi mới tụng tiếp, như thế là làm cho Chú bị gián đoạn, không được liên tục.

**“Lại nên ở chốn tịnh thất.”** Lại nữa, người trì tụng Chú Đại Bi cần phải sống ở nơi thanh tịnh, chẳng có pháp nhiễm ô; đồng thời phải thường xuyên **“tắm gội sạch sẽ, mặc y phục tinh khiết.”**

Do đó, chúng ta tốt nhất là đừng mặc những y phục và giày vớ dành cho lúc tụng Kinh lạy Phật khi vào nhà vệ sinh. Tuy rằng nhà vệ sinh cũng rất sạch sẽ, nhưng dù sao thì đó cũng là nơi để phóng uế; cho nên đến nhà vệ sinh thì phải cởi áo Giới và áo tràng ra, và thay giày dép khác nữa. Trước đây tôi đã kể cho quý vị nghe rồi: Ấn Quang Lão Pháp Sư mỗi lần vào nhà vệ sinh là Ngài đều thay quần áo và giày vớ khác; rồi khi dùng nhà vệ sinh xong thì Ngài lại thay đồ, mặc lại y bào. Trong suốt mười tám năm sống ở núi Phổ Đà, Ngài luôn luôn giữ nếp hành trì như thế. Người chân chánh trì giữ Giới Luật thì ngay cả những sai trái nhỏ nhặt nhất, vi tế nhất, họ cũng không hề vi phạm. Vì thế, quý vị cần phải nhớ kỹ: Phải cởi y bào và thay giày dép khác trước khi vào nhà vệ sinh—tuyệt đối không được mặc Giới y và áo tràng mà vào nhà vệ sinh!

**“Treo phướn, đốt đèn, dùng hương hoa cùng đồ ăn thức uống trăm vị để cúng dường.”**Kế đến, người thiện nam tín nữ đó nên treo phướn lên cao và thắp đèn cho sáng; đồng thời sắm sửa hương thơm, các loại hoa muôn màu muôn sắc, cùng đồ ăn thức uống đủ mùi đủ vị để cúng dường Tam Bảo.

**“Kềm tâm ở một chỗ, chớ theo dị duyên.”**Quý vị phải kiềm giữ cái tâm mình ở một chỗ, trong lòng không sanh vọng tưởng, chẳng khởi tạp niệm, và cũng đừng xen vào những duyên sự khác. “Chớ theo dị duyên” tức là không phan duyên, tâm trí không vướng mắc, không nghĩ ngợi những sự việc khác nữa.

**“Trì tụng đúng Pháp.”**Nếu người thiện tín đó y chiếu theo phương pháp và những chỉ dẫn trên đây mà tụng trì Chú Đại Bi, thì **“lúc ấy sẽ có Nhật Quang Bồ-tát, Nguyệt Quang Bồ-tát, cùng vô lượng thần tiên đều đến chứng minh, làm tăng sự hiệu nghiệm.”**

Nhật Quang Bồ-tát và Nguyệt Quang Bồ-tát là hai vị Bồ-tát phát nguyện hộ trì Chú Đại Bi đắc lực nhất—hễ người nào trì niệm Chú Đại Bi thì hai vị Bồ-tát này sẽ phù hộ, che chở người đó từng giây từng phút. Bấy giờ, ngoài hai vị Bồ-tát Nhật Quang và Nguyệt Quang ra, còn có vô lượng vô biên thần tiên khác cũng đến để chứng giám cho người thiện tín đó: “Ừ, có người đang trì tụng Chú Đại Bi ở đây, vậy ta phải đến phù hộ cho người đó mới được!”; và khiến cho những mong cầu của người tụng Chú đều được hiệu nghiệm.
“Hiệu nghiệm,” cũng gọi là “ứng nghiệm,” hoặc “linh nghiệm,” tức là đạt được sự linh ứng thiêng liêng, mầu nhiệm.

**Kinh Văn:**

“NGÃ THỜI ĐƯƠNG DĨ THIÊN NHÃN CHIẾU KIẾN THIÊN THỦ HỘ TRÌ, TÙNG THỊ DĨ VÃNG SỞ HỮU THẾ GIAN KINH THƯ TẤT NĂNG THỌ TRÌ, NHẤT THIẾT NGOẠI ĐẠO PHÁP THUẬT, PHỆ-ĐÀ ĐIỂN TỊCH, DIỆC NĂNG THÔNG ĐẠT.
TỤNG TRÌ THỬ THẦN CHÚ GIẢ, THẾ GIAN BÁT VẠN TỨ THIÊN CHỦNG BỆNH TẤT GIAI TRỊ CHI, VÔ BẤT SI GIẢ; DIỆC NĂNG SỬ LỆNH NHẤT THIẾT QUỶ THẦN, HÀNG CHƯ THIÊN MA, CHẾ CHƯ NGOẠI ĐẠO.”

**Nghĩa: “Bấy giờ, Ta dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay hộ trì, làm cho người ấy từ đó về sau có thể thọ trì tất cả sách vở thế gian, thông đạt tất cả điển tịch Phệ-đà cùng pháp thuật của ngoại đạo. Người nào tụng trì Thần Chú này thì có thể trị được tám vạn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, chẳng bệnh nào không khỏi; lại cũng có thể sai khiến được tất cả quỷ thần, hàng phục thiên ma, chế phục ngoại đạo.”

Lược giảng:**
**“Bấy giờ, Ta dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay hộ trì.”**Quán Thế Âm Bồ-tát nói tiếp: “Lúc ấy, Ta sẽ dùng một ngàn con mắt để dõi theo và duỗi một ngàn cánh tay ra để che chở, hộ trì người tụng Chú Đại Bi đó. Chẳng những thế, Ta còn **làm cho người ấy từ đó về sau có thể thọ trì tất cả sách vở thế gian, thông đạt tất cả điển tịch Phệ-đà**—kinh điển của ngoại đạo—**cùng pháp thuật của ngoại đạo. Người nào tụng trì Thần Chú này thì có thể trị được tám vạn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, chẳng bệnh nào không khỏi.**”

Thế gian này có tới tám vạn bốn ngàn thứ bệnh mà Chú Đại Bi đều có thể trị lành được tất cả. Bất luận là bị cancer hoặc mắc phải bệnh gì đi nữa, nếu quý vị thành tâm thiết tha tụng niệm Chú Đại Bi thì đều được khỏi bệnh. Những bệnh nan y, bất cứ thuốc men gì cũng không chữa trị được, thì Chú Đại Bi đều có thể trị lành được; vì thế mà nói là “vô bất si giả” (chẳng bệnh nào không khỏi.)

Trong câu “vô bất si giả,” chữ “si” hàm ý lành bệnh, khỏi bệnh. Theo Hán tự, chữ “si” này nếu có thêm chữ “bệnh” đứng bên cạnh thì thành ra chữ “sái,” có nghĩa là lành bệnh, hết bệnh. Như vậy, câu trên sẽ là “vô bất sái giả,” và ngụ ý là chẳng có bệnh nào mà không thuyên giảm, chẳng có bệnh nào mà không trị lành cả!

Ngoài ra, người trì tụng Chú Đại Bi **“lại cũng có thể sai khiến được tất cả quỷ thần.”** “Sai khiến được tất cả quỷ thần” là thế nào? Tức là người ấy bảo làm việc gì thì các quỷ thần liền răm rắp làm việc đó, bảo đi đâu thì lập tức đi đấy. Chẳng những thế, người ấy còn có thể **“hàng phục thiên ma, chế phục ngoại đạo”**nữa.

**Kinh Văn:**

NHƯỢC TẠI SƠN DÃ, TỤNG KINH TỌA THIỀN, HỮU CHƯ SƠN TINH TẠP MỊ VỌNG LƯỢNG QUỶ THẦN, HOẠNH TƯƠNG NÃO LOẠN, TÂM BẤT AN ĐỊNH GIẢ, TỤNG THỬ CHÚ NHẤT BIẾN, THỊ CHƯ QUỶ THẦN TẤT GIAI BỊ PHƯỢC DÃ.”

**Nghĩa: “Nếu ở chốn sơn dã tụng Kinh tọa Thiền mà có các sơn tinh, tạp mị, vọng lượng, quỷ thần, hoành hành não loạn làm cho tâm không được an định, tụng Chú này một biến thì các quỷ thần đó đều bị trói lại hết.”

Lược giảng:**
**“Nếu ở chốn sơn dã tụng Kinh tọa Thiền mà có các sơn tinh, tạp mị, vọng lượng, quỷ thần, hoành hành não loạn làm cho tâm không được an định...”**Giả sử quý vị sống ở chốn núi non vắng vẻ, không người lai vãng, mà tụng Kinh hay ngồi Thiền, thì thường có các quỷ thần như sơn yêu thủy quái, ly mị vọng lượng đến quấy nhiễu, tác oai tác quái, khiến cho quý vị bị loạn tâm. Bấy giờ, nghĩ đến việc tụng Kinh thì quý vị cảm thấy rất phiền muộn, chán chường: “Tụng Kinh để làm gì kia chứ?”; hoặc muốn ngồi Thiền nhưng vừa ngồi xuống thì vọng tưởng lại mon men dấy lên: “Ngồi thế này thật không thoải mái chút nào. Hết đau chân thì lại mỏi lưng mỏi cổ, ê ẩm cả người. Ui chao, thôi đứng dậy quách cho rồi!”

Vì sao lại như thế? Đó là vì quý vị bị chúng ma tới quấy nhiễu, chọc phá, làm cho quý vị thấy trong lòng bứt rứt xốn xang, không thể nào ngồi yên được. Chúng lại tỉ tê dụ dỗ: “Ngồi Thiền để làm gì? Thôi, đừng tu hành nữa, theo bọn tôi đi chơi đi, ngoài kia có nhiều trò vui chơi náo nhiệt lắm! Bạn ở đây thì phải nào là tụng Kinh, nào là ngồi Thiền, lại còn phải tuân theo đủ các thứ quy củ luật lệ rắc rối nữa, chẳng thú vị gì cả! Hãy mau mau nhập bọn làm quyến thuộc với chúng tôi đi! Xem kìa, thế giới của chúng ta thật là nhộn nhịp v.v...”

Ma Vương còn có thể xui khiến quý vị sanh khởi những vọng tưởng như: “Nam nữ hành dâm là không thành vấn đề.” Chúng ma là những kẻ phá hoại, chúng đến cốt để phá hoại *Định* tâm, phá hoại *Giới*tâm và phá hoại *Huệ* tâm của quý vị, làm cho Giới Định Huệ của quý vị đều tiêu tan.

Muốn tu hành theo Bồ-tát Đạo thì quý vị cần phải có mười thứ tâm; thế nhưng hễ bị Ma Vương quấy phá thì mười thứ tâm ấy liền bị lung lay, không thể an trụ vững vàng được nữa! Bấy giờ, tâm quý vị vốn “trụ” ở đức *Tín* song nay thì tín tâm không còn nữa; mà không có tín tâm thì sẽ sanh lòng “bất tín.”

Quý vị muốn giữ tâm trì niệm, nhớ nghĩ—muốn chuyên chú tụng Kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng—thì Ma Vương lại xui khiến quý vị trở nên ngần ngừ do dự: “Thôi, đi ngủ một giấc cho khỏe!” Và như thế là cái lòng niệm tưởng của quý vị cũng tiêu tan.

“*Niệm* tâm” không có thì lòng tinh tấn cũng chẳng còn, quý vị không còn hăng hái tu học nữa: “Có chắc là tu hành thì sẽ thành Phật được hay không? Biết đâu đó chỉ là chuyện hoang đường, không đáng tin?” Và thế là cái tâm tinh tấn này cũng chẳng “trụ” được nữa.

Tâm *Tinh Tấn* không “trụ” thì không có tâm trí huệ—*Huệ*Tâm cũng chẳng “trụ” được.

Huệ Tâm không “trụ” thì không có Định Tâm—*Định*Tâm cũng chẳng “trụ” được.

Định không “trụ” thì không có Tâm *Bất Thối*—“bất thối tâm” liền biến thành “thối tâm.” Hễ sanh tâm thối chuyển thì sẽ không còn lòng hộ trì Phật Pháp; bấy giờ quý vị sẽ khởi những vọng tưởng như: “Mình cần gì phải cúng dường Tam Bảo? Để Tam Bảo cúng dường cho mình chẳng tốt hơn ư?” Như có những cư sĩ đòi hỏi Tam Bảo phải hộ pháp cho họ, đó cũng là điển hình của trường hợp tâm Hộ Pháp không “trụ” vậy.

Tâm *Hộ Pháp* không “trụ” thì tâm hồi hướng cũng không “trụ”—không có tâm hồi hướng.

Tâm *Hồi Hướng* không có thì *Giới*Tâm cũng chẳng “trụ,” quý vị cũng chẳng còn chú ý thọ trì Giới Luật nữa.

Và cuối cùng là *Nguyện* Tâm cũng chẳng “trụ” nữa; thế thì còn phát nguyện gì nữa? Bấy giờ quý vị sẽ nghĩ ngợi lẩn thẩn: “Tôi không phát nguyện, không hứa hẹn điều gì cả. Tôi muốn thế nào thì cứ thế ấy, tự do biết bao! Tội gì lập nguyện rồi chính mình lại bị ràng buộc bởi lời nguyện đó? Như thế thì gò bó quá, mất tự do nhiều quá!” Thế là Nguyện Tâm cũng chẳng “trụ” nữa.

Như vậy, mười “trụ tâm” biến thành mười “bất trụ tâm.” Vì sao quý vị lại có mười “bất trụ tâm” ư? Đó là do sự phá hoại của Ma Vương! Ma Vương chui luồn len lỏi vào mọi ngỏ ngách trong tâm quý vị, khiến tư tưởng của quý vị có sự biến chuyển.

**“Tụng Chú này một biến thì các quỷ thần đó đều bị trói lại hết.”** Nếu quý vị gặp phải tình trạng như trên, trong lòng cảm thấy phiền não, bứt rứt rối loạn, đó là bởi Ma Vương muốn phá hoại quý vị; bấy giờ, quý vị hãy tụng Chú Đại Bi một biến, tức thì các quỷ thần và Ma Vương sẽ bị tóm bắt và trói gô lại.

**Kinh Văn:**

“NHƯỢC NĂNG NHƯ PHÁP TỤNG TRÌ, Ư CHƯ CHÚNG SANH, KHỞI TỪ BI TÂM GIẢ, NGÃ THỜI ĐƯƠNG SẮC NHẤT THIẾT THIỆN THẦN, LONG VƯƠNG, KIM CANG MẬT TÍCH, THƯỜNG TÙY VỆ HỘ, BẤT LY KỲ TRẮC, NHƯ HỘ NHÃN TINH, NHƯ HỘ KỶ MẠNG.”

**Nghĩa: “Nếu người ấy có thể tụng trì đúng pháp, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, thì lúc đó Ta sẽ sai bảo tất cả Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích, thường theo hộ vệ, không rời bên mình, như gìn giữ tròng mắt, như bảo hộ tánh mạng của chính họ vậy.”

Lược giảng:**

Quán Thế Âm Bồ-tát dạy tiếp: **“Nếu người ấy có thể tụng trì đúng pháp... ”**Thứ “pháp” mà Quán Thế Âm Bồ-tát nói đến ở đây là pháp gì? Đó là pháp “Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn”—pháp môn Bốn Mươi Hai Bàn Tay! Quý vị phải biết rằng: Hiện tại tôi giảng *Kinh Đại Bi* bởi vì quý vị cần phải hiểu rõ mọi chỉ dẫn để có thể tu tập cho đúng pháp.

“Y pháp thọ trì” tức là tu tập và hành trì đúng theo những gì đã dạy trong pháp Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn, và đó không phải chỉ tụng làu làu một mách từ “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da. Nam Mô A Lị Da...” cho đến hết bài Chú Đại Bi là đủ. Không phải đơn thuần như thế! Cho nên, đối với pháp môn này, quý vị cần phải được “chân truyền,” tức là phải được chính thức và thật sự truyền dạy một cách đúng đắn thì mới được; bằng không, nếu không được chân truyền, mà chỉ toàn là nói suông và xem kinh nghĩa thôi, thì chẳng thể nào hiểu nổi!

Vậy, nếu người trì tụng Chú Đại Bi chẳng những trì tụng đúng theo giáo pháp mà còn có thể **“đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, thì lúc đó Ta sẽ sai bảo tất cả Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích, thường theo hộ vệ, không rời bên mình.”** Ở đây, “Ta” tức là tiếng tự xưng của Quán Thế Âm Bồ-tát; Ngài nói rằng: “Lúc bấy giờ, Ta—Quán Thế Âm Bồ-tát—sẽ ra lệnh cho chư vị Thiện Thần, Long Vương, Hộ Pháp Kim Cang, Mật Tích Bồ-tát, phải luôn luôn theo sát bên mình người trì tụng Chú Đại Bi ấy.” Như vậy tức là có tám vạn bốn ngàn vị Kim Cang Tạng Bồ-tát thường xuyên sát cánh, kề cận bên mình người đó để bảo vệ.

Do đó, những người tụng trì Đại Bi Chú, tu trì Đại Bi Pháp, cần phải nhớ là không nên sanh dục niệm, chớ khởi những vọng tưởng về *desire*; bởi chư Hộ Pháp Thiện Thần đều theo sát bên quý vị, mà nếu tâm trí quý vị cứ lởn vởn thứ vọng tưởng đó, thì các ngài nhận thấy: “Tên này thật là tệ, chẳng giữ gìn quy củ gì cả! Thôi, ta không muốn che chở, bảo vệ hắn nữa!”

Cho nên, quý vị tu pháp thì không được sanh vọng tưởng, không được mơ mộng nhớ nhung cô *girlfriend* này hay cậu *boyfriend* nọ! Nếu quý vị cứ mơ tưởng vẩn vơ như thế, Kim Cang Tạng Bồ-tát sẽ phải lấy bảo chùy đánh cho quý vị thức tỉnh, và quý vị nếu không đau đầu thì cũng nhức mình nhức mẩy. Cho nên, nếu quý vị bị nhức đầu hoặc cơ thể cảm thấy đau đớn khó chịu, đó có thể là do bị Kim Cang Tạng Bồ-tát trừng phạt đấy; Ngài bảo: “Nhà ngươi thật là tồi tệ, chẳng tuân giữ quy củ gì cả! Hư hỏng quá sức!”

Cho nên, quý vị cần phải thận trọng hơn, đừng bê bối cẩu thả nữa—không được một mặt thì tụng Chú Đại Bi, mặt khác lại khởi tà tri tà kiến, dấy sanh vọng tưởng! Hễ tâm quý vị vừa dấy động thì chư Bồ-tát Hộ Pháp lập tức biết được ngay; bởi các Ngài có Ngũ Nhãn Lục Thông, có thể thấy tường tận được con người của quý vị từ ngoài vào trong như nhìn xuyên qua lớp thủy tinh trong suốt vậy!

Quý vị chớ tưởng rằng: “Vô lý, các Ngài làm sao biết được những ý nghĩ thầm kín của tôi?” Nếu các Ngài không biết, thì các Ngài đã không được tôn xưng là Phật, là Bồ-tát, là Hộ Pháp! Thế nên, quý vị chớ hoài công đánh lừa các ngài vô ích. Quý vị không được có lòng cầu may hoặc lừng khừng: “Không sao đâu! Chỉ là vọng tưởng trong đầu mà thôi, đâu thành vấn đề!” Quý vị phải biết, cái vọng tưởng này vừa dấy khởi thì tâm quý vị liền trở thành tâm nhiễm ô chứ không phải là tâm Đại Bi nữa!

**“Như gìn giữ tròng mắt, như bảo hộ tánh mạng của chính họ vậy.”**Chư vị Hộ Pháp sẽ che chở bảo vệ người trì Chú Đại Bi chẳng khác nào bảo vệ đôi mắt hoặc sanh mạng của chính các Ngài vậy.

**Kinh Văn:**

THUYẾT KỆ SẮC VIẾT:
“NGÃ KHIỂN MẬT TÍCH KIM CANG SĨ,
Ô SÔ QUÂN TRÀ ƯƠNG CÂU THI,
BÁT BỘ LỰC SĨ THƯỞNG CA LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN MA HÊ NA LA DIÊN,
KIM TỲ LA ĐÀ CA TỲ LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN BÀ CẤP TA LÂU LA,
MÃN THIỆN XA BÁT CHÂN ĐÀ LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN TÁT GIÁ MA HÒA LA,
CƯU LAN ĐAN TRA BÁN CHỈ LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN TẤT BÀ GIÀ LA VƯƠNG,
ƯNG ĐỨC TỲ ĐA TÁT HÒA LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.”

**Nghĩa:**

**Lại thuyết kệ sắc lệnh rằng:
“Ta sai Mật Tích Kim Cang Sĩ,
Ô Sô, Quân Trà, Ương Câu Thi,
Bát Bộ Lực sĩ Thưởng Ca La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Ma Hê Na La Diên,
Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Bà Cấp Ta Lâu La,
Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Tát Giá Ma Hòa La,
Cưu Lan Đan Tra Bán Chỉ La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Tất Bà Già La Vương,
Ưng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”

Lược Giảng:**

**Lại thuyết kệ sắc lệnh rằng:** ... Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ-tát nói một bài kệ, ra lệnh cho tất cả các Thiện Thần đều phải che chở, ủng hộ người thọ trì Chú Đại Bi.

**“Ta sai Mật Tích Kim Cang Sĩ,/ Ô Sô, Quân Trà, Ương Câu Thi.”** Đây là tên của các vị Kim Cang Hộ Pháp. Mỗi vị Kim Cang đều có thần lực riêng của mình. Có câu “ai có sở trường nấy”—chư vị Hộ Pháp cũng vậy, vị nào cũng có sở trường hoặc đặc điểm của vị ấy.

Thí dụ, có vị Hộ Pháp thì phát nguyện rằng: “Nếu có người nào tụng Chú Đại Bi được một trăm lẻ tám (108) biến, thì tôi sẽ thường xuyên túc trực để ủng hộ người đó; cho dù phải hy sinh tánh mạng, tôi cũng quyết bảo vệ người trì Chú ấy cho bằng được!”

Trong khi đó, có vị lại nguyện rằng: “Nếu có người nào tụng được dù chỉ một chữ hoặc một câu của Chú Đại Bi, thì tôi sẽ vĩnh viễn ủng hộ và bảo vệ người đó!”

Cũng có vị Hộ Pháp nguyện rằng: “Nếu có người nào, đừng nói là tụng Chú Đại Bi, cho dù chỉ nghe được danh hiệu ‘Chú Đại Bi’ thôi, thì tôi nguyện sẽ bảo vệ và khiến cho mọi điều mong cầu của người đó đều được thành tựu, muốn gì được nấy.”

Tuy rằng mỗi vị Kim Cang Hộ Pháp đều lập một lời thệ nguyện khác nhau, nhưng tựu trung, tất cả đều cùng chung một mục đích—đó là gì? Đó là ủng hộ người trì Chú Đại Bi, ủng hộ người nghe Chú Đại Bi, ủng hộ người có tín tâm chân chánh đối với Chú Đại Bi.

Trong Kinh có nói rằng, nếu chúng ta “còn sanh chút lòng nghi, ắt không được kết quả toại nguyện”; cho nên, nếu quý vị không có tín tâm đối với Chú Đại Bi, thì quý vị sẽ không thể có được sự thành tựu.

Có người nói rằng: “Tôi tụng Chú rất nhiều mà sao chẳng thấy linh nghiệm, chẳng thấy công hiệu gì cả?” Đó không phải là do Chú không công hiệu, mà là vì quý vị thiếu đức tin, thiếu thành khẩn, đầu óc lúc nào cũng lởn vởn những ý tưởng hoài nghi: “Tại sao không linh nghiệm? Tại sao không thấy có công hiệu gì cả?”; vì thế mà công hiệu gì, linh nghiệm gì cũng đều không xảy ra cả! Cho nên, nếu muốn có được sự cảm ứng chân chánh thì thâm tâm quý vị phải hoàn toàn không còn mảy may hoài nghi.

Đúng ra, nếu tụng Chú Đại Bi mà không thấy hiệu nghiệm thì quý vị phải hồi quang phản chiếu, tự hỏi chính mình: “Ồ! Phải chăng vì mình thiếu thành tâm, nên mới không đạt được sự tương ưng với năng lực bất khả tư nghì của Chú?”
Quý vị không được nói rằng: “Chú Đại Bi không linh nghiệm, những điều giảng nói trong Chú đều là hoang đường, không có thật!” Chúng ta tuyệt đối không được có lòng hoài nghi như thế!

Quán Thế Âm Bồ-tát nói rằng: “Ta sai Mật Tích Kim Cang Sĩ.” “Sai” tức là sai khiến, ra lệnh. Gọi là “mật tích” (hành tung bí mật, kín đáo) bởi lẽ cho dù những vị Kim Cang Hộ Pháp này đứng ngay bên cạnh quý vị, quý vị cũng không nhìn thấy được và cũng chẳng hề hay biết. Tất cả các vị Kim Cang Lực Sĩ đều có sức mạnh phi thường.

“Ô Sô, Quân Trà, Ương Câu Thi” là tên của các vị Hộ Pháp phiên âm từ tiếng Phạn và vẫn được giữ nguyên như thế trong bài Chú chứ không phiên dịch ra, cho nên bây giờ chúng ta cũng không cần phải giải thích ý nghĩa của những tên gọi đó. Quý vị chỉ cần nhớ rằng đó là các vị Kim Cang Hộ Pháp đến để bảo vệ người trì tụng Chú Đại Bi, như vậy là đủ rồi! Bởi Kim Cang Tạng Bồ-tát có tới tám vạn bốn ngàn vị, rất đông đảo chứ không phải chỉ có mấy vị trên đây mà thôi đâu! Cho nên, những tên gọi này, nếu quý vị không hiểu thì cũng không sao!

**“Bát Bộ Lực Sĩ Thưởng Ca La.”** “Bát Bộ” tức là Thiên Long Bát Bộ—trời, rồng, cùng tám bộ chúng. “Thưởng Ca La” là tên của một vị Lực-sĩ thuộc Bát Bộ.

**“Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”** Những vị Hộ Pháp kể trên đều được lệnh của Quán Thế Âm Bồ-tát là phải luôn luôn bảo vệ, trợ giúp những người trì tụng Chú Đại Bi.

**“Ta sai Ma Hê Na La Diên.”**“Ma Hê Na La Diên” chính là thiên chúng của cõi trời Ma Hê Thủ La. “Na La Diên” có nơi dịch là “đại mãng xà”; tuy nhiên, bất kể đó là ai, nói chung thì tất cả đều cùng một mục đích là hộ Pháp mà thôi.

Quán Thế Âm Bồ-tát cũng phái Ma Hê Na La Diên, cùng với các vị Hộ Pháp như **“Kim Tỳ La Đà, Ca Tỳ La,/ Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**

**“Ta sai Bà Cấp, Ta Lâu La.”**Quán Thế Âm Bồ-tát lại nói tiếp: “Không phải chỉ có các Kim Cang Lực-sĩ nói trên mà thôi đâu, Ta còn ban sắc lệnh, khiến các Kim Cang Lực-sĩ, Thiện Thần Hộ Pháp là Bà Cấp, Ta Lâu La, **Mãn Thiện, Xa Bát, Chân Đà La,/ Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.** Họ sẽ luôn luôn kề cận để bảo vệ và giúp đỡ những người trì Chú Đại Bi.”

**“Ta sai Tát Giá Ma Hòa La,/ Cưu Lan, Đan Tra, Bán Chỉ La,/ Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”** “Đan Tra” chính là vị “Ca Tra” được nhắc đến ở câu “Ca Tra Bổ Đan Na” trong Chú Lăng Nghiêm. Tất cả những vị Hộ Pháp này đều được lệnh của Quán Thế Âm Bồ-tát là phải theo dõi để bảo vệ kẻ trì Chú Đại Bi.

**“Ta sai Tất Bà, Già La Vương,/ Ưng Đức, Tỳ Đa Tát Hòa La,/ Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì,.”** Đây là tên của các vị quỷ vương hoặc thần vương. Các vị này cũng được lệnh phải thường xuyên kề cận để che chở cho những kẻ thọ trì, tụng niệm Chú Đại Bi.

**Kinh Văn:**

“NGÃ KHIỂN PHẠM MA TAM BÁT LA,
NGŨ BỘ TỊNH CƯ DIÊM MA LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN THÍCH VƯƠNG TAM THẬP TAM,
ĐẠI BIỆN CÔNG ĐỨC BÀ ĐÁT NA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN ĐỀ ĐẦU LẠI TRA VƯƠNG,
THẦN MẪU NỮ ĐẲNG ĐẠI LỰC CHÚNG,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

**Nghĩa:
Ta sai Phạm Ma Tam Bát La,
Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam,
Đại Biện Công Đức Bà Đát Na,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương,
Cả Thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.**
**Lược Giảng:**

Quán Thế Âm Bồ-tát nói tiếp: **“Ta sai Phạm Ma Tam Bát La,/ Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La,/ Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**

“Phạm Ma Tam Bát La” là tên của một vị Hộ Pháp ở cõi trời; còn “Diêm Ma La” là tên của vị Hộ Pháp thuộc Ngũ Bộ ở cung trời Tịnh Cư. Các vị Hộ Pháp này được lệnh phải luôn luôn theo bảo vệ kẻ tụng trì Chú Đại Bi.

**“Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam,/ Đại Biện Công Đức Bà Đát Na,/ Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**

“Thích Vương” tức là vua Đế Thích, Thiên Chủ của cõi trời Ba Mươi Ba.

“Đại Biện Công Đức Bà Đát Na” tức là vị Hộ Pháp có tài biện luận và công đức rộng lớn tên Bà Đát Na.

Tất cả những vị Hộ Pháp này đều được Quán Thế Âm Bồ-tát phái đi phù hộ những người thành tâm trì tụng Chú Đại Bi.

**“Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương,/ Cả Thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực,/ Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**

“Đề Đầu Lại Tra Vương” là một trong bốn vị Tứ Đại Thiên Vương.

“Thần Mẫu Nữ” tức là “Quỷ Tử Mẫu” (mẹ của những quỷ con), thống lãnh bộ chúng Đại Lực—các quỷ thần thuộc hạ của bà đều có sức mạnh phi thường, riêng bản thân bà thì không.

Vì sao gọi là “Quỷ Tử Mẫu”? Ban đầu, đáng lẽ bà có thể được gọi là “Thần Tử Mẫu,” nhưng vì bà có hành vi giống như loài quỷ—cứ đi bắt cóc con của người ta để ăn thịt—nên mới bị gọi là “Quỷ Tử Mẫu.” Nhà nào có trẻ sơ sinh là Quỷ Tử Mẫu liền tới bắt về ăn; cả trẻ con chừng hai, ba tuổi cũng bị bà bắt ăn thịt nữa. Bà Quỷ Tử Mẫu có một ngàn (1.000) đứa con trai; những đứa con nít mà bà đi khắp nơi để lùng bắt và mang về không phải chỉ một mình bà mà cả bầy quỷ con cùng xúm lại chia nhau ăn.

Một hôm, chư Hộ Pháp Thiện Thần thấy hành vi của Quỷ Tử Mẫu càng ngày càng quá đáng và không đúng với giáo pháp, bèn quyết định đến bạch với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Bạch Đức Thế Tôn! Hiện nay trẻ con ở thế gian bị Quỷ Tử Mẫu bắt ăn thịt gần hết, chỉ còn lại một số rất ít! Nhân loại ở thế gian sắp bị tuyệt chủng tới nơi rồi; vậy chúng con phải làm gì bây giờ?”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo: “Không sao, việc này không phải là một vấn đề to tát lắm! Ta đã có cách giải quyết rồi!” Và thế là Đức Phật phái Mật Tích Kim Cang đi bắt đứa nhỏ nhất trong bầy quỷ con một ngàn đứa của Quỷ Tử Mẫu về và đem bỏ vào trong bình bát của Phật. Đức Phật lật úp cái bát lại, khiến đứa nhỏ bị nhốt trong bát, không thoát ra được.
Chú quỷ con bị nhốt một mình trong bát thì sợ hãi khóc òa, Quỷ Tử Mẫu nghe tiếng khóc liền nhận ra đó là tiếng đứa con út của mình, bèn ra lệnh cho chín trăm chín mươi chín (999) đứa con còn lại đến hè nhau nhấc cái bát lên cho chú quỷ út chạy ra, nhưng không thể nào nhấc lên nổi. Thấy thế, Quỷ Tử Mẫu bèn dùng sức thần thông để lật ngửa cái bát lên, song cái bát vẫn chẳng chịu nhúc nhích.

Ban đầu Quỷ Tử Mẫu chỉ nghĩ là lén cướp lại đứa con mà thôi, nhưng bây giờ thấy cướp không được thì chỉ còn cách tới hỏi thẳng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Tại sao Ngài lại bắt cóc con tôi và nhốt nó dưới bình bát của Ngài như thế? Chao ôi! Nó khóc lóc thảm thiết thế kia mà Ngài chẳng động chút lòng từ bi nào cả ư?”

Quý vị xem, bà Quỷ Tử Mẫu này dám chỉ trích người khác là không có lòng từ bi; thế còn bà ăn thịt con của người ta thì thử hỏi bản thân bà có được chút lòng từ bi nào chăng?

Bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mới từ tốn hỏi lại: “À! Ngươi có đông con thế kia thì mất đi một đứa cũng chẳng hề chi! Ngươi có tới một ngàn đứa con lận, nếu bớt đi một đứa bé này thì có sao đâu?”

Quỷ Tử Mẫu đáp: “Không được! Tôi thì một đứa cũng không thể thiếu được!”

Đức Phật ôn tồn hỏi: “Ngươi ăn thịt con của người ta, thế thì ngươi có lòng từ bi chăng?”

Quỷ Tử Mẫu phân trần: “Tôi nào muốn như thế đâu! Ngài cho rằng tôi thích ăn thịt con nít lắm sao? Nếu không ăn thì cái thân già nua này chịu đói không nổi! Bởi thịt trẻ con thì mềm mại, thơm ngon vô cùng, mà răng của tôi thì cũng không còn tốt cho lắm, cho nên tôi mới phải ăn thịt của chúng đấy thôi!”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại hỏi: “Ngươi ăn thịt con của người ta thì được, còn Ta mới bắt một đứa con út của ngươi thôi mà ngươi đã đau khổ, cuống quýt đến thế kia! Vậy thì ngươi nghĩ tâm trạng của những kẻ làm cha làm mẹ trong thiên hạ mà bị mất con là như thế nào?”

Quỷ Tử Mẫu vẫn bướng bỉnh: “Tôi đâu cần phải bận tâm về họ nhiều như thế! Tôi chỉ lo ăn cho no bụng mình là đủ rồi!”
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nghiêm giọng phán: “Thế ư? Nếu thế thì Ta cũng chẳng bận tâm về chuyện của ngươi nữa! Ta chẳng cần biết là ngươi có bị mất con hay không! Ngươi có bản lãnh thì cứ đem nó về đi!”

Quỷ Tử Mẫu nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói như thế thì lại tìm cách lật bát, nhưng không tài nào lật lên được. Chẳng còn cách nào khác, Quỷ Tử Mẫu bèn đến quỳ trước mặt Đức Phật mà khóc lóc năn nỉ, thỉnh cầu Ngài mở lòng từ bi mà thả con bà ra.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy: “Được! Ngươi muốn Ta trả đứa con lại cho ngươi, thì cũng được thôi! Ta không ăn thịt con của ngươi đâu, bởi vì Ta không giống như ngươi—Ta chỉ ăn chay, cho nên, đừng nói là thịt người lớn hay con nít, bất cứ loại thịt nào Ta cũng không ăn cả!”

Quỷ Tử Mẫu nghe nói như thế thì tự nghĩ: “Ồ! Thì ra người này không ăn thịt!”; và thắc mắc: “Thế thì Ngài làm sao sống được?”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đáp: “Ta đi hóa duyên các nơi, xin thức ăn chay.”

Quỷ Tử Mẫu nói: “Thế nhưng tôi biết đi đâu để hóa duyên? Ngài là Phật nên có thể đi hóa duyên; còn tôi thì đâu làm như thế được. Tôi nào phải là người xuất gia!”

Đức Phật nói: “Thôi được! Nếu từ rày về sau ngươi sẵn sàng không ăn thịt trẻ con nữa, thì Ta sẽ bảo các đệ tử của Ta mang thức ăn chay bố thí cho ngươi—miễn sao ngươi không ăn thịt trẻ con nữa là được.”

Quỷ Tử Mẫu hớn hở thưa: “Nếu tôi có thức ăn đầy đủ thì đương nhiên là tôi khỏi ăn thịt trẻ con cũng được.”

Thế là, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thả chú quỷ con ra và trả lại cho Quỷ Tử Mẫu. Do nhân duyên này mà những người xuất gia khi thọ trai đều có lệ “thí thực.” “Thí” là bố thí, ban phát; “thực” là phạn thực, cơm ăn. Lúc thí thực, quý Thầy, Cô dành ra một ít thức ăn và xướng rằng:

*Đại bàng kim xí điểu,
Khoáng dã quỷ thần chúng,
La-sát Quỷ Tử Mẫu,
Cam-lồ tất sung mãn.*

(Chim đại bàng cánh vàng,
Quỷ thần nơi khoáng dã,
Mẹ con quỷ La-sát,
Đầy đủ nước cam-lồ.)

Rồi họ tụng một bài Chú và mấy mẹ con của bà Quỷ Tử Mẫu thảy đều có được thức ăn no đủ, không còn bị đói khát và do đó không phải ăn thịt con nít nữa.

Cho nên, chúng ta nhờ không bị Quỷ Tử Mẫu ăn thịt nên bây giờ mới còn sống và lớn lên cao ráo, khỏe mạnh, lại có được cơ hội học hành, làm việc. Nếu không nhờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa được Quỷ Tử Mẫu, thì e rằng nhân loại trên thế giới sẽ không được đông đúc như hiện nay. Ngoài ra, từ đó Quỷ Tử Mẫu chẳng những không ăn thịt con nít mà còn trở thành kẻ hộ Pháp đắc lực cho Phật Giáo nữa.

Vậy, khi có người chuyên tâm và theo đúng như giáo pháp mà trì tụng Chú Đại Bi, thì Quán Thế Âm Bồ-tát gọi Quỷ Tử Mẫu và bảo rằng: “Này Quỷ Tử Mẫu, đã đến lúc ngươi có thể tạo đôi chút công đức rồi đó. Có người đang thọ trì Chú Đại Bi này của Ta, vậy ngươi hãy mau mau đi bảo vệ người ấy.” Thế là Quỷ Tử Mẫu liền thống lãnh một ngàn đứa con trai lực lưỡng, khỏe mạnh, cùng nhau đi hộ Pháp, cho nên nói là “cả Thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực,/ thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”

**Kinh Văn:**
“NGÃ KHIỂN TỲ LÂU LẶC XOA VƯƠNG,
TỲ LÂU BÁC XOA TỲ SA MÔN.
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN KIM SẮC KHỔNG TƯỚC VƯƠNG,
NHỊ THẬP BÁT BỘ ĐẠI TIÊN CHÚNG,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN MA-NI BẠT ĐÀ LA,
TÁN CHI ĐẠI TƯỚNG PHẤT LA BÀ,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN NAN ĐÀ, BẠT NAN ĐÀ,
BÀ GIÀ LA LONG Y BÁT LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN TU LA, CÀN THÁT BÀ,
CA LÂU, KHẨN NA, MA HẦU LA,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.

NGÃ KHIỂN THỦY HỎA LÔI ĐIỆN THẦN,
CƯU BÀN TRÀ VƯƠNG, TỲ XÁ XÀ,
THƯỜNG ĐƯƠNG ỦNG HỘ THỌ TRÌ GIẢ.”

**Nghĩa:
“Ta sai Tỳ Lâu Lặc Xoa Vương,
Tỳ Lâu Bác Xoa Tỳ Sa Môn,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương,
Hai mươi tám bộ Đại Tiên chúng,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Ma Ni Bạt Đà La,
Tán Chi Đại Tướng, Phất La Bà,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà,
Bà Già La Long, Y Bát La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Tu La, Càn Thát Bà,
Ca Lâu, Khẩn Na, Ma Hầu La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

Ta sai Thủy, Hỏa, Lôi, Điển Thần,
Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”

Lược giảng:**
Quán Thế Âm Bồ-tát nói tiếp: **“Ta sai Tỳ Lâu Lặc Xoa Vương, Tỳ Lâu Bác Xoa Tỳ Sa Môn, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”** Đây đều là tên của các vị Hộ Pháp Thần Vương của Tứ Đại Thiên Vương. Các vị này từng giây từng khắc theo bảo vệ người trì tụng Chú Đại Bi.

**“Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương, Hai mươi tám bộ Đại Tiên chúng, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**“Khổng Tước Vương” chính là Đại Bàng Kim Sí Điểu (chim đại bàng cánh vàng). “Hai mươi tám bộ Đại Tiên chúng” tức là “nhị thập bát tú”—hai mươi tám vì tinh tú. Lúc giảng *Kinh Lăng Nghiêm* tôi đã giảng cho quý vị nghe cả rồi.

**“Ta sai Ma Ni Bạt Đà La, Tán Chi Đại Tướng Phất La Bà, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**Quán Thế Âm Bồ tát lại phái Ma Ni Bạt Đà La cùng Tán Chi Đại Tướng Phất La Bà, vốn là những vị Kim Cang Hộ Pháp, đến ủng hộ người trì Chú Đại Bi.

**“Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà, Bà Già La Long, Y Bát La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**Nan Đà và Bạt Nan Đà đều là những vị Long Vương; còn Bà Già La Long và Y Bát La là Hộ Pháp của Long Vương.

**“Ta sai Tu La, Càn Thát Bà, Ca Lâu, Khẩn Na, Ma Hầu La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”**Quán Thế Âm Bồ tát lại phái A Tu La cùng với Nhạc Thần Càn Thát Bà của Ngọc Đế, và luôn cả Ca Lâu Na, Khẩn Na La, Ma Hầu La thuộc Thiên Long Bát Bộ, tất cả phải thường xuyên theo phù hộ người trì tụng Chú Đại Bi.

**“Ta sai Thủy, Hỏa, Lôi, Điển Thần, Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”** “Thủy, hỏa, lôi điển thần” tức là thủy thần (thần nước), hỏa thần (thần lửa), lôi thần (thần sấm) và điển thần (thần sét). Cưu Bàn Trà và Tỳ Xá Xà vốn là quỷ, nay đều biến thành kẻ hộ pháp và cùng nhau bảo vệ người trì Chú. Cho nên, quý vị chỉ cần niệm Chú Đại Bi thì ngay cả ma cũng đến hộ pháp cho quý vị.

**Kinh Văn:**

“THỊ CHƯ THIỆN THẦN, CẬP THẦN LONG VƯƠNG, THẦN MẪU NỮ ĐẲNG, CÁC HỮU NGŨ BÁCH QUYẾN THUỘC ĐẠI LỰC DẠ XOA, THƯỜNG TÙY ỦNG HỘ TỤNG TRÌ ĐẠI BI THẦN CHÚ GIẢ.”

**Nghĩa: “Các vị thiện thần cùng thần Long Vương, thần Mẫu Nữ này, mỗi vị có năm trăm Đại Lực Dạ-xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người trì tụng Thần Chú Đại Bi.”

Lược giảng:**
**“Các vị thiện thần cùng thần Long Vương, thần Mẫu Nữ này, mỗi vị có năm trăm Đại Lực Dạ-xoa làm quyến thuộc.”**Tất cả các vị thiện thần hộ Pháp kể trên—Thiên Long Bát Bộ, Tứ Thiên Vương, cùng hết thảy long chúng, quỷ chúng, thần chúng, và hết thảy Kim Cang Lực Sĩ, thần Long Vương, thần Mẫu Nữ, ...—mỗi một vị đều có năm trăm quyến thuộc. Những quyến thuộc ấy toàn là quỷ Đại Lực Dạ Xoa và tất cả đều **“thường theo ủng hộ người trì tụng Thần Chú Đại Bi.”**

**Kinh Văn:**

“KỲ NHÂN NHƯỢC TẠI KHÔNG SƠN KHOÁNG DÃ, ĐỘC TÚC CÔ MIÊN, THỊ CHƯ THIỆN THẦN, PHIÊN ĐẠI TÚC VỆ, TÍCH TRỪ TAI CHƯỚNG.
NHƯỢC TẠI THÂM SƠN, MÊ THẤT ĐẠO LỘ, TỤNG THỬ CHÚ CỐ, THIỆN THẦN LONG VƯƠNG, HÓA TÁC THIỆN NHÂN THỊ KỲ CHÁNH ĐẠO.
NHƯỢC TẠI SƠN LÂM KHOÁNG DÃ, PHẠT THIỂU THỦY HỎA, LONG VƯƠNG HỘ CỐ, HÓA XUẤT THỦY HỎA.”

**Nghĩa: “Người đó, nếu ở nơi không sơn khoáng dã ngủ nghỉ một mình, các thiện thần này sẽ thay phiên túc trực bảo vệ, ngăn trừ tai chướng; nếu ở nơi thâm sơn quên đường lạc lối, tụng trì Chú này, thiện thần, Long Vương sẽ hóa làm thiện nhân chỉ đúng đường về; nếu ở nơi núi rừng khoáng dã, thiếu thốn nước lửa, Long Vương vì ủng hộ sẽ biến hóa ra nước lửa.”

Lược giảng:**
Quán Thế Âm Bồ-tát nói tiếp: **“Người đó, nếu ở nơi không sơn khoáng dã ngủ nghỉ một mình...”**“Không sơn” tức là nơi vắng vẻ, không có người ở. “Khoáng dã” là nơi rất hoang vu, rất ít người lai vãng. Như vậy, giả sử người trì Chú Đại Bi đó sống đơn độc một mình ở chốn núi rừng hoang vắng để tu hành, thì **“các thiện thần này sẽ thay phiên túc trực bảo vệ.”**
“Thay phiên (phiên đại)” tức là luân phiên, lần lượt thay phiên nhau. Chẳng hạn vị thiện thần này tức trực bảo vệ trong hai tiếng đồng hồ, sau đó có vị khác đến thay thế; vị mới đến này canh gác được hai tiếng đồng hồ thì lại có một vị khác nữa đến gác thay. Hoặc là, vị rồng này đến túc trực bảo vệ được hai giờ đồng hồ thì có vị thần đến bảo: “Hết phiên của ngài rồi, ngài hãy về nghỉ đi. Bây giờ đến lượt tôi bảo vệ người này!” Rồi hai tiếng đồng hồ sau thì có thể là đứa con trai lớn của Quỷ Tử Mẫu xuất hiện và nói: “Hết phiên trực của ngài rồi đấy, chắc ngài cũng *tired* lắm rồi. Ngài hãy về nghỉ ngơi đi, tôi sẽ ở đây tiếp tục bảo vệ người này!” Đó gọi là “phiên đại túc vệ,” tức là thay phiên nhau túc trực để sẵn sàng bảo vệ người trì Chú Đại Bi.

**“Ngăn trừ tai chướng.”**Người trì Chú Đại Bi đó nếu có tai nạn gì thì đều được tiêu trừ, tai qua nạn khỏi, bình an vô sự; nếu có chướng ngại gì thì cũng được hóa giải, không thể xảy ra.

**“Nếu ở nơi thâm sơn mà quên đường lạc lối, tụng trì Chú này, thiện thần, Long Vương sẽ hóa làm thiện nhân chỉ đúng đường về.”**Giả sử quý vị đi vào sâu trong núi và bị lạc đường, mất phương hướng, không phân biệt được đông tây nam bắc là đâu với đâu; lại thêm cây cối um tùm rậm rạp che khuất ánh sáng mặt trời, khiến cho quý vị càng thêm hoang mang bối rối, không biết phải theo hướng nào mà đi cho đúng. Bấy giờ, nếu quý vị có thể tụng niệm Chú Đại Bi thì chư thiện thần cùng Long Vương sẽ biến thành người để chỉ đường cho quý vị: “Hãy đi về phía này!” và dẫn đường cho quý vị.

**“Nếu ở nơi núi rừng khoáng dã, thiếu thốn nước lửa, Long Vương vì ủng hộ sẽ biến hóa ra nước lửa.”** Giả sử người trì tụng Chú Đại Bi phải ở chốn thâm sơn cùng cốc, hoang vu vắng vẻ, chịu thiếu thốn mọi bề, hoàn toàn không có nước và cũng chẳng có lửa, thì Long Vương vì muốn bảo vệ và giúp đỡ người đó, sẽ biến hóa ra nước và lửa cho người đó dùng.

Bây giờ tôi tổng hợp bài Chú Đại Bi, tóm tắt ý nghĩa toàn bài bằng bốn câu kệ như sau:

*Đại Bi Đại Chú thông địa thiên,
Nhất bách nhất thiên Thập Vương hoan,
Đại bi đại từ năng khử bệnh,
Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền.*

(Đại Chú Đại Bi xuyên trời đất,
Ngàn ngày trăm biến, mười vua vui,
Đại từ đại bi trừ bệnh tật,
Gương nghiệt soi tới, biển treo cao!)

*“Đại Bi Đại Chú thông địa thiên”* (Đại Chú Đại Bi xuyên trời đất). Ở đây có Đại Chú đại từ đại bi, vốn là “Chú trung chi vương” (vua trong các loại Chú), thông thiên triệt địa, suốt trời thấu đất. Một khi quý vị niệm Chú Đại Bi thì các vị thần ở cõi trời đều kính cẩn đến lắng nghe. Cả các loài quỷ cũng vậy, ai nấy đều cung kính chắp tay và quỳ xuống yên lặng lắng nghe quý vị tụng Chú Đại Bi. Vì sao Chú Đại Bi có công năng hàng phục thiên ma, chế ngự ngoại đạo? Bởi vì bè lũ thiên ma ngoại đạo hễ nghe tới Chú Đại Bi thì chẳng khác nào nhận được hiệu lệnh, tất cả đều phải răm rắp y theo mệnh lệnh mà thi hành.

*“Nhất bách nhất thiên Thập Vương hoan”* (ngàn ngày trăm biến, mười vua vui). Một ngàn ngày tức là ba năm. Nếu quý vị mỗi ngày có thể tụng Chú Đại Bi đủ một trăm lẻ tám (108) biến, và cứ đều đặn tụng niệm như thế trong ba năm—hoặc là mỗi ngày tụng một ngàn biến và tụng suốt ba năm thì càng tốt hơn nữa—thì Thập Điện Diêm Quân (mười vua Diêm La cai quản mười điện) ở địa ngục sẽ sanh lòng hoan hỷ, và bảo rằng: “Hay lắm! Người này đang tu Chú Đại Bi!” Nếu có thể tu pháp Đại Bi, niệm Chú Đại Bi một trăm lẻ tám biến, đồng thời lại có thể tu pháp Bốn Mươi Hai Thủ Nhãn nữa, thì sẽ được rất nhiều lợi ích, công hiệu gấp bội,

*“Đại bi đại từ năng khử bệnh”*(đại từ đại bi trừ bệnh tật). Như tôi đã nói ở phần trước, trên thế gian này có tám vạn bốn ngàn thứ bệnh, nếu quý vị thành tâm trì niệm Chú Đại Bi thì đều trị lành được cả.

*“Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền”*(gương nghiệt soi tới, biển treo cao). Trong địa ngục, ở chỗ của Thập Điện Diêm Quân có một đài gương, trên đó đặt một tấm gương soi, gọi là “nghiệt kính đài” (đài gương soi tội). Vì sao gọi là “nghiệt kính đài”? Khi đọa địa ngục, nhìn vào gương soi tội này thì quý vị sẽ thấy hiện lên tất cả những tội nghiệt mà mình đã gây tạo lúc còn sống. Mọi hành vi, việc làm của quý vị đều hiện ra trong gương—rõ ràng từng cảnh mục, từng chi tiết, chẳng khác nào trên màn ảnh xi-nê vậy. Chẳng hạn trước kia quý vị đã từng giết người, thì trong gương sẽ hiện rõ cảnh giết chóc đó. Quý vị hoặc là đã từng ăn trộm ăn cướp, làm điều bất chánh, ăn gian nói dối, rượu chè cờ bạc... nhất nhất mọi hành vi của quý vị trước đây đều hiện ra đầy đủ trong tấm “nghiệt kính,” chẳng sót điều gì.

Nếu quý vị là người trì tụng Chú Đại Bi thì khi dùng nghiệt kính để soi sẽ không thấy hiện lên gì cả, bởi mọi tội nghiệt mà quý vị gây ra đều đã tiêu tan, không còn nữa. Bấy giờ, trong địa ngục sẽ treo cho quý vị một tấm biển, trên đó có viết rằng: “Tất cả quỷ thần đều phải cung kính, tôn trọng người này. Đây là một người thọ trì Chú Đại Bi.” Và đó là ý nghĩa của câu “nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền.”

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Chinese version, page 150-157\*\*\*\*\*\*

[**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)**4**[**5**](http://www.dharmasite.net/daibidalani5.htm)

[Share on](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani5.htm" \t "_blank)

[Facebook](http://www.facebook.com/sharer.php?u=http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani5.htm" \t "_blank)

[Share on](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(5)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani5.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

[Twitter](http://twitter.com/home?status=Kinh%20Dai%20Bi%20Da%20La%20Ni%20(5)%20-%20http%3A%2F%2Fwww.dharmasite.net%2Fdaibidalani5.htm%20via%20%40Apture" \t "_blank)

Share via

email



**Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Ðại Viên Mãn Vô Ngại Ðại Bi Tâm Ðà La Ni Kinh**

****

**Hán dịch: Ðường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm Ðạt Ma**

**Thiển giảng: Vạn Phật Thánh Thành, Hòa Thượng Tuyên Hóa.**

[**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)**5**

***(tiếp theo)***

KINH VĂN:

Âm:

QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỤC VỊ TỤNG TRÌ GIẢ, THUYẾT TIÊU TRỪ TAI HỌA THANH LƯƠNG CHI KỆ:
“NHƯỢC HÀNH KHOÁNG DÃ SƠN TRẠCH TRUNG,
PHÙNG TRỊ HỔ LANG CHƯ ÁC THÚ,
XÀ, NGOAN, TINH, MỊ, VỌNG LƯỢNG QUỶ,
VĂN TỤNG THỬ CHÚ MẠC NĂNG HẠI.”

Nghĩa:

**Quán Thế Âm Bồ-tát lại vì kẻ tụng trì mà tuyên thuyết bài kệ Thanh Lương tiêu trừ tai họa rằng:
“Nếu vào chốn núi hồ hoang vắng,
Gặp những cọp, sói, các thú dữ,
Rắn, rít, tinh, mị, quỷ vọng lượng…,
Nghe tụng Chú này chẳng dám hại.”**

LƯỢC GIẢNG:

**Quán Thế Âm Bồ-tát lại vì kẻ tụng trì mà tuyên thuyết bài kệ Thanh Lương tiêu trừ tai họa rằng** ... Lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ-tát lại vì những người trì tụng Chú Đại Bi mà nói bài kệ tụng về việc tiêu trừ mọi tai chướng, đạt được sự thanh lương, thảnh thơi, thanh thản.

**“Nếu vào chốn núi hồ hoang vắng.”** “Khoáng dã” là nơi rất hoang vu vắng vẻ, cách cả mấy trăm dặm, mấy ngàn dặm không có người ở. Giả sử có người tụng trì Chú Đại Bi mà phải đi trong chốn núi rừng hoang vu, hoặc trong đầm lầy, hoặc ở sa mạc, thì người ấy có thể **“gặp những cọp, sói, các thú dữ,/ Rắn, rít, tinh, mị, quỷ vọng lượng….”** Người ấy có thể gặp phải loài cọp dữ hoặc chó sói vô cùng hung hãn, hoặc vô số loài ác thú, ác điểu khác. Ngoài ra, cũng có thể phải đương đầu với loài rắn đen, hoặc yêu tinh và các loài quỷ lị mị, vọng lượng nữa.

**“Nghe tụng Chú này chẳng dám hại.”**Tuy nhiên, nếu nghe thấy quý vị tụng Chú Đại Bi thì chúng chẳng thể nào đến làm hại quý vị được, không có cách nào làm phiền hoặc gây trở ngại cho quý vị được.

KINH VĂN:

Âm:

“NHƯỢC HÀNH GIANG HỒ THƯƠNG HẢI GIAN,
ĐỘC XÀ, GIAO LONG, MA KIỆT THÚ,
DẠ XOA, LA SÁT, NGƯ, QUY, MIẾT,
VĂN TỤNG THỬ CHÚ TỰ TÀNG ẨN.”

Nghĩa:

**“Nếu đi biển cả hoặc sông hồ,
Rắn độc, giao long, loài Ma kiệt,
Dạ xoa, La sát, cá, rùa, trạnh,
Nghe tụng Chú này tự lẩn trốn.”**
LƯỢC GIẢNG:

**“Nếu đi biển cả hoặc sông hồ.”**“Thương hải” (biển xanh) tức là “đại hải,” biển cả. Giả sử quý vị phải đi qua con sông lớn, ao hồ lớn hoặc biển lớn, và những nơi đó thường có các loài **“rắn độc, giao long, loài Ma kiệt,/ Dạ xoa, La sát, cá, rùa, trạnh”**cư ngụ. “Giao long” là một loại rồng độc.

“Ma kiệt” là một loại đại quái thú sống ở dưới nước hoặc trên lục đia. Lại còn có thể có quỷ Dạ xoa, quỷ La sát, đại ngư tinh, đại điểu quy tinh, miết tinh

**“Nghe tụng Chú này tự lẩn trốn.”**Nếu quý vị niệm Chú Đại Bi thì những quái vật đó sẽ không làm hại quý vị, mà đều chạy trốn mất biệt, chẳng còn tác oai tác quái nữa!

KINH VĂN:

Âm:

“NHƯỢC PHÙNG QUÂN TRẬN TẶC VI NHIỄU,
HOẶC BỊ ÁC NHÂN ĐOẠT TÀI BẢO,
CHÍ THÀNH XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
BỈ KHỞI TỪ TÂM PHỤC ĐẠO QUY.”

Nghĩa:

**“Nếu gặp quân trận giặc bao vây,
Hoặc bị người ác đoạt tiền của,
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Họ phát từ tâm, tự quay về.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Nếu gặp quân trận giặc bao vây.”** Giả sử đất nước gặp cảnh chiến tranh, quý vị phải xông pha trước quân trận cùng giao chiến với địch quân; hoặc bị bọn thổ phỉ bao vây, muốn sát hại quý vị; **“hoặc bị người ác đoạt tiền của,”** hoặc gặp bọn người bất lương, cướp đoạt tiền bạc tài sản của quý vị.

Trong hoàn cảnh đó, quý vị hãy **“chí thành xưng tụng Chú Đại Bi.”** Thế nào gọi là “chí thành”? Đó là chuyên tâm nhất ý, thiết tha thành khẩn, không có vọng tưởng nào khác.

**“Họ phát từ tâm, tự quay về.”** “Họ” tức là bọn thổ phỉ, những tên đạo tặc. Kẻ đạo tặc vốn không có lòng từ bi, mà chỉ có tánh “Tu la”; nhưng nhờ “cảm ứng đạo giao” do quý vị niệm Chú Đại Bi, cho nên mặc dù là người không có từ bi tâm, cũng phải sanh lòng từ bi, không muốn cướp đoạt của cải nữa, mà tự động rút lui, trở về. Họ đến từ nơi nào thì trở về lại nơi đó.

KINH VĂN:

Âm:

“NHƯỢC VI VƯƠNG QUAN THÂU LỤC THÂN,
LINH NGỮ CẤM BẾ NỮU GIÀ TỎA,
CHÍ THÀNH XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
QUAN TỰ KHAI ÂN THÍCH PHÓNG HOÀN.”

Nghĩa:

**“Nếu bị lệnh vua quan bắt bớ,
Giam cầm, xiềng xích, lại gông cùm,
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Quan tự khai ân phóng thích về.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Nếu bị lệnh vua quan bắt bớ,/ Giam cầm, xiềng xích, lại gông cùm.”**Nếu quý vị có phạm pháp hoặc không phạm pháp mà bị chính phủ bắt giam vào tù. “Linh ngữ” tức là nhà tù. “Cấm bế” có nghĩa là bị nhốt, bị giam giữ trong ngục, tù túng, không còn được tự do nữa. “Nữu” là còng tay, xích chân. “Già tỏa” là gông đầu và xiềng xích. Lại còn buộc quý vị phải đeo còng nơi tay, cùm nơi chân, cổ bị đóng gông đeo xiềng.

**“Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,/ Quan tự khai ân phóng thích về.”**Gặp cảnh ngộ như thế, quý vị thành tâm khẩn thiết tụng niệm Chú Đại Bi Đà La Ni, thì quan sẽ khai ân. “Khai ân” tức là ân xá, tha thứ, nhận thấy rằng quý vị vô tội, bèn phóng thích, cho quý vị trở về nhà.

KINH VĂN:

Âm:

“NHƯỢC NHẬP DÃ ĐẠO CỔ ĐỘC GIA,
ẨM THỰC HỮU DƯỢC DỤC TƯƠNG HẠI,
CHÍ THÀNH XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
ĐỘC DƯỢC BIẾN THÀNH CAM LỒ TƯƠNG.”

Nghĩa:

**“Vào nhà ngoại đạo dùng tà thuật,
Ở thức uống, ăn có yếm độc,
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Thuốc độc biến thành nước Cam Lồ.”**

LƯỢC GIẢNG:

**Vào nhà ngoại đạo dùng tà thuật**( nguyên văn câu Hán Việt: “Nhược nhập dã đạo, cổ độc gia.”)**,** “Dã đạo” tức là bàng môn tả đạo, bởi vì họ không giữ chánh quy nên gọi là “dã đạo.” “Cổ,” ở Trung Hoa gọi là “lạc cáng đầu” [luò gàng tóu], có một loại “cổ thuật” là cho người ta uống ly nước trà, uống vào thì bị trúng “cổ”; hoặc cho một chút thức ăn, ăn vào cũng trúng “cổ”; hoặc là để một món đồ gì đó ngoài đường, quý vị nhặt lên thì liền bị trúng độc. Bà Ma Đăng Già (phái ngoại đạo Hoàng Phát) đã dùng chú Tiên Phạm Thiên, đều gọi là “cổ độc.” Đây đều gọi là “cổ độc gia.”

**“Ở thức uống, ăn có yếm độc.”** Hoặc là trong thức ăn, họ trộn “cổ độc” vào để ám hại quý vị.

**“Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi.”**Lúc bấy giờ, nếu quý vị chí thành xưng tụng Thần Chú Đại Bi Đà La Ni, thì “thuốc độc biến thành nước Cam Lồ.” Tuy là “cổ độc,” cũng sẽ biến thành mùi vị cam lồ!

KINH VĂN:

Âm:

“NỮ NHÂN LÂM NẠN SANH SẢN THỜI,
TÀ MA GIÀ CHƯỚNG KHỔ NAN NHẪN,
CHÍ TÂM XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
QUỶ THẦN THOÁI TÁN AN LẠC SANH.”

Nghĩa:

**“Phụ nữ lâm nguy lúc sanh sản,
Tà ma ngăn trở, khổ khó cam,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Quỷ thần rút lui, sanh bình yên.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Phụ nữ lâm nguy lúc sanh sản.”** Việc sanh nở có trường hợp sanh khó, người mẹ đau đớn quằn quại có khi suốt một hai ngày mà vẫn không sanh được; thậm chí ba hôm, năm hôm cũng chưa sanh được. Ôi! Lúc đó người mẹ đau đớn tột cùng!

**“Tà ma ngăn trở, khổ khó cam.”**Vì sao sản phụ lại lâm vào tình cảnh ấy? Bởi vì có yêu ma quỷ quái đến cản trở, làm cho sản phụ vô cùng đau đớn khổ sở, không dễ gì mà chịu đựng được.
Tôi còn nhớ ở Đông Bắc, lúc tôi đang thủ hiếu bên mộ phần thân mẫu, có một phụ nữ họ Đường nọ đau đẻ [chuyển dạ] đã ba hôm mà vẫn chưa sanh được. Về sau người nhà đến tìm, tôi để thỉnh giáo, hỏi tôi phải làm sao cho sản phụ sanh nở được dễ dàng. Tôi bèn khuyên họ niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát và tụng Chú Đại Bi. Về nhà trì niệm chưa được bao lâu thì quả nhiên sanh được; tuy nhiên đứa bé sơ sinh thì đã chết rồi, còn người mẹ thì được vô sự, không việc gì. Cho nên, đây đều có sự cảm ứng đặc biệt của Quán Thế Âm Bồ tát cả.

**“Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi, / Quỷ thần rút lui, sanh bình yên.”** Lúc bấy giờ, quý vị chí thành khẩn thiết trì niệm Chú Đại Bi Đà La Ni, thì quỷ thần nghe thấy sẽ bỏ chạy tán loạn, sản phụ sẽ không bị nguy hiểm nữa.

KINH VĂN:

Âm:

“ÁC LONG DỊCH QUỶ HÀNH ĐỘC KHÍ,
NHIỆT BỆNH XÂM LĂNG MẠNG DỤC CHUNG,
CHÍ TÂM XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
DỊCH BỆNH TIÊU TRỪ THỌ MẠNG TRƯỜNG.”

Nghĩa:

**“Ác long, dịch quỷ gieo độc khí,
Bệnh sốt xâm nhập sắp mạng chung,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Bệnh dịch tiêu trừ, tuổi thọ tăng.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Ác long, dịch quỷ gieo độc khí.”** “Rồng” thì có rồng ở trên trời (thiên long), có rồng sống ở biển, có rồng sống trên đất liền. Rồng lại có rất nhiều chủng loại—rồng độc (độc long), rồng dữ (ác long), rồng đen (hắc long), rồng trắng (bạch long), rồng lửa (hỏa long), và còn có cả rồng vàng (kim long) nữa. Tại miền Đông Bắc nước Trung Hoa, có một tỉnh lỵ có tên là tỉnh Hắc long giang, bởi có dính líu tới chuyện một con rồng đen. Con rồng đen này thường xuất hiện trên sông nước, cho nên con sông đó được gọi là “Hắc long giang.”

“Dịch” tức là ôn dịch. Bệnh ôn dịch, hoặc là bệnh tả [hoắc loạn=hùo lùan], hoặc các bệnh truyền nhiễm khác, đều do loài “dịch quỷ” tác oai tác quái. Loài “dịch quỷ” này đem vi khuẩn mầm bệnh hại người gieo rắc khắp nơi, người nào hít phải khí độc do chúng tán rải thì liền sanh bệnh, có thể chết.

**“Bệnh sốt xâm nhập sắp mạng chung.”** Bệnh nhân bị nóng sốt, bệnh thâm nhập vào cơ thể, sắp kết thúc sanh mạng, cái chết đang cận kề.

**“Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,/ Bệnh dịch tiêu trừ, tuổi thọ tăng.”**Nếu quý vị có thể chí thành khẩn thiết niệm Chú Đại Bi thì bệnh ôn dịch sẽ bị tiêu tan, không còn nữa, thọ mạng cũng có thể lâu dài hơn.

KINH VĂN:

Âm:

LONG QUỶ LƯU HÀNH CHƯ ĐỘC THŨNG,
UNG SANG HUYẾT THỐNG PHẢ KHAM,
CHÍ TÂM XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
TAM THÓA ĐỘC THŨNG TÙY KHẨU TIÊU.

Nghĩa:

**“Rồng, quỷ lưu hành bệnh thũng độc,
Ung nhọt lở loét đau nhức nhối,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Thổi qua ba lần độc thũng tiêu.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Rồng, quỷ lưu hành bệnh thũng độc.”**Có loài rồng hoặc quỷ thường đi gieo rắc mầm độc, trúng vào ai thì khắp mình mẩy đều bị sưng phù lên.

**“Ung nhọt lở loét đau nhức nhối.”** Hoặc là sanh bệnh ung thư, mọc ra nhiều mụn nhọt. “Ung thư” tức là trên người mọc ra một vài cục u. “Sang” là mụn nhọt có khi lở loét máu mủ chảy ra. Các chứng bệnh này vô cùng đau đớn khổ sở, con bệnh không thể nào chịu đựng nổi, cho nên nói là “thống phả kham,” tức là không dễ gì mà nhẫn chịu được, nhức nhối đến nỗi không cách nào chịu đựng thêm nữa.

**“Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi.”** Lúc bấy giờ, nếu quý vị chí tâm thành khẩn tụng Chú Đại Bi, thì chỉ cần **“thổi qua ba lần độc thũng tiêu.”**Quý vị niệm Chú Đại Bi, rồi lấy hơi thổi ra ba lần nơi mụn nhọt đó. “Tam thóa” tức là ba luồng hơi thở. Ba hơi thở này quý vị thấy thì rất bình thường, song lại làm cho chỗ sưng xẹp xuống và tiêu tan; rất là kỳ lạ!

KINH VĂN:

Âm:

CHÚNG SANH TRƯỢC ÁC KHỞI BẤT THIỆN,
YẾM MỊ CHÚ THƯ KẾT OÁN THÙ,
CHÍ TÂM XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
YẾM MỊ HOÀN TRƯỚC Ư BỔN NHÂN.

Nghĩa:

**“Chúng sanh ác trược khởi lòng ác,
Trù ếm thư chú kết oán thù,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Trù ếm trở về người trù yếm.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Chúng sanh ác trược, lòng bất thiện.”** Có nhiều chúng sanh, quý vị bảo họ sanh thiện tâm thì họ không chịu nghe theo, nhưng bảo họ hãy thường xuyên sanh lòng bất thiện, tâm đố kỵ, tâm chướng ngại, thì họ lại nảy sanh những thứ tâm ấy rất dễ dàng.

**“Trù ếm thư chú kết oán thù.”** “Yếm mị chú thư” tức là tà chú, tà thuật thư ếm hại người. Có phái ngoại đạo dường như có một loại chú thư. Trong Mật Tông chẳng hạn, có một loại chú mà kẻ nào niệm được bài chú này, tu luyện được thứ phép thuật này, thì nội trong bảy ngày, kẻ ấy bảo quý vị chết thì quý vị sẽ chết, bảo quý vị sống thì quý vị được sống. Cho nên, Mật Tông xem ra cũng rất lợi hại! Quý vị nào có bạn bè theo Mật Tông thì cần phải cẩn thận một chút! Nếu quý ý đắc tội với họ, thì coi chừng họ sẽ niệm chú cho quý vị chết! Thế nhưng, đây chính là một thứ tánh nết của A tu la, không có tâm từ bi. Như vậy tức là “yếm mị.”

Họ làm một “tiểu nhân” tức là một hình nhân nho nhỏ, trên đó có ghi rõ “sanh thần bát tự” [năm tháng ngày giờ sinh viết theo can chi] của quý vị; rồi hôm nay thì lấy kim chọc vào mắt hình nhân cho mù, ngày mai dùng kim đâm vào tai hình nhân cho điếc, ngày mốt lấy kim châm vào cổ họng hình nhân—và bấy giờ quý vị sẽ bị đứt hơi mà chết! Đây là phép thuật của bàng môn tả đạo.
Tuy nhiên, quý vị chớ nên sợ hãi, chỉ cần quý vị có thể niệm Chú Đại Bi, thì họ có dùng phép thuật gì cũng đều không công hiệu cả.

“Kết oán thù.” “Kết” tức là cột vào với nhau; “oán thù” tức là thù hận vô cùng sâu nặng.

**“Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi.”**Bấy giờ, quý vị chí thành khẩn thiết xưng tụng Thần chú Đại Bi, thì **“trù ếm trở về nơi bổn nhân.”** Họ muốn ám hại người khác, nhưng các phép thuật độc ác đó lại trở về nơi thân họ, khiến họ tự thọ quả báo!

KINH VĂN: p 166

Âm:

ÁC SANH TRƯỢC LOẠN PHÁP DIỆT THỜI,
DÂM DỤC HỎA THẠNH TÂM MÊ ĐẢO,
KHÍ BỐI THÊ TẾ NGOẠI THAM NHIỄM,
TRÚ DẠ TÀ TƯ VÔ TẠM ĐÌNH.

Nghĩa:

**“Chúng sanh ác trược thời Mạt Pháp,
Lửa dâm thiêu đốt, tâm mê loạn,
Ngoại tình, bỏ vợ, bỏ chồng con,
Ngày đêm tà tưởng không dừng nghỉ.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Khi Pháp diệt, ác sanh trược loạn.”** Thời Mạt Pháp, đầy dẫy tội ác, cõi Ngũ trược ác thế rối ren loạn lạc, Phật Pháp cũng bị hủy diệt. Lúc bấy giờ, **“lửa dâm lớn mạnh, tâm mê đảo.”**

Một số người trong chúng ta hiện nay, tâm dâm dục nặng hơn tâm học Phật Pháp. Những người đó không hề nghĩ rằng: “Hằng ngày tôi đều nghiên cứu Phật Pháp, không ngừng tìm tòi học hỏi. Ngủ không được thì tôi nghiên cứu Phật Pháp; lúc thức dậy thì tôi càng nên học hỏi Phật Pháp nhiều hơn nữa!” Họ không nghĩ như thế! Trằn trọc, ngủ không được, họ lại sanh tâm dâm dục, cứ thấy rằng nghiên cứu Phật Pháp chẳng ý vị gì cả. Một khi dâm tâm dấy khởi, họ cảm thấy đó là điều vô cùng thích thú kỳ diệu, và đó là một thứ vô minh đang chi phối họ đến tâm thần điên đảo, mê muội!

Quán Thế Âm Bồ tát đã sớm biết rằng con người ở thời Mạt Pháp là như vậy—tâm trí mê loạn điên đảo. “Mê” tức là không còn tỉnh táo, sáng suốt nữa. Cũng như người nào đó, gặp bạn gái là mừng rỡ tíu tít, quên hết mọi chuyện chung quanh; như thế cũng gọi là “mê đảo,” confused! Thật là kỳ lạ!
**“Vợ chồng ruồng bỏ, sanh ngoại tình.”** “Khí” tức là phao khí, bỏ rơi, ruồng bỏ. “Bối” tức là vị bối. “Thê” là vợ; “tế” tức là chồng. Hoặc là người vợ lén lút tìm người đàn ông khác, kiếm tình phu; hoặc là người chồng vụng trộm tìm người đàn bà khác, kiếm tình phụ. “Tham nhiễm” tức là vì phát tiết lửa dâm dục; cho nên đây gọi là “ngoại tham nhiễm,” ra ngoài để tham nhiễm.

**“Ngày đêm tà tưởng chẳng tạm dừng.”**Ban ngày tơ tưởng đến việc này, tối đến cũng nghĩ ngợi về chuyện này—trong từng giây từng khắc, cái ý nghĩ tà vạy, không chánh đáng này cứ không ngừng lởn vởn trong đầu óc. Quý vị cũng biết đấy, có nhiều người đi nhà thờ không phải để làm lễ Misa, mà chủ yếu là để tìm đối tượng; cả nam và nữ đều có tư tưởng như thế. Có người thì đến trường không phải để học hành, mà là muốn tìm đối tượng. Vậy, lửa dâm dục đương mạnh mẽ, dù là tạm thời cũng không đình chỉ được.

KINH VĂN:

Âm:

NHƯỢC NĂNG XƯNG TỤNG ĐẠI BI CHÚ,
DÂM DỤC HỎA DIỆT, TÀ TÂM TRỪ.
NGÃ NHƯỢC QUẢNG TÁN CHÚ CÔNG LỰC,
NHẤT KIẾP XƯNG DƯƠNG VÔ TẬN KỲ.”

Nghĩa:

**“Nếu thường xưng tụng Chú Đại Bi,
Lửa dâm dục tắt, tà tâm dứt.
Công lực Thần Chú nếu xưng tán
Hết kiếp xưng dương không cùng tận.”**

LƯỢC GIẢNG:

**“Nếu thường xưng tụng Chú Đại Bi.”**Trong lúc này, nếu quý vị có thể xưng niệm Chú Đại Bi, thì **“lửa dâm dục tắt, tà tâm dứt.”** Lửa dâm dục trong lòng quý vị sẽ tàn lụi dần dần rồi tắt ngấm, và tà tâm cũng từ từ được trừ khử.

Giảng đến đây tôi muốn lưu ý quý vị một điều—quý vị, bất luận là nam hay nữ, nếu tâm dâm dục quá lớn mạnh, sung mãn, thì quý vị có thể ngày ngày chí thành khẩn thiết xưng tụng Chú Đại Bi, lâu dần dâm tâm sẽ bị tiêu diệt, tà tri tà kiến cũng bị trừ khử!

**“Công lực Thần Chú nếu xưng tán.”** Quán Thế Âm Bồ tát nói rằng: “Nếu tôi tán thán công đức từ năng lực của Chú Đại Bi một cách rộng rãi, thì e rằng **hết kiếp xưng dương không cùng tận.** Cho dù tôi có xưng dương tán thán Chú Đại Bi trong mọi thời, ở mọi chốn, tại mọi kiếp, thì cũng không thể nào nói hết được!”

KINH VĂN:

Âm: NHĨ THỜI QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT CÁO PHẠM THIÊN NGÔN: “TỤNG THỬ CHÚ NGŨ BIẾN, THỦ NGŨ SẮC TUYẾN TÁC SÁCH. CHÚ NHỊ THẬP NHẤT BIẾN, KẾT TÁC NHỊ THẬP NHẤT KẾT HỆ HẠNG. THỬ ĐÀ-LA-NI THỊ QUÁ KHỨ CỬU THẬP CỬU ỨC HẰNG HÀ SA CHƯ PHẬT SỞ THUYẾT.”

Nghĩa:

**Lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Thiên [Vương] rằng: “Nếu chúng sanh nào muốn tiêu trừ tai chướng ma nghiệp, thì nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm sợi niệt. Trước tiên tụng năm biến, kế đến tụng hai mươi mốt biến, cứ tụng mỗi biến lại thắt một gút, cho đến hai mươi mốt gút như vậy, rồi đeo nơi cổ. Tâm Chú Đại Bi này là do chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật quá khứ đã từng tuyên thuyết.”**

LƯỢC GIẢNG:

**Lúc bấy giờ,** sau khi thuyết xong bài kệ, **Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Thiên rằng: “... tụng Chú này năm biến ...”**Vì sao lại tụng năm biến? Bởi vì trên thế giới này có năm bộ lớn (Ngũ Đại Bộ):

-phương Đông là A Súc Bộ, còn gọi là Kim Cang Bộ;
-phương Nam là Bảo Sanh Bộ;
-phương Tây là Liên Hoa Bộ;
-phương Bắc là Yết Ma Bộ;
-trung ương là Phật Bộ.

Năm biến Chú là tiêu biểu cho năm bộ nói trên. Năm bộ này cai quản cả năm đại ma quân—Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung—của thế gian. Ma cũng có Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung; Ngũ Bộ thống nhiếp Ngũ Đại Ma.

Như vậy, quý vị niệm Chú Đại Bi năm biến, rồi **“lấy chỉ ngũ sắc xe làm sợi niệt.”**“Ngũ sắc” tức là năm màu: xanh (dương), vàng, đỏ, trắng, đen. Màu xanh là tiêu biểu cho phương Đông, màu đỏ là phương Nam, màu trắng là phương Tây, màu đen là phương Bắc, và màu vàng là trung ương. Đó là tượng trưng cho Ngũ Phương, Ngũ Bộ.

“Tác sách” tức là bện thành sợi dây.

**“Tụng Chú hai mươi mốt biến, thắt làm hai mươi mốt gút, rồi đeo vào cổ.”**Bây giờ quý vị tụng Chú Đại Bi hai mươi mốt biến, và thắt hai mươi mốt gút thắt trên sợi dây ngũ sắc, xong lấy đeo nơi cổ.

**“Đà La Ni này là do chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đời quá khứ tuyên thuyết.”**Đại Bi Đà La Ni này là pháp mà hằng hà sa số chư Phật đã nói ra.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Chinese version, page 158-171\*\*\*\*\*\*

[**1**](http://www.dharmasite.net/daibidalani1.htm)[**2**](http://www.dharmasite.net/daibidalani2.htm)[**3**](http://www.dharmasite.net/daibidalani3.htm)[**4**](http://www.dharmasite.net/daibidalani4.htm)**5**

***(còn tiếp)***